

JAN TERLOUW

OOSTERSCHELDE

Bão cấp 10



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

JAN TERLOUW

OOSTERSCHELDE

Bão cấp 10



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Oosterschelde Bão Cấp 10

Jan Terlouw

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Giới thiệu tác giả:	
Giới thiệu tác phẩm:	
Phần 1: Triều lên	
Chương 1	
Chương 2	
Chương 3	
Chương 4	
Chương 5	
Chương 6	
Chương 7	
Chương 8	
Chương 9	
Chương 10	
Phần 2	
Chương 11	
Chương 12	
Chương 13	
Chương 14	
Chương 15	
Chương 16	
Chương 17	
Chương 18	
Chương 19	
Chương 20	
Lời bạt	
[1]	
[2]	
[3]	
[4]	
[5]	
Phần 1 : Triều lên	

Giới thiệu tác giả:

Jan Terlouw (1931) theo học phân khoa Toán-Lý tại Utrecht. Sau 13 năm nghiên cứu tại Hoa Kỳ và Thụy Điển, ông chuyển sang hoạt động trong lĩnh vực chính trị (đảng D66). Năm 1973, là trưởng khối D66 tại Hạ viện, ông đã đưa đảng này qua cơn sóng gió và đạt thắng lợi lớn tại cuộc bầu cử Hạ Viện năm 1981. Ông giữ chức tổng trưởng kinh tế trong hai nhiệm kỳ nội các “Van Agt”, có thời làm thống đốc tỉnh Gelderland và từ năm 1999 là nghị sĩ Thượng viện. Ngoài sự nghiệp chính trị Jan Terlouw đã xuất bản 13 tác phẩm phần lớn là truyện viết cho thiếu niên, trong đó nổi tiếng nhất là các cuốn Oorlogswinter (tái bản 56 lần), Koning van Katoen (tái bản 46 lần) và Oosterschelde Windkracht 10 (tái bản 32 lần).

Ngoài Oosterschelde - Bão cấp 10, Cao Xuân Tú đã dịch một số tác phẩm văn học Hà Lan như “Câu Chuyện Tiếp Theo” (Het Volgende Verhaal - Cees Nooteboom), “Nhật ký Anne Frank”, “Muru Sát” (De Aanslag, Harry Mullisch), Những ông Vua Chè (De Heren van De Thee của Hella Haasse)... Ông sắp hoàn thành bản dịch Max Havelaar của Multatuli, được xem là một tuyệt tác của văn chương Hà Lan.

Giới thiệu tác phẩm:

Oosterschelde – Bão cấp 10 bản tiếng Việt được xuất bản trong khuôn khổ kỷ niệm 50 năm trận lụt khủng khiếp xảy ra tại miền nam Hà Lan, và cũng để cho độc giả - nhất là giới thanh niên học sinh - ở Việt Nam, một nước thường xuyên phải chống nạn bão lụt, nhận thức những vấn nạn kinh tế, xã hội Hà Lan đã gặp phải và được giải quyết bằng biện pháp dân chủ. Thành quả là cái đập Oosterschelde vĩ đại, một kỳ công trị thủy của đất nước và con người Hà Lan.

“Đêm thứ Bảy, rạng sáng Chủ Nhật ngày 1 tháng Hai năm 1953, tám mươi phần trăm lãnh thổ Hà Lan bao gồm các đảo thuộc hai tỉnh Zeeland và Nam Hà Lan ngập chìm dưới nước lũ. Thoạt đầu người ta dự đoán đó chỉ là một cơn bão từ hướng bắc – đông bắc và có cơ gây ra một trận lũ, mà sự đe dọa của nó với gia đình Strijen sống trong một trang trại ở làng Battenoord trên đảo Flakkee chẳng hạn thì quá bình thường. Nhưng tối hôm đó, mực nước dâng cao với tốc độ chóng mặt. Quãng 4 giờ sáng, trong cơn bão cuồng nộ, một nhóm người ở Battenoord đã chứng kiến đoạn đê đầu tiên bị vỡ dưới sức ông phá của biển cả. Hai chục năm sau... Công trình xây đập ở khu vực châu thổ này sắp được hoàn thành. Oosterschelde là nhánh biển duy nhất chưa bị đóng. Tuy nhiên đến thời điểm này, người ta không còn nhất quán coi đó là giải pháp duy nhất. Với những người dân từng kinh qua trận lũ năm 1953 thì việc đóng nhánh biển này là một giải pháp không điều kiện. Thế nhưng một số người, nhất là giới trẻ, trong đó có cả những đứa cháu của gia đình Strijen lại nghĩ khác. Đóng cửa Oosterschelde thì còn đâu dòng nước triều vô giá của thiên nhiên. Rồi nghề nuôi sò, nghêu sẽ biến mất sao? Và tại sao không coi biện pháp tôn đê dọc hai bên bờ Oosterschelde là một hướng giải quyết cho vấn đề an sinh? Giới trẻ đấu tranh theo cách của họ, có lúc tưởng chừng vô vọng nhưng không hẳn là không có hiệu quả.”

Phần 1: Triều lên

Chương 1

Quãng bốn rưỡi chiều, chiếc phà cập bến Middelharnis, và chỉ nửa giờ sau Henk đã thấy thấp thoáng trang trại nhà Anne dưới chân con đê ở Battenoord.

Anh lái chiếc Vespa chạy vùn vụt trên đường đê quanh co, uốn khúc. Hôm nay, anh thấy lòng vui khôn tả vì anh muốn làm cho Anne thật ngạc nhiên. Đáng nhẽ hai ngày nữa họ mới gặp nhau, tức là vào thứ Bảy tới. Anne chưa biết là anh vừa thi đỗ môn cơ khí sáng nay. Vậy là chỉ còn hai môn trước kỳ thi tốt nghiệp lấy bằng kỹ sư. Hẳn Anne sẽ rất phấn khởi. Bởi cô lúc nào chẳng vui trước mọi thành công của anh.

Một cơn gió tây chợt ào đến tưởng như muốn bốc cả người anh lên khỏi mặt đê. Anh nhấn tay ga cho chiếc xe rú lên. Nếu Anne nghe thấy chắc chắn cô sẽ nhận ra âm thanh quen thuộc này. Thế nhưng, anh chẳng thấy Anne đâu. Thấy có người phi xe vào sân, con chó chồm lên, nhưng khi nhận ra anh là khách quen nó chùng lại. Đang lúi húi dựng xe, Henk nhìn thấy khuôn mặt tươi cười của ông Strijen, bố Anne, hiện ra đằng sau cánh cửa hiên. Anh vui vẻ vẫy tay chào ông bố vợ tương lai. Lần nào cũng vậy, anh chẳng biết ăn nói thế nào cho phải với ông ấy.

“A, cậu Henk đấy à. Sao tuần này cậu về chơi sớm vậy?”

“Anne có nhà không hả bác?”

“Nó đi ra biển rồi.” Vừa nói ông vừa hất đầu chỉ về phía nhánh biển Grevelingen, Anne đang ở đâu đó.

“Gió to lắm bác ạ!”

“Gió mạnh thế này mà đi thuyền, thật là...”

“Anne đi lâu chưa hả bác?”

“Nó đi từ lúc mười hai giờ trưa cơ.”

Trong khi ấy Henk đã lấy túi xách ra khỏi pooc-ba-ga. Hai người cùng đi vào phòng khách. Mẹ Anne rót cà phê mời Henk. Nhân đó, Henk kể với bà về kết quả thi của anh hồi sáng. Đến sáu giờ mà Anne vẫn chưa về. Henk và ông Strijen trèo lên bờ đê ngóng về phía Grevelingen. Một luồng gió mạnh thổi ập đến. Biển động làm dậy vài ngọn sóng bạc đầu nhưng không có vẻ gì là bão cả.

“Gió này với cái thuyền ấy chắc không vấn đề gì đâu bác ạ,” Henk nói.

“Nhưng sao chẳng thấy cánh buồm nào cả. Có ai lại đi thuyền vào lúc trời gió thế này đâu,” ông Strijen nói.

“Lại vào ngày thường nữa chứ. Sáu giờ rồi còn gì. Chỉ có con gái bác.”

“Lớn tướng vậy mà cứ phải chăm chút từng tí.”

Ông bố rất bực mình mỗi khi con gái đi chơi thuyền một mình. Ngay bản thân ông cũng không biết bơi. Ông chẳng thiết tha gì với sóng nước, mặc dù nhà ông chỉ nằm cách chân sóng

có mấy trăm thước. May nhờ có con dê nên dù lũ dâng cao đến mấy, nhà ông vẫn không sao.

Đáng nhẽ ông không bao giờ cho phép Anne có thuyền riêng. Nhưng làm cha đôi khi cũng khó mà cấm đoán con cái mọi chuyện, nhất là vào cái năm 1952, ở ngay vùng Flakkee này.

“Cô chẳng chịu ngồi yên đâu.”

“Cậu nói phải.”

“Hay là thuyền có trục trặc gì chẳng?”

“Cái thuyền ấy tốt mà,” ông Strijen nói. “Tròng trành một chút cũng không có gì đáng lo. Cánh buồm vừa mới thay. Năm nào chẳng được bảo dưỡng.”

Henk gật đầu đồng tình với ông bố vợ tương lai. Thuyền rất tốt mà Anne lại quá thạo lái thuyền buồm, thậm chí còn hơn cả Henk nữa. Do đó, Anne chưa về anh cũng không lo lắm. Một tiếng nữa trời mới tối và ông Strijen còn phải làm hai tiếng nữa mới xong việc.

Hai người quay về trại. Ông Strijen đi cho ngựa ăn. Henk mở túi xách lấy cuốn sách ra đọc để giết thời gian nhưng anh chẳng còn tâm trí đâu mà đọc sách.

*

Có một điều ông Strijen không nói với Henk là ông đã to tiếng với Anne trước khi cô lấy thuyền đi chơi. Mặt tái đi vì giận, Anne lao ra ngoài bến, nhanh như chớp cô tháo dây thừng buộc thuyền, căng buồm theo hướng gió tây. Anne lái thuyền ngang qua cửa Herkingen rồi ra con lạch nhằm hướng Bắc Hải.

Ông bố vẫn tự hỏi rằng tại sao cô con gái cứ thích làm trái ý ông, nhất là những việc mà đàn bà con gái không nên làm. Thế nhưng trong thâm tâm, ông lại tán phục những điều cô làm, thậm chí thầm ghen với Anne. Bởi lẽ, Anne chẳng bao giờ đếm xỉa đến những lời người ngoài đàm tiếu. Nhưng ông thì không bao giờ làm những gì mà thiên hạ cho là điên rồ.

Nhưng Anne đã đi quá trớn. Chẳng phải ông đã cấm cô không được mặc cái quần yếm thùng thình như con trai mỗi khi đi Nieuwe Tonge ư? Hai bố con đã nhiều lần to tiếng với nhau về chuyện này. Ngay sáng nay, Anne đã mặc cái quần yếm thùng thình ấy, cưỡi con ngựa Odysseus trần trụi không thắng yên, phi vào làng. Miếng sắt ở vó ngựa sau bên trái đã sút ra. Ông hình dung cô con gái như một tên Cô-zắc phóng ngựa, vó nện vang trên con đường lát đá tiến vào Nieuwe Tonge, tay thì nắm bồm, tay kia cầm cành cây quất vào mình con ngựa như muốn tóe lửa. Thế nào dân làng cũng bảo nhau: tránh ra, cái con khùng nhà lão Strijen đang đến kìa.

Đời thừa nhà ai lại lấy tên Odysseus^[1] mà đặt cho ngựa, nghe thật lố bịch. Bản thân ông muốn gọi nó là “Đen”, một cái tên dễ nghe, lại hợp với màu lông đen tuyền của con ngựa, cực chẳng đã thì gọi nó là “Đỏm”, bởi vì ở u vai bên phải của nó có một vệt lông trắng, nhưng đứa con gái chết tiệt của ông cứ khăng khăng đòi đặt cái tên Odysseus. Con bé cũng chẳng thèm hỏi ông một tiếng khi nó đóng cái bảng sơn tên con ngựa lên cửa chuồng. Odysseus chắc là một ông vua hay một tên phiêu lưu hải hồ thời Hy Lạp cổ nào đó, mà theo Anne con ngựa này cũng dũng mãnh chẳng kém gì cái ông Hy Lạp cổ xưa ấy. Ông Strijen nhủ thầm cứ gọi con ngựa là “Đen”, nhưng khi thấy mọi người gọi nó là con Odysseus thì ông chẳng biết sao nữa. Có lần ông đã lỡ mồm gọi nó bằng cái tên kì cục ấy, thế là ông bỏ cuộc. Tuy vậy, mỗi khi thốt ra cái tên Odysseus ông lại thấy mình như một kẻ ngốc.

Đã sáu rưỡi rồi mà chưa thấy con bé đâu. Của đáng tội, ông đã gọi con gái là đồ dĩ thảo. Anne

đâu thuộc hạng ấy. Anne không phải là típ con gái dễ dãi, ham đi chơi với bọn con trai, kể cả trước khi cô gặp Henk. Thậm chí, cô chưa hề đi chơi với ai trước đó. Cứ như thể từ lúc chào đời cô đã biết là có ngày sẽ chiếm được anh chàng Henk, ở đâu và ở lúc nào. Trái ngược hoàn toàn, con em Hennie mới mười sáu nhưng thứ Bảy nào cũng thích vào làng, nói là đi thăm bạn gái nhưng kì thực để lên nhìn bọn con trai quanh quần cái rạp chơi nhạc. Ít ra thì Hennie còn ngại dư luận. Anne thì không. Cô chỉ làm những gì cô thích hoặc thấy cần thiết.

“Đồ đi thả”, ông Strijen đã dùng từ đó để mắng con gái. Anne không thêm buộc ngựa, để mặc nó đứng chờ vợ giữa sân (nếu con ngựa không quá mệt hẳn đã chạy đi mất dạng), dùng dùng chạy vào nhà lấy đôi giày vải đi thuyền và chỉ năm phút sau cô đã ở trên dòng Grevelingen. Con bé ngốc thật. Làm gì phải nóng giận như thế. Mới hai hôm trước, nó đã gọi ông là lạc hậu, bảo thủ thế mà ông có giận dữ lấy thuyền đi Grevelingen đâu? Ngốc ời là ngốc.

*

Anne nắm rõ vùng nước Grevelingen này như lòng bàn tay. Thoạt đầu cô cho thuyền chạy ngược gió, theo hướng tây. Đến dòng nước lớn có ngọn hải đăng, cô chuyển sang hướng tây bắc, thuận gió mà đi chẳng cần chèo lái. Chiếc thuyền chạy chênh chếch về phía bắc dải nước rộng, ngang qua cửa Veerman. Mặt nước mênh mông, thuyền băng băng lướt sóng.

Nhưng thuyền thì bé mà gió lại to. Nước tràn vào khá nhiều. Thỉnh thoảng cô phải tát bớt ra. Gió và nước mận tạt vào mặt. Chỉ nửa giờ sau, bao nhiêu giận dữ trong cô tiêu tan hết. Nghĩ lại thì bố không có ác ý gì với cô. Ông biết rõ hơn ai hết rằng cô không phải là đứa đi thả. Đã bao lần ông nói là ông không thích cô mặc cái quần yếm cưới con Odysseus phi vào làng với tốc độ bốn mươi kilômét một giờ. Nhưng ông nào có hiểu điều đó với cô tuyệt vời dường nào, chẳng khác gì giọng buồm cho thuyền rẽ sóng giữa trời nước bao la.

Gió to quá, không khéo sẽ bị tạt ra ngoài cửa biển. Ngang qua Hompelvoet, nơi nhánh biển uốn mình theo hướng tây nam, trước mặt là Brouwershavense Gat, cô thấy gió mạnh hẳn. Cứ đà này, cô có thể cho thuyền chạy theo hướng tây. Đúng là gió tây bắc rồi.

Anne quyết định lái thuyền đến Ossenhoek nằm trên đảo Schouwen, rồi từ đó theo gió quay về. Thuyền đổi hướng ở Ossenhoek, thuận gió lướt đi như bay. Gió từ sau thổi tới, càng lúc càng mạnh.

Đến gần bờ, cô quay hẳn lại. Chạy thuyền thuận gió cũng thú vị lắm. Những khi gặp sóng to thuyền giật lên, buồm căng phần phật, ngỡ như là thuyền bị gió cuốn phăng, chao lượn trên mặt nước như một con mòng biển.

Mà cô cũng chẳng thấy loài chim nào khác ngoài bọn mòng. Đàng xa, gần bờ Goeree, cô thấy một chiếc thuyền buồm và trước mặt một chiếc phà chở hàng đang đi tới. Chỉ có vậy.

Lúc trước thuyền chạy ngược gió, lắm khi nước bắn vào mặt, giờ gió thổi sau lưng nên đỡ hơn. Nhưng cũng không được lâu. Khoảng bốn giờ cô thấy vật gì bập bênh giữa những ngọn sóng. Trông giống như một cái hòm, có hình thù khác thường. Nắp hơi cong, dài và hẹp, láng bóng, màu nâu. Khi Anne quyết định vớt nó lên thì thuyền đã vượt quá ba chục mét. Cô quay thuyền trở lại. Kìa, cái hòm vẫn dập dềnh. Là tay lái lành nghề, chẳng mấy chốc cô cho thuyền nằm ngang chiếc hòm. Buồm đập vào nhau. Anne nhào người cố với cái hòm nhưng nó trơn quá, cứ tuột ra. Để cho khỏi rơi xuống nước, cô quấn sợi dây buồm quanh người, chân đạp vào cái tủ con làm điểm tựa. Giữa phút ấy, đúng vào lúc cô đưa tay ôm lấy cái hòm, một ngọn gió quái ác ào tới mạn thuyền, đập ngay vào buồm. Nhoài người ra như thế thì giữ thế nào được thăng bằng. Buồm đập xuống nước và chiếc thuyền lật úp.

Thế này thực chẳng thấm gì với Anne. Đã kinh qua nhiều cảnh huống còn khó khăn hơn

hiều nên cô không mấy may nao núng. Khi chiếc thuyền lật, cô đã rút chân ra khỏi cái tủ nhỏ; chỉ vài giây, duỗi chân là cô đã lách ra khỏi thuyền, tay phải nắm sợi dây buồm, tay trái ôm cái hòm dùng nó như cái phao. Nước ngấm qua quần áo, buốt thấu xương. Chao ôi, sao mà lạnh thế! Phải làm gì tức thì đây? Cô nắm sợi dây buồm kéo người lại gần cái thuyền, tay kia ôm cái hòm chìm một phần dưới nước. Cái hòm trông có vẻ chắc chắn nên chẳng sợ bung ra. Chà, bồng bênh thế mà cũng gần đến bờ đê. Chỗ này chắc đựng được chân rồi. Đúng thế, hơi bùn một tí nhưng chẳng sao. Theo kinh nghiệm thì có thể lật thuyền lên được rồi. Chỉ cần một chút sức lực. Một, hai... Xong rồi. Phải tát thật mau... Đã có cái xô buộc sẵn ở thuyền.

Gió bắc thổi thuyền tấp vào phía bờ đê. Cô đang ở đâu đây? Phải chăng là Kijkuitpolder, phía cực đông Brouwershaven?

Rõ chán, cái thuyền nằm đấy, chỉ chực đựng vào bờ đê cao dốc, chẳng mấy chốc nó sẽ lật. Anne nhanh tay hạ buồm, múc hết nước ra khỏi đáy thuyền. Xong đâu đấy, cô chợt nhận ra là không dễ gì ra khỏi nơi này. Cô đang ở cạnh bờ đất thấp, có nghĩa là gió đã thổi bạt thuyền vào cạnh đê. Nếu cố đưa thuyền ra xa bờ chừng chục mét thì có thể giương buồm theo hướng đông mà đi, gió không mạnh lắm nhưng cũng dễ thôi. Vấn đề là làm cách nào để vượt qua được chục mét này. Cô nhảy xuống nước, đẩy chiếc thuyền ngược gió ra ngoài con rạch. Được quãng chục mét, thoát một cái cô trèo lên thuyền và giương buồm lên. Nhưng không kịp. Buồm mới kéo lên được nửa chừng, gió lại đẩy thuyền dạt vào bờ.

Gượng đã, vẫn còn cái neo. Cô lấy chiếc neo đặt sẵn phía trước thuyền, lại đẩy thuyền ngược gió ra ngoài, lội nước sâu đến cằm, thả cái neo xuống rồi trèo lên thuyền.

Vẫn không được. Gió mạnh quá, cái neo không tài nào bám nổi vào đám bùn, thuyền lại dạt vào bờ. Chán nản cô kéo thuyền lại gần mấy phiến đá, buộc dây cẩn thận, xong việc cô cởi hết quần áo ướt. Sẵn có mấy cái kẹp phơi đồ trên thuyền thả hồ mà treo trên dây néo cột buồm. Gió thổi phàn phật, nắng ráo thế này chẳng mấy chốc thì khô.

Anne đi lên mặt đê, trên người chỉ mặc độc cái nịt ngực và quần lót. Chẳng có ai cả... Cứ cởi nốt mấy mảnh vải này ra mà phơi. Vẫn còn rét quá. Để sưởi ấm cô cất cao giọng, hát bài hát ưa thích do chính cô sáng tác:

Nói chi cho nhiều, hò dô
Nước mặn như muối, hò dô
Tắm trong cái bồn
đi chơi trên thuyền
Hiểu biết sẽ đến sau, hò dô.

Tại sao lại hò dô, cô chẳng hiểu. Thấy nó hay hay thì hát. Hát hò cũng không ấm người thêm chút nào. Cô lại nhảy xuống nước. Ở dưới này đúng là đỡ lạnh hơn đứng giữa gió. Bơi lội thế này còn hơn là mặc quần áo ướt trên người. Khi đã thấm mệt cô bơi vào bờ. Ngẩng đầu lên, trước mặt cô hiện ra một viên cảnh sát cao to, ăn mặc bảnh bao, lại còn đẹp trai mới khổ chứ.

“Cô đã vi phạm luật lệ,” anh cảnh sát nói.

“Quần áo tôi ướt hết. Đắm thuyền mà.”

“Ở đây có lệnh cấm tắm khỏa thân,” anh ta tiếp tục.

“Chắc anh muốn tôi ngồi trần truồng trên bờ hay sao?”

“Tôi phải lập biên bản.”

“Chao ôi, khó dễ nhau làm gì! Mà có ai ở đây đâu?”

“Thế tôi không phải là người sao?” Anh cảnh sát thấy mình bị xúc phạm nói. Cô này hẳn thuộc hạng dĩ điểm gì chẳng, anh nghĩ thầm, chẳng xấu hổ khi bị bắt gặp đang trần truồng. Tuy nhiên, đôi mắt cô lại không có vẻ gì là dĩ thỏa cả.

“Lạnh lắm,” Anne nói. “Quần áo chắc khô rồi. Xin anh làm ơn đi chỗ khác để tôi mặc đồ.”

“Tôi còn phải làm biên bản.”

“Chao ôi, mấy cha ở Schouwen này rõ chán.”

“Cô từ Goeree đến đây?”

“Flakkee.”

“Mặc quần áo vào. Sau năm phút nữa, tôi sẽ trở lại.”

Anh ta lấy chiếc xe đạp nằm dưới đất, đạp đi mất. Cách đấy khoảng ba, bốn chục mét có mấy cây liễu. Anne nhìn theo cho đến khi anh ta mất dạng. Ai mà biết được, nhờ anh ta nấp đâu đó nhìn lên thì sao. Nếu anh chàng thích thế thì đành chịu thôi, ta cứ làm việc của ta. Áo quần còn ướt, nhưng không đến nỗi khó chịu như trước.

Hay là chuồn nhanh trước khi anh chàng trở lại? Khổ thay, gió từ hướng bắc thổi mạnh quá, khó mà thoát được. Và anh ta đã hiện ra kìa. Rút từ túi áo một cuốn sổ trông có vẻ quan trọng, thêm cây bút chì, nhấm một cái, viên cảnh sát hỏi:

“Tên?”

“Thôi mà, tôi xin anh đấy. Tôi không thể làm khác được. Hãy giúp tôi đi khỏi đây.”

“Tên?”

“Wil Posthouwer.”

“Ngày sinh?”

“Mười bốn tháng Tư năm 1931.” Một năm và năm ngày nữa mới đúng sự thực.

“Nơi sinh?”

“Soerabaja.” Sự thực còn cách xa hàng nghìn cây số, bởi cô chào đời trên một cái giường kiểu xưa ở Battenoord.

“Địa chỉ?”

“78, Dorpsstraat, Oude Tonge.”

“Chiếc thuyền này của cô?”

“Đúng, nhưng tôi chẳng hiểu anh muốn gì?” Anne trả lời với vẻ khinh mạn. “Chiếc thuyền này của tôi nhưng cái áo len xanh này tôi mượn của em gái tôi đấy. Anh cần ghi chép thêm gì nữa?”

Viên cảnh sát không ghi ai là chủ cái áo len màu xanh, nhưng anh ta ghi tên của chiếc thuyền

một cách rất cẩn thận, bởi đây là một cái tên tiếng Anh, mà anh thì không biết thứ tiếng này. Chiếc thuyền có tên là Sailbad the Sinner. Cái tên này do Henk đặt bởi anh không muốn thuyền của Anne là con thuyền vô danh. Người cảnh sát không chỉ hỏi tên thuyền mà còn muốn biết số thuyền ghi ở trên buồm. Nhưng cánh buồm đã sụp xuống nước giống như một con ngan say rượu nằm ở trong chuồng.

Viên cảnh sát tên là Giel Nolen. Thực tình, anh cũng không muốn làm biên bản lời thôi mặc dù anh có đủ quyền hạn thực thi theo đúng luật. Anh tin rằng sở dĩ cô gái trần truồng là do quần áo bị ướt, và cho dù làm thế là trái phép ở cái vùng Zeeland mộ đạo thiên chúa cực kỳ bảo thủ vào giữa thời điểm 1952 này, anh cũng chẳng phải là ông ba bị thích làm to chuyện. Dĩ nhiên là không. Nhưng có một vài lý do khiến anh mở cuốn sổ ghi chép ra. Sự thực vì hai nhẽ:

Thứ nhất, cô gái không có vẻ gì sợ hãi trước một người mặc đồng phục cảnh sát quốc gia. Đáng nhẽ, cô ta nên tỏ ra xấu hổ hoặc e thẹn vì anh đã thấy cô trần như nhộng. Ngược lại, cô đã không gọi anh là “ông”, mà nói chuyện với anh như thể là hàng xóm quen biết nhau cả chục năm rồi. Cô xem anh như một “chú nhóc” lảng giềng mới ác chứ. Để xem anh có “hạ” cô xuống được không?

Nhưng cũng bởi cái vẻ bạo dạn của cô, bởi cô đã không tỏ ra xấu hổ mà anh thấy cô thật cuốn hút. Và đây là lý do thứ hai. Anh muốn gặp lại cô. Anh nhìn cô đứng đấy, mái tóc nâu mượt mà, dường như đã khô, xõa tung trong gió, để lộ một phần gương mặt. Một khuôn mặt thật độc đáo, có vẻ như năm góc, cái miệng rộng và cặp mắt nâu thâm lóng lánh như... gì nhỉ? À, như đá quý, anh đã có lần nhìn thấy cả một chuỗi hạt cơ. Đúng là hồng ngọc. Mắt cô long lanh tựa hai viên hồng ngọc.

Anh nhìn cô đứng đấy, dáng thẳng với một thân hình thon thả. Cô không cao, cỡ chừng mét sáu. Nét mặt cô phảng phất cái vẻ của một người chẳng dễ cúi mình trước người khác, dù người đó là cảnh sát đi chăng nữa. Thế nhưng, thân hình cô trong thật mềm mại, tựa như một cây sậy xanh non uốn mình theo gió. Anh ghi tên cô vào sổ, nhưng bản thân lại không chắc đó có phải là tên thật của cô hay không. Vì thế, anh hỏi số đăng ký của chiếc thuyền, thường được ghi ở cánh buồm. Như vậy anh có thể tìm ra cô, dù cô có cho anh cái tên giả đi chăng nữa. Và anh vẫn có thể báo cáo về cô. Đừng có hồng coi anh như một đứa trẻ hỉ mũi chưa sạch.

“Anh định cho tôi mấy năm tù đây?” Anne hỏi. “Hay ở Schouwen người ta còn dùng án tử hình cho kẻ trần truồng đi ra ngoài đường?”

“Ra là ở Flakkee người ta coi nhẹ chuyện này chứ gì? Cô đã nghĩ cách nào để ra khỏi đây chưa?”

“Tôi không biết. Chờ gió xoay chiều hăng hay.”

“Còn lâu lắm.”

“Anh có ý gì không?”

Anh cảnh sát suy nghĩ.

“Tôi nghĩ thế này nhé,” Anne nói. “Anh lợi xuống nước và đẩy hộ cái thuyền ra ngoài kia. Anh giữ nó thật chắc để tôi giương buồm lên. Xong anh đẩy nó thuận theo chiều gió, thế là tôi thoát.”

“Mặc đồng phục thế này làm sao mà xuống nước được.” Giel Nolen giận dữ.

“Thì cởi ra. Như thế là hòa cả làng.”

Cô bé này điên thật. Anh không biết làm gì đây, bế cô ngồi lên đùi hay ôm cô vào lòng. Anh thoáng nghĩ hay là cứ cởi phăng quần áo, mặc quần lót nhảy xuống nước đẩy cái thuyền ra khỏi bờ, nhưng anh vội gạt đi ngay. Kinh quá, nhớ có ai tình cờ đi qua thì sao. Anh còn phải đi Brouwershaven nữa. Từ này đến giờ đã bốn mươi năm phút rồi.

“Có cái chèo to bản nào không?” Anh hỏi.

Anne gật: “Cả cột chèo nữa.”

“Cứ chèo ra Hoek Van Bommenede. Rồi quay về hướng nam. Ra được đấy coi như xong”

“Cám ơn nhé,” Anne nói. Chẳng mấy chốc thuyền đã xa bờ. Giel Nolen trèo lên mặt đê nhìn theo. “Tối nay, nếu thấy cuốn sổ ấy, cứ quăng nó vào lò sưởi là xong,” cô hét về phía anh. “Tôi phải cãi nhau với ông bố ba lần một tuần đã quá đủ rồi.” Cô chẳng biết người cảnh sát có nghe thấy những gì cô nói không. Anh vờ như không nghe thấy gì, cứ đứng tần ngần nhìn theo. Tiếc thật, cô ta không dựng buồm lên. Dĩ nhiên là không. Gió thế này thì lại dạt vào bờ đê mất thôi. Anh thấy cô hí hục chèo. Được đấy, thế cũng xong. Cô bé này quả cảm thật.

Chương 2

Gia đình ông Strijen gồm hai vợ chồng, ba đứa con: Anne, Hennie, Piet và bà mẹ ông Strijen đã bảy mươi tám tuổi. Hennie mười sáu. Piet mười bốn. Piet khá cao so với tuổi của nó. Cậu khỏe như trâu. Cậu đã biết đỡ đàn bò khá nhiều việc trong trang trại. Noi gương bố, cậu quyết tâm sau này sẽ theo nghiệp nông. Với cậu, mọi nghề khác đều chẳng bổ công học làm gì.

Mẹ Anne vốn ít nói. Bà thường giữ lập trường trung lập trong các vụ xung đột giữa chồng và con gái. Tối hôm nay bà không vội chuẩn bị cơm nước vì Anne vẫn chưa về. Bảy giờ kém mười lăm, bóng tối lan dần..., bà cởi cái tạp dề và đi về hướng đê. Đằng xa phía Grevelingen thấp thoáng một cánh buồm trắng. Bà quay trở lại.

“Anne sắp về rồi,” bà nói với Henk. “Mười lăm phút nữa sẽ ăn tối.”

“Để cháu đi đón cô ấy.” Henk cảm thấy nhẹ hẫng người. Anh nhanh chóng dứt cuốn sách đang đọc vào túi xách rồi đi ra ngoài. Ông Strijen đang cho gà ăn.

“Anne về đấy.”

“Hừm. Còn phải nói.”

Một lát sau, Anne cho thuyền cập bến. Cô rất đổi ngạc nhiên thấy Henk đang đợi mình. Cả hai tháo buồm và phủ vải che lấy thuyền.

“Sao về trễ thế? Mẹ em đang chờ cơm đấy.”

“Em bị kẹt ở bờ đê. Gió thổi mạnh lắm.”

“Anh cũng thấy thế. Giờ gió xoay qua hướng bắc. Nào ta chạy nhé!”

“Bố vẫn còn bực em à?”

“Chắc vậy. Mà giận thì đúng hơn.”

Nhưng rồi cũng không đến nỗi nào. Anne xin lỗi cả nhà, thanh minh rằng cô bị kẹt hàng giờ ở bờ đê. Sau đấy, chẳng ai dǎ động đến chuyện ấy nữa. Chỉ có Hennie bình phẩm là Anne không thạo lái thuyền như nó tưởng. Thế là Piet trả đũa lại ngay cho rằng Hennie suy nghĩ còn kém hơn cả lái thuyền, mà về lái thuyền thì Hennie không biết gì, vậy Hennie cũng nên học cái môn này cho biết.

*

Suốt buổi tối, Anne quên bémng mất cái hòm cô vừa vớt lên ở Grevelingen. Cô và Henk đi dạo một vòng quanh bờ đê, vừa đi vừa nói huyền thuyēn về việc học hành của Henk xem như đã xong xuôi, về anh chàng cảnh sát cô gặp hồi chiều lúc cô đang trần như nhộng. Nghe kể, Henk cảm thấy hơi bực mình, mặc dù anh vốn là người trầm tĩnh và vui tính. Anne cười, đùa rằng biết đâu anh còn thủ cựu hơn cả bố cô.

“Chắc em sẽ chẳng bao giờ gặp hǎn nữa đâu. Thật mà. Em cho hǎn cái tên giả Wil Posthouwer, sinh ở Soerabaja.” Henk nhặt mấy hòn sỏi dẹt lép, ném mạnh tay hơn thường lệ cho chúng xẹt dài trên mặt nước. Anh mãi miết nghĩ. Ở nhà mỗi khi tắm rửa, ai nấy đều cài chốt phòng tắm cẩn thận. Dù ngoài miệng vẫn nói cái tính cả thẹn thật là vô lý, nhưng trong thâm tâm anh có chút ghen tuông khi nghĩ đến việc anh cảnh sát đứng nhìn Anne của anh trần

trường. Thật vô lý, anh thầm nhủ, sẽ không bận tâm đến chuyện này nữa. Viên sỏi cuối cùng ném xa, xệt bảy, tám lần trên mặt nước. Họ không nhắc chuyện đó nữa.

Có lẽ mãi nhìn Henk chơi trò ném sỏi mà Anne quên khuấy chiếc hòm. Ngày hôm sau khi đang đứng hái đậu, trên đầu quấn chiếc khăn, cô chợt nhớ đến nó. Trời ơi, quả thực mình vớt được cái hòm! Trong ấy có gì nhỉ? Kỳ quá, quên bằng nó, giờ lại chỉ chực có dịp để kể cho người khác nghe. Ngặt một điều là chẳng có ai mà khoe. Phải chờ đến mười hai giờ mười lăm mọi người mới lục tục về: bố và Henk từ ruộng, Noteboom, người làm công, từ kho chứa khoai, Hennie vừa đi chợ ở Nieuwe Tonge. Piet về chậm hơn. Cậu học ở trường canh nông.

Đợi mẹ dọn thức ăn lên bàn và đọc kinh xong, Anne mới cho mọi người biết về cái hòm.

“Khóa kỹ lắm,” cô nói. “Chẳng biết có gì trong ấy. Cũng không nặng lắm cho nên khó mà hy vọng có vàng trong đó.”

“Tối nay, thử mở xem có được không,” Henk điềm đậm nói.

“Sao lại tối nay? Ăn xong là làm ngay.”

“Anh đã hứa chiều nay giúp bố.”

“Chờ một giờ nữa có sao đâu.” Anne vót vát.

Nhưng chẳng dễ gì lay chuyển được Henk. Anh là hiện thân cho sự điềm tĩnh, chừng mực.

“Để cái hòm chờ đó cũng vậy thôi.”

Mọi sự tạm yên. Đợi khi toán đàn ông đi cả, vừa rửa bát xong, Anne đã rủ Hennie xuống thuyền khiêng cái hòm về. Làm sao mà mở được cửa nọ này đây? Khóa khít chặt, lấy dao cạy cũng chẳng được.

“Cứ đập nó ra!” Hennie nói.

“Phải tội đấy.”

“Nhưng xem có gì ở trong.”

“Henk thạo máy móc lắm,” Anne miễn cưỡng nói. “Chắc anh ấy biết cách mở.”

Thế là phải chờ. Năm giờ bố và Henk về. Anne còn đang lưỡng lự có nên hỏi Henk không thì chính Henk đang rất hiếu kỳ muốn biết. Anh hỏi ngay:

“Em đã đem cái hòm ấy về chưa?”

“Em để nó trên cái bàn dài trong nhà kho.”

Henk ung dung ngắm nghía cái hòm từ mọi phía, đập mạnh vào nắp, lắc qua lắc lại.

“Liệu có mở được không?”

“Để xem sao.”

Anh lấy một cái kim bằng thép chọc vào ổ khóa.

“Tìm có hộp chìa khóa cũ nào không?”

“Có đây.”

Henk hí hụi hồi lâu. Anh tỉ mỉ lấy cái kim bằng thép chạm thử vào từng chiếc chìa khóa, chọn cái trông có vẻ khả dĩ nhất rồi đưa mấy chiếc răng cưa. Đang làm thì phải tạm ngưng vì mẹ Anne gọi về ăn tối. Mãi đến chín giờ thì mới mở được. Cái khóa bật tung ra. Henk kéo cái nắp cong cong. Mặt trong cái hòm lót bằng nỉ. Chứa nửa cái hòm là giấy tờ, những bài cắt ở báo, sổ tay và những trang viết tay. Tất cả đều khô ráo.

Chỉ còn Anne và Henk trong cái chòi gỗ. Hennie xem được chừng hai mươi phút thì bỏ cuộc. Hai người ngồi trên một cái thùng lật mở giấy ra xem. Có nhiều trang viết tay cùng một nét chữ. Vài chỗ đã nhòe nhưng vẫn còn đọc được.

“Ghi chép cá nhân,” Henk nói. “Kiểu nhật kí ấy mà. Cần nhiều thời gian mới đọc hết được.”

“Có thấy tên tuổi, địa chỉ nào chưa?”

“Chưa, còn em?”

“Cũng chưa nốt.” Anne lấy ra một xấp bài cắt từ báo. Cả hai lục lọi hồi lâu.

“Xem này. Một lá thư độc giả. Ký tên B.G. Brooshoofd. Chắc chiếc hòm là của ông Brooshoofd này?”

“Nội dung có gì không?”

“Về cơn lũ Elisabeth. Dài lắm.”

“Nghe này,” Henk nói. “Đây là bài thơ về biển:

Có khi trời xanh lục, có lúc vàng lúc xám

Ôi biển cả hiem nghèo,

Mãi mai đổi thay, mãi mãi cuốn trôi

Hãy cuốn ta theo với.”

“Ôi giời!”

“Cứ xem cái hòm nổi bồng bênh thế kia chắc ông ta mãn nguyện lắm,” Henk cười. “Nhưng vì ông B.G. Brooshoofd không thể nổi bồng bênh như cái hòm, có thể ông ta đã nằm dưới đáy biển khi-xanh-khi-lục-lúc-vàng-lúc-xám ấy rồi.”

“Em thấy bài thơ được đấy chứ,” Anne nói.

“Xem này... một bài nghiên cứu về khí tượng. Đúng ra là ảnh hưởng thời tiết đối với thủy văn, đấy là mới nhìn qua thôi. Phải đọc kỹ mới được.”

Anne thầm mong tìm thấy một tập nhật ký ghi chép những chuyện tình ái lãng nhãng, nhưng vô hiệu.

“Mình vào nhà thôi.” Anne đề nghị. “Em chắc bố mẹ cũng thích những chuyện thế này.”

“Ừ, phải đấy.”

Suốt buổi tối đó, cả nhà ngồi trong phòng khách, ai nấy chúm đầu vào mớ giấy của

Brooshoofd kia, biển cả là niềm đam mê của cô; còn Henk thì do một nhẽ là anh đang học chuyên ngành cầu đường.

*

Mấy ngày cuối tuần, Henk chăm chú đọc những trang ghi chép của ông Brooshoofd. Thứ Bảy anh làm vài việc lặt vặt trong trại, còn Chủ Nhật thì đi nhà thờ. Chỉ đi một lần thôi. Chính việc này đã gây ra sự bất đồng giữa ông Strijen và chàng rể tương lai.

Ông Strijen có chân trong giáo xứ Tin lành Cải cách ở địa phương. Từ khi mấy đứa con còn bé xíu, Chủ Nhật nào ông cũng đem chúng đi lễ nhà thờ hai lần, mười giờ sáng và hai rưỡi chiều, bất luận thời tiết mùa đông hay mùa hè, mưa hay nắng. Lúc lớn lên chúng phản đối ông. Nhưng ông vẫn kiên quyết giữ vững lập trường về việc đi lễ. Vợ ông vốn không nghiêm khắc như ông, nên có vẻ bênh mấy đứa con. Còn ông thì không: Chủ Nhật nào cũng đi lễ nhà thờ hai lần, chấm hết.

Giờ đến lượt Henk. Anh chàng ít nói, tưởng như dễ bảo ấy, thế mà khi cần đã xử sự rất cương quyết. Buổi đầu đến Flakkee ở chơi cuối tuần, anh nói:

“Cháu chỉ quen đi lễ một lần vào ngày Chủ Nhật, ở đây cháu cũng thế.”

“Nhà này đi lễ hai lần. Bác nghĩ rằng nhập gia thì phải tùy tục, cháu nên theo.”

“Mong bác thông cảm. Cháu nghĩ việc này có lẽ mình tự quyết định.”

“Từ nay con cũng đi một lần thôi.” Anne thêm vào. Từ đó, việc này trở thành thông lệ. Ông Strijen đành chịu thua, chỉ biết tức thầm trong bụng.

Với việc khác, Henk lại nhân nhượng. Anh muốn về nhà vào tối Chủ Nhật nhưng ông Strijen cho rằng đi lại vào ngày Chủ Nhật là bất kính với Chúa. Henk nghe theo, ở lại để sáng thứ Hai dậy từ bảy rưỡi lấy phà về Delft. Anh cho đi thế sớm quá, làm cả nhà họ Strijen cười vỡ bụng, kể cả Anne.

Tối Chủ Nhật trời ấm áp, Anne và Henk đi dạo xa. Họ tìm một chỗ yên tĩnh, làm tình với nhau một cách cuồng nhiệt. Khi đã thấm mệt, Henk kể cho Anne những gì anh đọc được trong mớ giấy của Brooshoofd. “Cái ông này có vẻ hơi điên,” anh nói. “Cứ lặp đi lặp lại, nhai mãi một chuyện. Nhưng cơ bản mà nói những gì ông ta viết rất là lý thú. Ông ta cho rằng dê ở đây không an toàn, thậm chí còn khẳng định rằng mực nước dọc bờ biển vùng này lên cao nhất mỗi khi có bão hướng bắc - đông bắc thổi tới. Đây là theo lời một ông tên là Schalkwijk thuộc Viện khí tượng Hoàng gia ở De Bilt. Brooshoofd còn tính thêm rằng trong trường hợp có bão từ hướng bắc - tây bắc thổi tới đúng vào lúc nước lũ dâng cao, thì những con dê dọc theo những hòn đảo ở Zeeland và Nam Hà Lan sẽ không kham nổi.”

“Anh thấy có đúng không?”

“Chẳng biết được! Brooshoofd đã viết nhiều thư gửi cho báo chí nhưng hầu hết bị trả lại, lý do vì chúng quá dài còn không thì nội dung quá lộn xộn. Có một lần họ đăng thư ông ấy, như em đã thấy ở cái mẫu báo cáo. Phần cuối tòa soạn trả lời là vào ngày 1 tháng Ba năm 1949, mực nước ở Vlissingen lên cao tới mức kỷ lục 3 mét 82 trên mức chuẩn đo ở Amsterdam, nhưng rồi chẳng có gì xảy ra cả.”

“Ông ta còn viết gì nữa?”

“Thượng vàng hạ cám, cái gì cũng có,” Henk nói. “Tất cả những gì liên quan đến dê và biển.

Ông ta buộc tội một viên chức có tên là E.K. đã ăn chặn khoản tiền dùng vào việc trùng tu đền đền. Ông ta phác họa lại những vụ bão lụt xảy ra trong quá khứ. Trận lụt ở St. Elisabeth năm 1421 đã làm cả chục ngàn người chết, tai biến xảy ra vào ngày lễ Chư Thánh năm 1570... ngoài ra còn những vụ nhỏ hơn, không nhớ hết được. À, năm 1682 vùng Goeree - Overflakkee này bị nước dâng cao rất nguy kịch. Ông ta còn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của những con đê trong nội địa, những vụ đê vỡ, vân vân. Không phải tất cả đều có tính khoa học đâu nhé, nhiều cái đọc thấy vô lý, tuy vậy thỉnh thoảng cũng thấy nhiều điều hứng thú.”

“Giờ biết làm gì với cái hòm và mớ giấy tờ này đây?” Anne hỏi.

“Anh sẽ đem một số tư liệu về Deft đọc dần. Tuần tới anh được nghỉ học, hay là chúng mình lấy xe máy đi kiếm ông Brooshoofd này. Chắc chắn ông ta muốn lấy cái hòm về, nhân tiện anh cũng muốn gặp ông ấy để nói chuyện.”

“Em thấy hay đấy. Em yêu anh lắm, anh có biết không?”

“Anh biết mà,” Henk đáp.

Tối ấy họ không bận tâm về chuyện ông Brooshoofd nữa mà chỉ nghĩ đến nhau thôi.

Chương 3

Mười ngày sau Henk và Anne khởi sự việc dò hỏi về ông Brooshoofd. Ở Brouwershaven và Scharendijke, họ không tìm được manh mối nào nhưng ở Zierikzee thì dễ như trò con nít. Một anh chủ quán mặc áo len xanh, đội mũ thủy thủ cứ như sắp sửa đi biển đến nơi, đáp ngay:

“Brooshoofd? Lão giáo sư chứ gì?”

“Tôi không biết ông ấy có phải là giáo sư hay không,” Henk nói. “Tên viết tắt là B.G.”

“Bart Brooshoofd, đúng rồi. Giáo sư giáo siếc gì đâu, gọi đại thế thôi, vì lúc nào lão ta cũng làm ra vẻ thông thái lắm. Anh muốn gặp lão ta làm gì?”

“Tôi đến mời ông ta làm giáo sư ở trường cao đẳng kỹ thuật ở Delft,” Henk nói. “Anh nói lại nghe xem”

“Có gì đâu, một cái ghế giáo sư. Đùa vậy thôi.”

Henk nói: “Nhà ông Brooshoofd ở đâu?”

“Ngoài bến. Cái nhà cuối cùng.”

“Cám ơn.”

Henk trả tiền cà phê, lái xe chở Anne ngồi sau hướng về phía bến. Nhà không khó tìm, nhưng không có ai cả. Nhìn qua cửa kính, một khung cảnh hỗn độn hiện ra. Thức ăn thừa trong đĩa đã mốc meo cả, một mảnh thảm đỏ nằm trên sàn nhà, cửa lò sưởi đốt than để hờ không đóng. Một cái mạng nhện to tướng giăng giữa chiếc ghế mây và cái bàn, chắc con nhện tha hồ mà vỗ béo với đám ruồi nhặng đến đây nạp mạng cho nó.

“Người đâu mà sạch sẽ quá,” Anne nói.

Họ bấm chuông nhà bên cạnh. Vợ một người đánh cá với thân hình mà bề ngang gần bằng bề cao, ra mở cửa.

“Hỏi ông giáo sư à? Hai tuần rồi có thấy ông ta đâu. Chẳng lạ gì. Có khi vắng mặt cả tháng ấy chứ. Gặp ông ấy có việc gì không?”

“Tôi học về đề điều và cầu đường,” Henk nói. “Sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Delft. Tôi muốn nói chuyện với ông Brooshoofd về đề điều.”

“Giời đất ơi,” bà ta kêu lên, “Cậu điên rồi sao? Nghe như là chuyện trên trời dưới đất.”

“Giờ ông ấy ở đâu?”

“Ai mà biết được. Lang thang ở Schouwen, lúc trên đê, khi dưới bãi, có khi chạy qua đảo khác. Có lần anh làm công bị ốm, chồng tôi cho ông ta theo thuyền ra biển. Một lần mà tởm đến già. Có khi lão đứng ngắm trời, ngắm mây cả chục phút, cầm gì trong tay để rơi hồi nào cũng không biết. Chẳng được cái tích sự gì cả.”

“Ông ta chừng bao nhiêu tuổi?”

“Ông giáo sư ư? Làm sao mà biết được. Chắc khoảng năm mươi gì đó.”

“Ông ấy người ở đây à?”

“Không, gốc gác đâu tận Tholen. Bị tù một thời gian vì tội bắt gái gì đó, thấy họ đồn vậy. Chẳng ai biết thực hư thế nào. Dọn đến đây hai chục năm rồi, nhưng tôi chưa hề thấy bóng dáng người đàn bà nào trong cái nhà đấy, đúng như vậy.”

“Cám ơn bà. Chúng tôi sẽ quay lại xem ông ấy về chưa.”

Anne và Henk lái xe chạy quanh một hồi, hỏi thăm người nọ người kia về ông Brooshoofd. Ai cũng biết ông ta, nhưng gần đây chẳng ai thấy bóng dáng ông ta đâu. Cuối cùng đành chịu thua.

“Đợi vài tuần nữa xem sao,” Henk đề nghị. “Chỉ còn biết đoán mò thôi.”

Anne tán thành. Cô không còn thấy thích thú như trước về cái ông bị đề điều làm cho mê muội này. Thủy tai ư? Đây là chuyện ngày xưa ngày xưa.

*

Hè này họ không tính chuyện đến Zierikzee lần nữa. Henk dồn sức học hành. Anh chỉ muốn tốt nghiệp càng sớm càng tốt. Anh đã chán ngấy đời sống sinh viên. Lúc đầu thì oai đấy, đi đâu cũng xách cái ô, nhận thư thì cái nào cũng được ghi cẩn thận: “Kính gửi cậu ...”, nhưng sau năm năm thì ai cũng nhận thấy cái vỏ bề ngoài giả tạo ấy muốn kiếm việc làm.

Henk cũng có cảm giác này, cái cảm giác mà anh cho là hơi lỗi thời: đã đến lúc kiếm tiền dần thì vừa. Đã hai tư tuổi đầu mà anh chưa làm ra được đồng nào, kể gì dăm xu tiền công hái dâu trong những kì nghỉ hè. Bố mẹ anh không để ý đến chuyện đó. Họ sẵn sàng trang trải mọi phí tổn học hành cho cậu con trai độc nhất. Họ lấy làm hãnh diện là con mình nay mai sẽ thành ông kỹ sư. Thoạt đầu Henk cũng thấy hào hứng, nhưng càng học anh càng chú tâm đến chuyên môn của mình. Còn cái hàm kỹ sư..., trông xem, hàng năm tốt nghiệp cả trăm người.

Kỳ thực họ đã không có một kỳ nghỉ trọn vẹn. Henk đến chơi vài tuần với Anne ở Flakkee, sau đó Anne ở chơi một thời gian với bố mẹ Henk tại Harderwijk. Vừa đến Battenoord - lúc ấy là tháng Tám - vào ngày nghỉ cuối tuần, Anne quyết định nói cho Henk điều mà thời gian gần đây cứ làm cô băn khoăn. Giờ thì cô biết chắc. Cô tự hỏi không biết phản ứng của anh thế nào. Có thể là cô biết anh rất rõ; nhưng thực tế thì rõ đến mức nào? Sau hai mươi hai năm chung sống với nhau đã có lần bố nói với mẹ: “Trời ơi, bà làm tôi ngạc nhiên đấy.” Cô quan tâm đến phản ứng của anh hơn là của bố cô - điều mà cô biết chắc như là cô biết ngày Giáng sinh là ngày 25 tháng Mười hai. Cô quyết định cho anh biết khi anh chở cô ngồi sau xe đạp - cái xe Vespa bị hỏng - như thế tránh cho anh khỏi phải nhìn cô.

“Henk, em trễ kinh hơn tháng nay. Em có thai rồi.”

Anh phanh kít chiếc xe, chống chân xuống đất, ngoảnh lại hỏi:

“Em nói gì cơ?”

“Anh sắp làm bố đấy.”

Không nói gì, anh tiếp tục đạp xe, đạp thật khỏe, hướng tới gara để mua đồ phụ tùng cho chiếc Vespa. Anh im lặng hồi lâu. Một cảm giác lạ lùng, buốt giá dấy lên trong cô. Anh giận ư? Buồn chẳng? Chao ôi, anh cũng có lỗi trong vụ này mà.

“Sao anh chẳng nói gì?”

Anh xoay nửa người lại, nhe răng cười:

”Chở ba mạng, đạp hết cả hơi rồi.”

Anne bật cười, cảm thấy lòng nhẹ nhõm. Cô ôm eo anh, xích người lại gần. Tại sao mình phải lo. Chỉ có thể làm sao anh hoảng lên được.

Mua xong sợi dây phanh và cái đèn, bỏ vào giỏ xe đạp, họ đi bộ một quãng để cho dễ nói chuyện hơn.

”Giờ thì biết làm gì?”

”Dễ thôi,” Henk nói. ”Thông báo cho bố mẹ em biết. Cả bố mẹ anh nữa. Định ngày cưới. Thuê phòng trọ. Rồi đám cưới.”

”Chẳng có chuyện gì to tát cả,” Anne nói.

”Phải cùng nhau gánh chịu thôi. Lỗi của mình chứ có phải ai đâu. Xôn xao một lúc rồi đâu lại vào đấy.”

Anne không thuộc hạng người hay thắc mắc, lăm chuyen. Tính cô thích sống thoải mái. Mỗi khi có điều gì bức dọc cô chỉ việc lấy thuyền đi chơi một lát, thế là quên ngay. Có nhiều lúc cô chỉ cần ra ngắm sóng nước trên dòng Grevelingen, nhất là khi gió to, trời mây u ám. Nhưng lúc này, cô thấy Henk có vẻ coi nhẹ những khó khăn họ đang gặp. Hay anh muốn tỏ ra vẻ kiên cường chẳng.

”Anh có vẻ coi nhẹ chuyện này?” Anne nói.

”Coi nhẹ ư?”

”Chẳng biết nữa. Em thấy hơi căng thẳng.”

”Anh nghĩ kĩ rồi,” Henk nói. ”Chúng mình hiểu chuyện này có thể xảy ra. Anh luôn nghĩ là sẽ không bận tâm lo lắng nếu nó xảy ra. Như thế thì trẻ con quá. Đã chơi xổ số thì chuyện được thua là thường, than vãn mà làm gì?”

”Sao lại là thua?” Anne nói. ”Nghe chẳng ăn nhập gì với việc này.”

”Em nói phải đấy. Thực ra là được mới đúng.”

”Chắc chắn bố em sẽ khổ lắm,” Anne nói. ”Ông ấy là thành viên hội đồng nhà thờ, rất sợ tai tiếng.”

”Tiếc thay! Nhưng biết làm gì được. Theo anh điều quan trọng là em nghĩ thế nào về chuyện có con. Thua hay được?”

Anne im lặng một lúc.

”Chuyện lo lắng với bố mẹ em rồi cũng qua,” cô nói. ”Nhưng có một trở ngại khác không thể bỏ qua được.”

”Chuyện gì?”

“Bây giờ thì anh phải cưới em.”

“Nói gì vậy,” Henk nói. “Em làm như anh không muốn thế không bằng. Anh có nói gì khác đâu?”

“Không, anh yêu của em. Anh không nói gì khác. Anh đã có thể rời xa em nhưng vì trọng danh dự anh không làm thế.”

“Làm gì có chuyện ấy,” Henk nói. “Nếu anh tuyên thệ trước mặt viên chức hộ tịch nhận em làm vợ thì anh cũng không thể nào xa em được nữa.”

“Ta đã tính toán cả rồi và việc em có thai là một sự rủi ro.”

“Một sự rủi ro có tính toán nhưng không thuận theo ý mình,” Henk nói. Anh im lặng một lúc. “Thời buổi này có thể đi phá thai. Ở Geneve, Thụy Sĩ. Tốn khá tiền, nhưng làm được.”

“Không” Anne cương quyết.

Cô đứng nhìn Henk chòng chọc.

”Anh không muốn thế chứ?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng anh muốn nói thẳng ra như thế.”

“Thế thì còn gì bằng. Em thì không bao giờ. Dù có mang ba cái thai của Dracula trong bụng em cũng chịu.” Anne ghéch cằm, ngửa mặt lên trời làm Henk khó mà hôn cô giữa đường.

*

Ở nhà sấm sét nổi lên đùng đùng. Ông Strijen giận lắm, cho văng ra những lời mà một người cha hẹp hòi, đầy thiên kiến vẫn thường nói trong hoàn cảnh tương tự. Ông trách hai đứa thậm tệ là đã không biết kiềm chế được dục vọng. Ông nhểch mồm cô con gái đã bôi nhọ gia đình. Ông mang hỏa ngục, đầy dọa khốn khổ ra mà dọa, lại còn kéo thêm cả hội đồng nhà thờ, làng xóm, họ hàng, tất cả những ai ông quen biết ra để hù.

Mẹ Anne chẳng nói gì.

Henk, vốn bản tính trầm tĩnh, cất tiếng giữa khi cơn thịnh nộ của ông Strijen lên đến mức cao độ.

“Chẳng mấy nữa bác sẽ làm ông ngoại đấy.”

Thực tình ông Strijen chưa kịp nghĩ đến điều này. Lên chức ông ngoại ư? Ông chùng xuống, ai đòi sắp lên chức ông ngoại mà hành xử nóng nảy thế này ư?

“Ông ngoại à,” ông nói một cách khờ khạo làm mọi người đang ở trong tình trạng căng thẳng đều phải bật cười.

Ông Strijen vẫn chưa hết cau có, cần nhắc rằng Anne và Henk phải ra trình diện trước hội đồng nhà thờ mới được làm lễ cưới ở thánh đường. Tức là họ phải bày tỏ sự ăn năn hối lỗi với hội đồng nhà thờ. Henk nhướng cặp lông mày tưởng như đung tới tót, nhưng để giữ hòa khí anh nhún nhường tuân theo. Chẳng có vẻ gì thuyết phục cả. Sau đó cả nhà bàn chuyện đám cưới, chỗ ăn ở cho đôi trẻ. Hôn lễ được định vào ngày 15 tháng Chín. Ông Strijen sẽ bàn với ông mục sư xem ngày này có được không. Henk cho biết sẽ cố tìm phòng ở Delft nhưng chẳng ai tin

anh có hy vọng vì cái nạn khan hiếm nhà cửa.

“Thế hai đứa chúng mày định sống bằng gì?” Ông Strijen hỏi.

“Cháu mong rằng bố cháu sẽ tăng tiền trợ cấp gấp hai,” Henk trả lời. “Chỉ cần độ sáu tháng. Cuối tháng Hai, đứa bé sẽ ra đời. Lúc đó chắc cháu học xong. Sau đó cháu sẽ làm việc và được hưởng phụ cấp gia đình.”

Cụ bà - mẹ ông Strijen - nãy giờ ngồi im, giờ mới lên tiếng. Mọi khi cụ âm thầm ngồi sau lò sưởi gọt khoai tây hoặc chẳng làm gì. Giọng già nua khàn khàn, cụ nói:

“Khi tôi có thai Willem, tôi vẫn ở nhà bố mẹ đấy. Chưa thể lấy nhau ngay được. Này, Willem, mẹ cũng mang thai con trước khi cưới đấy. Tại sao không cho bé Anne tiếp tục ở đây?”

“Tốt lắm. Henk cứ đến đây vào dịp cuối tuần, lễ Giáng sinh. Con Anne mà ở Delft thì phỏng có ích gì. Nó không hợp đâu.”

Họ bàn cãi suốt cả buổi tối nhưng chẳng tìm ra giải pháp nào tốt hơn, thế là đề nghị của bà cụ được chấp nhận.

Henk về báo tin cho bố mẹ anh. Hai ông bà phản ứng một cách điềm tĩnh, họ cũng đồng ý với đề nghị đưa ra là ở Battenoord. Bố Henk là người lúc nào cũng muốn tránh chuyện rắc rối.

Đầu tháng Chín, tại câu lạc bộ sinh viên ở Delft, Henk được một dịp say sưa đã đời. Vào một tối thứ Sáu đông nghịt, anh mang đến cho lũ bạn một bất ngờ khi anh leo lên bàn thông báo là hai tuần nữa anh sẽ lấy vợ. Chắc lũ bạn anh có thể tự đoán ra vì sao phải cưới gấp như vậy. Anh còn nói là sẵn sàng chịu cho chúng nó phạt, như để dượt thử trước khi chịu trận trước hội đồng nhà thờ. Ai nấy cười rộ lên và anh chủ tịch ủy ban ăn nhậu tuyên bố là Henk sẽ được xóa hết tội lỗi nếu anh chịu đãi mọi người một chầu rượu. Thật là hoang quá, tiền trợ cấp tháng này xem như đi tong. Bù lại suốt tối hôm ấy bạn bè ai cũng muốn đãi anh một cốc để mừng cho đứa con tương lai, làm anh say khướt đến nỗi ngày hôm sau chẳng muốn ăn uống gì.

*

Buổi gặp gỡ với hội đồng nhà thờ diễn ra thật ngoạn mục, có sự hiện diện của ông mục sư và một vài vị cao niên. Ông Strijen là thư ký hội đồng nên không được tham dự, âu lại là cái hay. Ông mục sư giảng đạo một lúc, nhấn mạnh rằng cơ thể con người là cái đền của Chúa thánh thần cho nên ta phải giữ gìn cẩn trọng. Nghe vậy Henk nghĩ thầm là mình vẫn còn khá nguyên vẹn. Sau đó ông hỏi hai người có thấy ân hận gì không. Anne đáp đúng ra là nên chờ đến ngày cưới, nhưng cô đã yêu ông chồng tương lai với cái thể xác của cô thì không phải lúc nào cũng có thể kìm lại được.

Ông mục sư than phiền rằng sự căm dỗ của xác thịt mãnh liệt lắm, nhưng cứ trông cái vẻ đạo mạo của mấy vị cao niên thì biết ngay họ chẳng bao giờ đi chệch con đường đạo đức, dù chỉ một thoáng thôi. Ông mục sư lại hỏi Henk có ân hận điều gì không – chắc ông cho rằng những lời Anne nói là sự hối lỗi - anh đáp tội của anh thật tày trời, anh hứa sẽ không bao giờ tái phạm và bị Anne đập cho một cái dưới bàn. Thấy bầu không khí có vẻ nặng nề ông mục sư bèn nhanh chóng chấm dứt buổi họp. Chàng rể có muốn ông đọc câu gì khi làm lễ cưới hay không?

“Có chứ,” Henk đáp, “Cái câu hãy vui hưởng với người đàn bà mình yêu từng ngày trong đời trống trải này, nếu mục sư đồng ý.”

“Để tôi nghĩ xem,” ông mục sư nói, chấm dứt buổi hối lỗi.

Bước ra khỏi nhà thờ, Henk bảo Anne: “Phạt đòn giữa công chúng thế này cũng không đến nỗi gì, em nhỉ.”

Một tuần sau cử hành lễ cưới. Họ hàng nhà trai từ Harderwijk và những nơi khác đổ về Flakkee, đi lại khá xa, mất nhiều thời gian vì phải qua phà để sáng hôm sau lại về sớm, nhưng chẳng một ai kêu ca. Bây giờ, mọi người tham dự hôn lễ với nhiều thứ quen thuộc: xăngđủyích với cà phê; nhà thị chính; diễn văn của viên chức hộ tịch (Henk là người duy nhất chăm chú lắng nghe); nhà thờ; tiếp tân với rượu cherry, những cậu trai quê, bánh mận và mấy anh sinh viên từ Delft xuống (hát bài gì không ai hiểu). Tiệc cưới được nửa chừng thì cô dâu chú rể biến ra ngoài thay đồ. Họ buộc mấy cái túi xách tay vào chiếc Vespa nói mấy câu: “chào mọi người”, “quà đẹp lắm, cảm ơn tất cả”, rồi vội vã phóng xe đi, bọn con trai trong đám khách khứa quẳng theo những nắm gạo trông có vẻ thừa thãi. Họ trở thành vợ chồng như thế đấy, có hơi gấp gáp nhưng rất hạnh phúc.

Chương 4

Tháng Mười một người ta tìm thấy xác Brooshoofd. Một nông dân tên là Dekker, đầu đó ở Kijkuitpoder, phía cực Đông Brouwershaven, đang phát cỏ để khai thông cái mương bị nghẽn thì cái liềm bị mắc vào một sợi dây thừng. Hì hục một lúc, ông ta kéo lên được một tấm buồm quấn quanh cái xác cùng với mấy viên đá và thỏi sắt bỏ thêm vào để kéo chìm cái xác xuống.

Cái xác đã thối rữa, không còn nhận ra mặt mũi. Nhưng vì Brooshoofd đã được ghi nhận là mất tích, cảnh sát dựa vào đó mà điều tra và xác định đây là thi thể của Brooshoofd. Theo bác sỹ khám nghiệm tử thi thì ông ta đã chết khoảng từ bốn đến sáu tháng trước. Đúng rồi, vì lần cuối cùng có người trông thấy lão đã cách đây năm tháng. Nguyên do tử vong: bị một vật sắc đâm vào cổ, có lẽ là cái dao của ông ta, được vớt lên sau năm ngày đào vét cái rạch. Thủ phạm: không biết.

Cảnh sát quốc gia lãnh việc giải quyết vụ án mạng. Một viên thanh tra từ Rotterdam được điều xuống để chỉ huy cuộc điều tra. Anh cảnh sát Giel Nolen không được tham gia vào đấy nên hậm hực lắm. Ở miệt Schouwen và Duiveland này mấy khi có án mạng đâu, chỉ có đánh nhau chết người trong quán rượu trước mặt ba chục nhân chứng. Người ta gọi nó là “ẩu đá trí mạng”, chẳng cần điều tra đâu xa.

Nolen còn nhớ rõ tháng Sáu năm ngoái anh đã gặp một cô trần như nhộng ở một nơi cách không xa địa điểm người ta tìm thấy cái xác Brooshoofd. Cô ấy khai tên là Wil Posthouwer, nhà ở tại Oude Tonge. Cô ta nói dối. Anh đến tận nơi dò hỏi nhưng chẳng có ai tên Wil Posthouwer ở đó cả. Anh đã gác việc ấy lại. Chẳng hay ho gì truy tìm một cô con gái chỉ vì cô ta tắm cởi truồng cạnh chiếc thuyền của mình. Nhưng giờ thì khác. Cô ta có thể biết gì chẳng? Có thể cô ấy đã nghe hay trông thấy điều gì. Nolen định kể cho Stafmaat về cô gái nhưng không được. Stafmaat coi Nolen như một anh chân quê khờ khạo đem chút hài hước làm nguôi ngoai những phút bực dọc, một đối tượng để trút tội mỗi khi mình làm gì nhầm lẫn.

“Tháng Sáu năm ngoái, tôi có đạp xe trên đê một lần,” Giel Nolen mở đầu.

“Thế à?” Stafmaat đáp cụt ngủn. “Xuôi gió hay ngược gió?”

“Đồ khốn,” Nolen lâu bầu, bụng bảo dạ từ nay quyết tránh xa lão thanh tra này. Người thành phố lúc nào cũng tự cho mình là hơn những người dân quê. Một kiểu xếp loại theo bầy đàn. Thực tế đem dân thành thị so với dân thôn quê cũng chẳng khác gì đem bò mà so với sơn dương.

Stafmaat đi quanh quần Zierikzee thu lượm thông tin về Brooshoofd. Stafmaat biết ngay đây là một nhân vật lập dị, chẳng ai coi ra gì, nhưng ít ra y không phải là kẻ làm cho người ta thù ghét. Khó mà tin rằng đây là một vụ giết người cướp của. Đương sự chẳng có của nả gì. Stafmaat đặt câu hỏi liệu y có giấu của chìm ở đâu đó để có người đánh hơi mò tới. Nhưng cũng vô lý vì y kiếm đâu ra tiền. Chẳng mấy khi y có công ăn việc làm, và nếu có thì cũng chỉ ngắn hạn, với tiền công rẻ mạt.

Cuộc điều tra đành giậm chân tại chỗ. Giel Nolen thấy mừng thầm trong bụng. Stafmaat viết báo cáo đề nghị tạm thời xếp vụ Brooshoofd lại. Không có manh mối gì, khó mà giải đoán nổi. Giel Nolen nghĩ thầm còn gì tuyệt diệu hơn nếu anh tự mình giải quyết xong vụ này! Anh để tâm nghe ngóng, thăm dò trong khi đi tuần. Có nên xúc tiến cuộc điều tra một mình không? Cố nhiên là anh phải giữ bí mật với thượng cấp. Lẽ nào một viên cảnh sát nhà quê lại thành công trong khi viên cảnh sát Rotterdam chịu bó tay?

Anh đến quan sát địa điểm cái mương nơi người ta tìm thấy cái xác. Một cái mương giống

như trăm ngàn cái mường khác. Không những anh chỉ tìm thấy một mẫu thuốc lá, mà còn cả hai chục mẫu do đám người đã mò ra cái vũ khí giết người để lại. Tìm đâu ra vết chân bí ẩn, khi bãi đất bùn đã bị đập nát. Không, chẳng hy vọng tìm ra manh mối nào ở đây.

Một tối thứ Bảy được nghỉ làm, anh đi ngang qua nhà Brooshoofd. Cửa đóng then gài. Nhìn qua cửa sổ chẳng thấy gì khác thường. Anh bấm chuông nhà bên cạnh. Vợ ông đánh cá ra mở cửa.

“Lại cảnh sát à?”

“Tôi muốn hỏi chuyện về ông Brooshoofd,” Nolen nói.

“Vậy thì vào nhà đã.”

Đây là lần thứ tư bà ta kể những gì mình biết, thoạt nghe thì chẳng có gì.

“Buổi tối ông ấy thường là gì ở nhà?” Nolen hỏi.

“Còn sao nữa. Người ta chẳng gọi ông ấy là giáo sư là gì. Lúc nào cũng luôn tay viết.”

“Tôi có nghe người ta nói. Có ai đọc những gì ông ấy viết chưa?”

“Thoạt đầu tôi không nghĩ ra. Hè vừa rồi có anh sinh viên ở Delft đến đây hỏi ông ấy. Lúc ấy đã có thông báo về việc ông mất tích một-hai tuần rồi.”

“Sinh viên?”

“Vâng, anh ấy muốn bàn với Brooshoofd về chuyện đắp đê gì đó. Có một cô gái đi cùng.”

“Cái gì?”

“Cô gái. Có gì lạ đâu. Sinh viên nào mà chả có gái theo.”

Nolen cảm thấy hứng thú. “Cô đó trông thế nào?” Anh hỏi. “Cao hay thấp, tóc nâu hay vàng, bà còn nhớ không?”

“Nhớ chứ. Cô ấy người nhỏ, tóc nâu, dài ngang vai, lũa xõa xuống trán.”

“Miệng rộng?”

“Đúng rồi. Ông quen cô ấy à?”

“Có thể. Họ có nói từ đâu không?”

“Đã nói rồi mà. Delft.”

“Đấy là nơi anh sinh viên đang học. Thế thì nhà ở đâu?”

“Không thấy họ nói gì. Anh ta bảo là sẽ trở lại nhưng chẳng thấy đâu. Anh ta có chiếc... gọi là gì nhỉ, một thứ xe máy.”

“Xe máy?”

“Đúng rồi! Chiếc xe máy.”

“Hiệu gì?”

“Làm sao mà tôi biết được?”

Giel Nolen cảm ơn bà đã cho anh những thông tin quý giá. Anh chào tạm biệt, ra về với cảm giác nhẹ nhõm, dễ chịu. Chẳng tình cờ gì nữa. Đúng là con bé ấy rồi, con bé đã khai tên giả, chắc có dính líu gì với lão Brooshoofd. Anh thừa biết với mớ thông tin vừa thu lượm được, anh phải báo cáo với Stafmaat ngay. Nhưng anh đã không làm thế. Anh muốn đào sâu thêm. Thật là cơ hội có một không hai.

Anh xin nghỉ một tuần, đáp chiếc phà dành cho xe đạp từ Zijpe qua mũi Sint Jacob trên đảo Flakkee. Tiếc thay những chiếc thuyền buồm không còn đậu ở bến mà đã được kéo vào các nhà chứa tàu để tạm trú khi mùa đông đến. Anh mặc thường phục - mục đích để không ai nhận ra anh là cảnh sát - lân la tới mấy cái nhà chứa thuyền. Có ai hỏi thì anh nói là đang kiếm mua một chiếc thuyền buồm loại dài 4 mét, may ra tìm được chiếc nào vừa ý chẳng. Nếu ai biết thì xin mách giùm chủ thuyền.

Hai lần anh gặp trường hợp chủ thuyền là con gái. Anh kiếm ra địa chỉ nhưng khi tìm đến thì không phải. Lần thứ ba ở Herkingen thì gặp may. Khi anh hỏi thăm về chiếc thuyền, có người mách ngay là phải tìm đến nhà ông Strijen ở Battenoord mà hỏi. Cô con gái lớn thường lấy cái thuyền 4 mét ấy đi chơi trên dòng Grevelingen. Thuyền thì bé mà ở đấy sống to lắm.

“Cái cô nhỏ người, tóc nâu phải không?”

“Đúng rồi, anh biết con nhỏ ấy à?”

“Có gặp đâu đó một lần. Tôi đi kiếm đây. Cám ơn nhé.”

Đến Battenood, anh tìm ra ngay cái trại của ông Strijen. Anh đứng từ xa ngắm nhìn một lúc. Thật may; đúng là quá may... chuyện khó tin mà có thật vì Anne vừa bước ra ngoài cho gà ăn. Đúng là cô ấy rồi, không nghi ngờ gì nữa. Nhưng trông cô khác hẳn lần anh gặp. Để xem nào... Đúng rồi, có thể chứ. Cái váy thụng dành cho người có thai. Cô đang có bầu.

*

Nhiều người trong ngày ngày có thể nảy ra mười ý khác nhau, cái từ “Eureka” lúc nào cũng sẵn sàng ở đầu môi. Có thể, phần lớn những ý đó là nhầm lẫn, nhưng ý kiến vẫn chỉ là ý kiến.

Giel Nolen không phải hạng người này. Hiếm khi anh chịu động não về những điều mà hàng nghìn kẻ khác đã nghĩ chín cả rồi. Vào dịp lễ thánh Nicolas, anh thường chuồn lên Middelburg hoặc Rotterdam mua bánh hạnh nhân (có hình hàm răng giả hay cái ván đệm toa-lét) để làm quà, vì ở mấy cửa hàng lớn đã có người viết hộ cho anh mấy câu thơ miễn phí. Quà thực anh ít có óc tưởng tượng.

Nhưng lúc này, ngồi trên cái cột ghi cây số, đưa mắt nhìn cô con gái ông Strijen ở đằng xa đi qua lại giữa cái nhà chòi và cái chuồng gà, trong đầu anh nảy ra một ý độc đáo đầu tiên trong đời. Cái cảm xúc dị thường ấy khiến anh thở hổn hển, tim đập thình thịch, phải lấy tay ôm ngực.

Anh không thể nào kìm được - anh đã lý giải được vụ án mạng Brooshoofd!

Chờ Anne khuất vào trong nhà, anh nhảy phóc lên xe, đạp về hướng Nieuwe Tonge. Anh suy nghĩ lung lay. Hấp tấp sẽ hỏng việc. Lại còn phải thu thập, trình bày chứng cứ nữa chứ.

Ngẫm nghĩ hồi lâu, anh thấy rằng chẳng nên làm một mình, bởi “ăn một mình đau tức làm một mình cực thân”. Anh phải đi gặp Stafmaat, giải thích mọi việc cho ông ấy, với sự hiện diện của một người thứ ba. Có như thế thì sau này cái lão cáo già ở Rotterdam kia mới không thể cướp công của anh được. Anh đạp xe đến mũi Sint Jacob, chờ một tiếng đồng hồ mới có phà về Zijpe. Đạp xe một tiếng nữa thì đến Zierikzee, nhưng uống công. Stafmaat không còn ở đấy. Ông ta đã trở về Rotterdam và rất có thể sẽ không trở lại nữa. Gọi điện xem sao. Phải khó khăn lắm mới tiếp xúc được với Stafmaat. Anh nói là cần gặp để nói chuyện, rằng đã tìm thấy chứng cứ quan trọng về vụ Brooshoofd.

“Bằng chứng nào, nói đi,” Stafmaat nói.

“Không nói qua điện thoại được.”

“Cứ nói đi, tại sao không?”

“Không được. Thực ra giả thuyết thì đúng hơn. Tôi còn phải giải thích nữa.”

“Giả thuyết hả?” Stafmaat nói, giọng mỉa mai. “Cái này nghe nhàm quá rồi. Quá nhàm.”

“Một giả thuyết dựa trên bằng chứng,” Giel nói.

“Được rồi. Ngày mai đến văn phòng tôi vào mười giờ sáng,” Stafmaat nói, chẳng có vẻ gì khuyến khích cả. “Tôi dành cho anh mười lăm phút. Thế thôi.”

“Như thế ít quá.”

Một người cảnh sát có hờn dỗi được không nhỉ? Giel Nolen làm được. “Tôi có nhiều việc muốn nói. Rất quan trọng.”

“Mười giờ,” Stafmaat gắt gỏng. “Từ mười giờ đến mười giờ mười lăm phút. Đến trễ xem như toi công.”

Chương 5

Từ ngày lấy chồng Anne quyết định sẽ không theo những quy luật bố đặt ra trong gia đình nữa. Ở nhà bố cô thì cô phải theo một số lễ thói ở đó, nhưng cần gì phải bám bó giờ giấc mỗi khi có việc đi đâu. Cô muốn về nhà đúng giờ để ăn tối, đúng rồi, vì đấy là cái lệ chung cho cả gia đình, nhưng cô không muốn đi ngủ đúng giờ như mọi người nếu cô còn muốn thức thêm một lúc nữa.

Bố thường than phiền cô chỉ chịu nghe lời mẹ mà không nghe lời bố. Vì thế luôn có sự căng thẳng giữa ông Strijen và cô con gái đã có chồng. Ông Strijen tin vào quyền uy của mình. Anne tin vào tự do cá nhân. Là đại diện cho hai thế hệ khác nhau, quan điểm của họ hiếm khi gặp nhau.

Ngược lại, Anne chẳng bao giờ gặp khó khăn với mẹ cô. Mẹ lúc nào cũng trầm lặng, cùng lắm thì bà biểu lộ cảm xúc bằng một cử chỉ kín đáo, như đưa mắt nhìn đi chỗ khác, hoặc khề hất đầu. Có lần bà khuyên mấy người con là ở đời có nhiều việc phải làm không như chúng nghĩ đâu, không những lời bà có hiệu quả tức thì mà còn lâu dài nữa.

Với chồng, bà chẳng bao giờ to tiếng cả. Nếu bà đồng ý với ông, bà chỉ từ từ gật đầu. Nếu bà không đồng ý, bà chỉ nói vắn vắn: “Cũng có thể vậy”. Đụng đến những chuyện xem như thuộc trách nhiệm của mình, bà cố gắng làm vừa ý mình; còn những gì thuộc của chồng, bà không mót. Tính bà không thích gây gổ.

Có lần ở nhà thờ xảy ra chuyện lôi thôi. Một vị cao niên trong hội đồng nhà thờ làm chuyện sai trái. Vấn đề là có nên cất chức ông ta hay áp dụng biện pháp nhắc nhở, cảnh cáo, thì vừa giữ được tiếng tốt cho nhà thờ, vừa tỏ ra khoan dung với đương sự. Ông Strijen hỏi ý kiến vợ.

“Việc quan trọng thì ông tự định lấy,” bà đáp. “Tôi chẳng biết gì về những chuyện ấy. Hãy để tôi lo những việc thường ngày.” Ý bà nói việc nuôi nấng con cái, việc học hành, những vụ gây gổ với bạn bè của chúng.

Ông gật đầu đồng tình. Chuyện quan trọng là việc của đàn ông.

Bà mỉm cười. Cứ thế bà đảm đương những “chuyện bình thường” theo cái phong cách thâm lặng của bà.

Trong nhà Anne hợp với Piet nhất. Piet nhỏ hơn Anne sáu tuổi, “cậu em cưng” của cô. Đúng vậy, mới hơn mười một tuổi thôi nhưng Piet có thể vật ngã cô chị mười bảy tuổi xuống đất một cách dễ dàng. Nhưng nó chẳng làm thế đâu. Được cái nó tốt tính, khỏe mạnh lại khôn ngoan.

Một lần bố mẹ và Hennie đi Dordrecht có việc. Khi về họ bị nhớ chuyển phà cuối cùng nên đêm ấy chỉ có hai chị em, Anne và Piet ở nhà. Lúc đó Anne mới mười sáu. Trước khi đi bố mẹ dặn kĩ cô là phải hết sức dè dặt với người lạ, và phải ngọt ngào với em, tùy cơ mà đối xử. Cô nhanh nhẩu hứa sẽ nghe theo tất cả, nhưng bố mẹ và Hennie vừa đạp xe khuất mắt thì cô quên ngay. Ở trong nhà cả ngày chán quá, lúc trời sắp tối hai chị em rủ nhau đi chơi ngang qua vùng nước lầy tiếp giáp biển dọc theo con đê. Gió to bạt vào mặt, hai chị em nhắm hướng tây mà đi cho đến khi trời tối mịt. Chợt nghĩ đi chơi kiểu này hơi liều lĩnh, Anne bèn rủ Piet quay về.

Hai chị em đến một bến cảng nho nhỏ, lúc đó trời đã khá khuya. Phải chăng đây là Herkingen – nơi chiếc tàu chở hàng đường sông đang thả neo, Anne thầm hỏi. Chiếc tàu này là sở hữu của ông J. Van De Bos ở Zaltbommel. Dòng họ ông này đã nhiều đời làm nghề thủy vận trên sông. Nhưng chưa có ai bao giờ gặp cảnh huống tương tự như ông Van De Bos lúc đó.

J. Van De Bos đã lấy dây thừng buộc chiếc tàu trọng tải 200 tấn vào hai cái móc trên mặt tường bên cảng một ở phía trước, một ở phía sau tàu. Ông mở sẵn cửa gầm tàu để sáng sớm hôm sau nhận khoai tây chở đi. Đêm xuống, vợ chồng ông ngủ trong cái phòng nhỏ phía dưới buồng lái. Hai đứa nhỏ đã ngủ từ lâu.

Lúc thả neo tàu, ông Van De Bos đã buộc dây thừng theo số vòng nhất định, làm thế để khi nước lên dây thừng không bị căng quá. Ngưng lần đầu tiên trong đời, ông đã sơ xuất. Hôm đó gió tây thổi mạnh, mức nước dâng cao hơn thường lệ. Dây thừng buộc ngắn quá. Nước càng lên thì tàu càng bị nhấn chìm xuống. Khi Anne và Piet ngang qua, nước đã trào lên boong tàu, đang chảy tới cửa gầm tàu. Tình hình có vẻ nguy. Bối lẽ, nước tràn vào gầm tàu trống trơn sẽ chóng đầy, nhấn tàu xuống thấp, mà như thế nước lại càng vào thêm, chẳng mấy chốc thì tàu chìm.

Mặc dù mới mười sáu nhưng Anne đã để ý đến chuyện tàu bè, bến cảng. Thoạt nhìn, cô ngạc nhiên thấy chiếc tàu nằm ở tư thế kỳ quặc quá. Chỉ trong nửa phút cô hiểu ngay.

“Đứng đây nhé,” Anne hét to, thoát một cái cô nhảy ngay lên tàu. Cô lao lên boong, tìm đến phòng thuyền trưởng không cài then, suýt nữa thì ngã giúi vào trong. Ông chủ tàu đang nằm với bà vợ trên giường - gọi là cái ổ thì đúng hơn - say sưa ngủ. Anne nắm vai người đàn ông, lắc mạnh, hét vào tai:

“Này thuyền trưởng, tàu ông đang chìm đấy!”

Van De Bos bò ra khỏi giường, mặc độc cái quần lót dài trắng, ngậy người đứng nhìn không hiểu chuyện gì. Cho đến khi Anne đẩy ông ra ngoài. Trời đêm mát lạnh làm ông tỉnh hẳn. Ông quan sát tình thế. Một dòng nước nhỏ đang tràn vào gầm tàu. Ông chủ tàu lao người về phía trước, vớ cây rìu chém đứt sợi dây thừng, xong chạy về phía sau cũng làm như vậy.

Chiếc tàu từ từ nổi lên, lắc lư mấy cái, rồi lại chìm xuống trước khi lấy lại thế cân bằng trên mặt nước, như thường thấy ở những chiếc tàu lúc chưa cất hàng. Lúc này chiếc tàu hơi cách bến một quãng, chỉ cần sợi thừng mới điều chỉnh là ổn.

“Suýt nữa thì toi,” ông chủ tàu nói, vẫn chưa hoàn hồn.

Anne nhảy lên bờ.

“Tạm biệt,” Anne nói. Cô nắm tay Piet, nhằm hướng Battenoord bước nhanh.

“Này cô kia, chờ đã,” Van De Bos la lên. “Đi đâu mà vội thế?”

“Bọn cháu phải về nhà. Khuya rồi.”

“Cô tên gì?”

“Anne Strijen, ở Battenoord.”

“Trở lại nhé. Tôi muốn cảm ơn cô.”

Nhưng Anne và Piet đã nhanh chóng biến vào màn đêm mịt mùng.

“Con bé cứu mạng mình thật,” ông chủ tàu lẩm bẩm. “Nếu nó không phản ứng nhanh thế thì chiếc tàu ‘Hy vọng mới’ và cả nhà này đã nằm dưới đáy nước rồi còn gì. Kinh thật!” Ông ta lắc đầu, quay lại buồng ngủ giải thích cho bà vợ những gì vừa xảy ra.

Anne không thích kể cho bố về chuyện phiêu lưu đêm ấy. Vì thế, cô bắt cậu em thề không được hé miệng với ai việc này. Piet vâng lời chị, nhưng thật chẳng dễ gì. Nó vốn dĩ đã khâm phục bà chị rồi, nay lòng khâm phục ấy lại tăng gấp bội. Nó chỉ chực khoe chị nó với chúng bạn ở trường.

Nhưng cũng chẳng giữ kín được lâu. Một hai tuần sau đấy, lúc cả nhà đang ăn trưa, ông Van De Bos bước vào.

“Chào cả nhà. Xin mọi người cứ tự nhiên.”

Anne đỏ bừng mặt.

“Tôi đến để cảm ơn,” ông Van De Bos nói. “Cô biến đi sao mà nhanh thế. Đúng là cô đã cứu mạng gia đình tôi.”

“Có chuyện gì thế?” Strijen hỏi.

“Cô ấy không kể cho bác nghe sao?”

“Tôi nào có biết gì đâu.”

Ông chủ tàu thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Sau rốt, ông nói thêm vợ chồng con cái ông chẳng ai biết bơi, nếu không có Anne kịp thời can thiệp chắc là chết đuối cả rồi.

“Mười giờ đêm?” Ông Strijen hỏi.

“Cái đêm bố mẹ đi Dordrecht,” Anne nói. “Con và Piet có đi chơi hơi xa một chút.”

“Không xin phép ai cả,” ông Strijen nói, giọng đe nẹt.

Giống như Anne hai tuần trước, chỉ một thoáng là Van De Bos hiểu ngay tình thế, ông đỡ lời:

“Trời đất ơi, phải có Thượng đế phù trợ chúng tôi mới có được may mắn vậy, ông không tin ư?”

“Cố nhiên rồi,” ông Strijen nói.

“Phải lắm. Thế thì ta phải tỏ ra biết ơn chứ.”

“Con thấy chị Anne thật là tuyệt,” Hennie tiếp.

Van De Bos cười ha hả đồng ý, nói thêm rằng trong mỗi con người ai cũng có chút lòng tin vào thần linh, vì thế ông có đem theo một món quà. Và mời cô Anne vui lòng đi theo ông ta ra bến.

Món quà là một chiếc thuyền buồm dài 4 mét, không phải là mới toanh nhưng trông còn rất bảnh. Anne muốn từ chối: quà gì mà to thế, ông ta đâu cần làm vậy, nhưng vì mừng quá cô không thốt lên lời, trong khi ấy ông chủ tàu bá lấy cổ Anne, hôn chùn chụt lên hai má. Cũng may là bà vợ ông ta không thấy cảnh này, vì bà ấy có tính hay ghen.

Đấy là gốc tích của chiếc thuyền. Ông Strijen ngại để con gái đi thuyền một mình, vợ ông cũng hơi lo. Piet thì hoàn toàn tin tưởng ở chị. Nó dám cam đoan rằng trên đời này, không ai có

cô chị tuyệt vời như nó.

*

Anne đâu có biết một anh chàng tên là Giel Nolen đã quan sát cô trong lúc cô đang cho gà ăn ngoài sân, tâm trí cô chẳng vương bận đến chuyện ấy khi cô đến ngồi trên một cái bao tải đựng thức ăn cho gà. Đó là một chỗ tuyệt vời để Anne vừa ngồi nhâm nhi vài hạt ngô vừa nghĩ cách làm thế nào tránh đụng độ với ông bố khi ông khám phá chuyện cô đi học lái xe máy ở Oude Tonge. Dĩ nhiên, bố cô không đồng ý để con gái học lái xe máy, nhất là khi đang có bầu. Nhưng cô nhất quyết học cho bằng được trước khi sinh con, bởi vì sau đó sẽ chẳng còn thì giờ. Việc cô học lái xe không phải là một cách chống lại uy quyền của bố. Cô đã quá ngán cái cảnh xung khắc liên miên giữa hai bố con. Cô chỉ mong ông hiểu cho cô ít ra là một lần. Với lại, bản tính cô không ưa làm gì sau lưng người khác.

Cứ nghĩ xem, nếu Hennie muốn học lái xe thì sao. Lúc nào cũng thế, dưới mắt bố cô thì bất cứ việc gì Hennie làm đều có thể chấp nhận được, ngược lại Anne làm gì cũng bị xem là bất kính hoặc buông tuồng. Khổ nỗi, Hennie lại chẳng muốn làm gì. Đời nó sao mà nhàm chán, phẳng lặng quá, làm Anne chỉ muốn ngáp dài mỗi khi nghĩ tới. Hai chị em chưa bao giờ gây gổ, nhưng cũng chẳng thân thiết gì cho lắm. Nói cho cùng thì có bao giờ Hennie muốn học lái xe máy đâu, vả lại nó chưa đến mười tám tuổi.

Piet thì hoàn toàn khác hẳn. Mới mười bốn tuổi mà nó đã tự ý làm những gì nó thích. Nó không phải là đứa dễ bảo như con Hennie, nhưng chẳng mấy khi thấy nó xung khắc với bố. Tại sao vậy?

Cô lên tiếng gọi Piet đang bận làm ngoài sân. Nó lại gần chị, ngồi lên một cái xô úp xuống đất.

“Em biết không,” Anne quyết định tìm cho ra ngọn ngành, “nếu chuyện này có em dính vào thì mọi chuyện đều êm thấm. Nhưng chỉ dính tới chị thì thế nào cũng ầm ĩ cả lên. Tại sao vậy nhỉ?”

“Em nghĩ là do cách mình nói thôi. Cứ rụt cổ vào, mang cái bộ mặt có ai-giúp-tôi-chăng, nhìn thẳng vào mắt bố và nói những gì mình muốn.”

“Mách cho chị với.”

“Em chẳng biết nữa. Em chuẩn bị trước, chắc thế. Em sẽ hỏi ý bố. Chẳng hạn, bố có chịu trả cho em nửa số học phí lái xe vì em đang kẹt tiền. Đại khái vậy.”

Anne suy nghĩ. Biết đâu thằng Piet nói đúng. Có thể cô đã không khéo cho lắm, cũng như bố cô. Mẹ và Piet thì khác. Lúc nào họ cũng vỗ về, nhỏ nhẹ, thế nên, họ muốn gì được nấy.

“Em thử bắt đầu xem sao nhé?”

“OK, em sẽ cố.”

Chờ mọi người ngồi hết vào bàn ăn, Piet kể rằng nó vừa thấy cô con gái ông mục sư đi xe máy. Không chắc lắm, nhưng nếu không phải cô ta thì còn ai vào đây. Đợi mười phút, nó nói tiếp nào là Anne chẳng ở nhà bao lâu nữa, chẳng những không có ai giúp đỡ mà lại phải đeo bông đũa bé sắp sinh, vậy đi đâu thì cứ dùng cái xe máy của Henk cũng tiện. Bố nghĩ thế nào?

“Tao thấy đàn bà đi xe máy trông chướng lắm.”

“Xem nào,” Piet nói, “vậy bố không phản đối chứ gì, nó có khác gì cái máy gieo mầm khoai

tây đâu.”

Gần đây ông bố chơi sang, tậu cái máy ấy về mặc dầu mấy anh nông dân thủ cựu khuyên ông chớ nên mớ vào những cửa lạ ấy.

“Mày nói thế nghe cũng phải,” ông Strijen nói.

Cuối bữa ăn, Anne dè dặt nói với bố là có thể cô sẽ đi học lái xe máy, và lạ thay, bố đã không nổi cơn tam bành như mọi khi. Mình phải học thằng Piet mới được, cô tự nhủ, ít ra cũng cải thiện được phần nào. Nay cô đã khác rồi. Cô không thích tranh luận cãi vã, thế mà lúc nào cũng gặp phải chuyện gây sự. Đành vậy. Henk yêu cô, còn mẹ, còn Piet nữa... Cô đâu phải là kẻ không biết cảm xúc là gì.

Chương 6

Mười giờ kém mười, Giel Nolen có mặt tại trụ sở cảnh sát Rotterdam. Người bảo vệ gọi điện báo cho thanh tra Stafmaat. Nolen được dẫn vào gặp sếp lớn. Anh nhẹ hẫng người khi thấy ngoài Stafmaat ngồi sau bàn giấy còn có một viên cảnh sát đang hí hoáy viết trong góc phòng. Vậy là chẳng cần người làm chứng nữa, tránh được cái khó là phải mở miệng nhờ một viên chức ngạch trật cao hơn anh nhiều. Stafmaat tỏ ra thân thiện hơn thường lệ. Ông ta mời Giel ngồi xong đâu đấy, rồi chờ nghe anh kể. Giel vào đề ngay. Anh bắt đầu từ lúc gặp cô gái trần truồng cạnh chiếc thuyền vào tháng Sáu vừa qua, ngay cạnh địa điểm tìm thấy tử thi của Brooshoofd.

“Cô ta khai tên giả.”

“Anh làm biên bản chỉ vì cô ấy khóa thân giữa ban ngày?” Giọng Stafmaat có vẻ giấu cợt.

“Tôi làm thế cốt để dọa cho cô ta sợ đấy thôi. Cô ấy làm thế hơi quá.”

“Khủng bố chơi chứ gì? Nói tiếp đi.”

Giel thuật lại lần đến nhà bà vợ người đánh cá, những gì bà ấy kể về anh sinh viên ở Delft và cô gái. Stafmaat tỏ vẻ chăm chú.

“Nghe xong,” Giel nói tiếp, “tôi nghĩ ngay là phải tìm ra tên thật và địa chỉ cô gái. Tôi đến Goeree - Overflakkee để dò tung tích chiếc thuyền.”

“Tại sao anh đến đấy?”

“Cô ta cho tôi một địa chỉ ở Flakkee và cô ta biết rất rõ vùng Grevelingen. Vì vậy tôi nghĩ cô ta chỉ ở quanh quần đảo đấy, không Goeree thì Overflakkee, thế thôi.”

Stafmaat gật gù.

“Tôi tìm thấy cô ấy rồi,” Giel nói, dù rất nóng lòng nhưng anh cố làm ra vẻ khiêm nhường, rất cuộc vẫn không nén được. “Cô ta tên là Strijen, nhà ở tại Battenoord. Đang có bầu. Khoảng năm, sáu tháng gì đó.”

“Thế à?” Stafmaat nói. “Anh đã nói chuyện với cô ấy chưa?”

“Chưa ạ. Tôi nghĩ là ông muốn nói chuyện với cô ấy trước.”

Stafmaat gật đầu đồng ý.

“Ừ, biết đâu kiếm ra được manh mối gì chẳng. Nay, Nolen, anh làm việc được đấy. Hôm nào đó, tôi sẽ nói chuyện với cô ấy.”

“Ông không thấy gì ư?” Nolen la lên. “Ông không hiểu có gì đã xảy ra hay sao?”

“À, phải rồi. Cái phần giả thuyết!” Stafmaat nói với giọng châm biếm. “Anh cứ nói đi.”

Nolen hít một hơi thật mạnh, bắt đầu:

“Thuyền cô Anne Strijen bị gió thổi bạt vào bờ đê, không ra được. Brooshoofd đi ngang qua. Có thể là y đã nói chuyện với cô ta, có thể y muốn giúp cô ta. Nhìn quanh trên đê dưới bãi

chẳng có ai. Thế là y đè cô ta xuống hiếp. Con dao ngắn của y nằm ngay cạnh. Có thể y dùng nó để cắt móng tay hoặc gọt đầu xơ của dây buộc thuyền. Cô chụp lấy con dao, đâm một nhát vào cổ Brooshoofd, trúng ngay động mạch. Y chết vì máu ra nhiều quá.

“Cô lấy cái buồm cũ ở gài thuyền, quấn cái xác lại, nhồi thêm một ít đá. Cái buồm trên thuyền của cô còn mới toanh, chính mắt tôi nhìn thấy. Tại sao cái buồm cũ không còn ở đó. Người chơi thuyền luôn luôn đem thêm buồm, dây để phòng khi cần. Sau đó cô lấy dây buộc xác lại, kéo qua con đê tới bãi cỏ dại, đẩy xuống con mương là xong chuyện.

“Quần áo dính đầy máu. Cô cởi ra, nhúng xuống nước giặt, xong phơi lên sợi dây kéo buồm. Đúng lúc ấy thì tôi đi tới. Mới đầu cô ấy hoảng lên, nhưng cứ ngâm mình dưới nước một lúc thì tỉnh táo lại. Khai tên giả, địa chỉ giả. Sau này tôi mới biết là cô ta có thai. Không biết cô ta giải thích sao với gia đình.”

Trong lúc Nolen nói, Stafmaat nhìn anh đăm đăm. Viên cảnh sát ngồi trong góc ghi chép từ này, giờ ngừng tay. Stafmaat vẫn ngồi đấy nhìn chòng chọc, hai con mắt như muốn lồi ra ngoài.

“Có thể lắm. Mà cũng có thể là chuyện tào lao. Đằng nào thì tôi cũng quyết định đi ngay bây giờ. Lão Brooshoofd hỏi còn trẻ có lần ngồi tù vì tội bắt gái. Này, trông anh thế mà được việc đấy. Anh đi cùng với tôi.”

Nolen trông tươi hẳn lên. Còn gì sung sướng bằng được khen. Đây là chuyện rất hiếm với anh.

*

Khi họ tới Battenoord thì trời đã xế chiều. Anne đang ở trong nhà kho. Thấy chiếc xe cảnh sát trên đê, cô đứng nhìn không rời mắt. Ở nơi xó xỉnh này, mấy khi được thấy xe cảnh sát. Khi chiếc xe rời con đê rẽ vào trại, không phải lối nào khác, tim cô đập thình thịch. Có gì xảy ra cho Henk. Ở đây không có điện thoại, vì thế cảnh sát phải thân hành đến thông báo tai nạn xảy ra!

Đứng sau khung cửa, khuất trong bóng tối, Anne cảm thấy như nghẹt thở, cô phải đặt một tay lên ngực. Khi chiếc xe dừng hẳn, cô nhận ra anh cảnh sát có lần đã gặp ở Brouwershaven. Cô thở phào, nhẹ nhõm. Vậy là không có gì xảy ra cho Henk cả. Một cảm giác khó chịu dấy lên. Lại rắc rối về cái vụ tắm truồng dạo nào chứ gì? Sắp phải lòi thôi với bố rồi. Chỉ trong giây lát, cô đi đến quyết định giả như không biết tay cảnh sát này. Anh ta lấy gì làm bằng đây?

“Chào các ông.”

“Chào cô Wil Posthouwer,” anh cảnh sát nói.

“Ở đây không có ai tên ấy cả,” Anne đáp.

Stafmaat rút chứng minh thư chìa trước mặt Anne.

“Stafmaat, thanh tra cảnh sát từ Rotterdam. Cô là Anne Strijen?”

“Tôi là bà Anne Boesschoten. Strijen là tên thời con gái.”

“Ra cô đã có chồng?”

Anne nhìn xuống chỗ áo phồng trước bụng. Stafmaat đỏ mặt.

“Xin lỗi,” Stafmaat lúng túng nói.

“Tôi có thể giúp gì các ông?”

“Bà biết ông Nolen này?”

“Tôi chưa được hân hạnh.”

“Rồi mà, rồi mà,” Nolen chữa lại. “Thuyền kẹt ở chân đê ở Schouwen, phía đông Brouwershaven, bà vẫn còn nhớ chứ?”

“Tôi không hiểu ông muốn nói gì.”

“Này bà Boesschoten,” Stafmaat nói, “bà chẳng biết điều chút nào. Bà biết ông Brooshoofd mà người ta thường gọi là ông giáo sư đấy chứ?”

“Có. À... không, đúng là không biết.”

“Có phải bà còn muốn nói là không biết ông nữa vì ông ấy chết rồi?”

“Brooshoofd chết rồi?”

“Đúng, bị giết. Làm thế nào mà bà lại biết ông ấy?”

“Tôi giữ một đồ vật của ông ấy. Nhặt được ở Grevelingen. Một cái hòm đựng giấy tờ. Bọn tôi đi Zierikzee đem trả cái hòm nhưng ông ấy không có nhà.”

“Bà biết người cảnh sát này?”

“Không ạ.”

“Nghe nào, bà Boesschoten! Bà phải biết điều một chút,” Stafmaat nói. “Chúng tôi đang điều tra vụ án mạng, không phải vụ tẩm trường đầu. Bà là chủ chiếc thuyền loại 4 mét?”

“Đúng rồi.”

“Bà biết người cảnh sát này?”

Anne nghĩ rằng cứ dối quanh thì chẳng ích gì, lại có thể gây rắc rối cho mình.

“Tôi gặp ông ấy mùa hè rồi.”

“Bà lấy chồng lúc nào?”

“Tháng Chín.”

“Xin lỗi nhé nếu câu hỏi của tôi có hơi bất nhã. Vậy bà có thai được bao lâu rồi?”

Khuôn mặt Anne thoáng nụ cười hãnh diện.

“Năm tháng.”

“Bà có biết là Brooshoofd bị giết không? Báo chí đăng đầy tin về vụ này.”

“Tôi không biết.”

Ông Strijen từ trong nhà bước ra, đến gần bên.

“Có chuyện gì thế?”

“À, đây hẳn là ông Strijen. Tôi là Stafmaat, thuộc sở cảnh sát quốc gia ở Rotterdam. Chúng tôi điều tra vụ án mạng Brooshoofd ở Zierikzee. Tôi đến đây yêu cầu con gái ông theo tôi về Rotterdam.”

“Con Anne đi theo mấy ông về Rotterdam! Sao mà tôi phải khổ thế này.”

“Không có chuyện áp giải gì đâu. Con gái ông nói dối đấy, đã ai buộc tội cô ấy đâu. Nếu quả thực cô ta vô tội thì sợ gì mà không đi với chúng tôi.”

Có tội, vô tội! Ông Strijen bắt lực đứng nhìn. Thực tình ông chẳng hiểu mô tê gì nhưng vốn là người tôn trọng pháp luật, ông không dám mở miệng hỏi.

“Tôi sẽ đi với các ông,” Anne nói. “Bố ơi, nhờ bố đạp xe đến nhà ông Klassen gọi điện cho Henk giúp con. Bảo anh ấy đến Rotterdam. Ở đâu vậy nhỉ?”

“Trụ sở cảnh sát, phòng đặc trách hình sự.” Stafmaat nói. “Ông có số điện thoại đấy chứ?”

Ông Strijen gật đầu. “Chắc cũng nằm đâu đó thôi. Bà xã tôi thể nào cũng biết.”

“Chắc tối nay con không về kịp đâu. Con sẽ đến chỗ Henk ở Delft. Bố bảo mẹ khỏi lo gì cả.”

“Cái hòm giấy tờ còn ở đây?” Stafmaat hỏi.

“Vâng ạ.”

“Đem nó ra đây.”

Anne bước vào nhà, chẳng buồn chào mẹ, vào ngay phòng lấy cái hòm và cái áo choàng. Cô bước lên xe. Stafmaat ngồi sau vô lăng. Nolen leo lên ghế sau. Stafmaat lái đến mũi Sint Jacob thì dừng xe cho Nolen xuống phà. Stafmaat tiếp tục nhắm hướng Rotterdam.

Viên thanh tra để Anne ngồi chờ trong một phòng nhỏ, chỉ bày có cái bàn, mấy cái ghế và tủ đựng hồ sơ. Cô hiểu Stafmaat cần thì giờ để xem xét cái hòm vớt lên ở Grevelingen. Khi cô hỏi Henk đã đến chưa, ông ta chẳng thèm trả lời.

Cô ngồi ngẫm nghĩ hồi lâu về những gì xảy ra. Rõ ràng là Brooshoofd bị giết. Xem nào, mối liên hệ duy nhất giữa cô và ông ta không có gì khác hơn ngoài cái hòm. Cô không tài nào đoán được làm sao cảnh sát biết được việc này. Thôi thì cứ nói hết sự thực, chẳng hại gì. Cũng may là cô đã kể cho Henk về vụ tắm truồng, anh ấy cũng biết chuyện chiếc hòm.

Đã mười một giờ. Bực mình quá. Mấy cha nội này nghĩ sao mà chẳng đếm xỉa đến thời gian của người khác. Chắc Henk đang chờ cô đâu đây trong tòa nhà này. Không giữ được kiên nhẫn nữa, cô bước ra ngoài hành lang đến hỏi ông bảo vệ.

“Cô sốt ruột rồi à,” ông bảo vệ từ tốn nói. “Để hiểu thôi. Để tôi gọi điện cho ông thanh tra.”

Stafmaat đến ngay. Ông ta xin lỗi đã để cô phải chờ quá lâu, và dẫn cô sang một phòng khác.

“Tôi muốn nói chuyện với chồng tôi,” Anne nói.

“Tôi không biết ông ấy đã đến chưa.”

Trong phòng còn có hai người nữa, được giới thiệu là Buis và Van Hoor. Anne ngồi xuống. Ba người kia xích lại gần.

“Cô hãy kể lại thật chính xác về cái ngày tháng Sáu ấy khi cô gặp người cảnh sát ở Brouwershaven,” Stafmaat nói.

Anne kể tường tận từ lúc cô vớt cái hòm ở Grevelingen, thuyền cô lật thế nào, gặp gỡ Nolen ra sao. Van Hoor cứ hít hít mãi, dáng bộ hoài nghi, còn Buis trông cũng không có vẻ gì là đang ngồi trong nhà thờ nghe mục sư giảng về chân lý.

“Cái hòm được khóa kĩ phải không?” Stafmaat hỏi.

“Vâng ạ.”

“Có chìa khóa ở đấy?”

“Không ạ. Henk mở nó ra.”

“Nào, nói thật đi. Cái hòm không bị trầy trọt chút nào. Chẳng có một vết cạy.”

“Henk dùng cái chìa khóa cũ điều chỉnh mở được.”

“Thế à? Đúng là thợ làm chìa khóa chứ gì?”

“Không phải. Anh ấy khéo tay, lại rất tỉ mỉ.”

“Chìa khóa để đâu?”

“Ở nhà.”

“Bà biết đi thuyền lâu rồi phải không?”

“Vâng ạ. Lâu rồi.”

“Chắc là thạo lắm?”

“Cũng khá thạo.”

“Trước đó có bao giờ bị lật thuyền chưa?” Buis hỏi.

“Có chứ. Chiếc thuyền bé thế mà. Dễ lật lắm.”

“Sau đó còn bị lật lần nào nữa không?”

“Không ạ. Hè vừa rồi cũng ít đi thuyền.”

“Cái buồm mới mua phải không?”

“Mua từ dạo đầu xuân kia.”

“Cái buồm cũ để đâu?”

“Tôi không nhớ nữa. Để ở nhà, cũng có thể cất trong nhà chứa thuyền.”

“Trước cái ngày tháng Sáu ấy, lần cuối cùng bà bị lật thuyền vào lúc nào?”

“Quên rồi. Chắc không lâu lắm.”

“Mùa xuân vừa rồi?”

“Không phải đâu. Mùa thu năm ngoái.”

“Cũng có thể là hai năm về trước?”

“Cũng có thể. Làm gì mà hỏi kỹ thế?” Anne cao giọng, cơn giận bốc lên.

“Tôi không nghĩ rằng một tay lái thuyền thành thạo lại dễ dàng làm lật thuyền chỉ vì muốn vớt cái hòm.”

“Gió to lắm.”

“Khó tin quá. Tháng Sáu mà. Cứ làm như vào cuối tháng Chín không bằng.”

“Gió to.” Anne nhấn giọng.

“Có bão chắc?”

“Không đâu. Chiếc thuyền bé như vậy rất tròng trành.”

“Nghĩ kỹ lại xem,” Stafmaat nói. “Bà tìm thấy cái hòm ấy trên bờ, phải không?”

“Không, dưới nước mà.”

“Có thấy ai quanh đấy trước khi người cảnh sát đi qua?”

“Không. Chẳng có ai cả.”

“Ngoại trừ Brooshoofd.”

“Brooshoofd? Cả đời tôi chưa bao giờ gặp ông ta.”

“Chồng bà nói gì khi biết bà có thai?”

Anne im lặng. Cô cảm thấy khổ sở vì cái phòng mờ mịt khói, ba người đàn ông ngồi quanh cứ mặc tình phả hơi thở sặc mùi thuốc lá vào mặt cô.

“Hắn ông ta đã ngạc nhiên?”

“Tại sao không trả lời?” Stafmaat hỏi.

“Đấy là chuyện riêng của chúng tôi. Không can dự gì đến ông.”

“Cà phê nhé?”

“Vâng, xin ông một cốc,” Anne nói, chỉ mong được yên một phút.

Họ rót cà phê từ một cái bình tráng men đặt trên lò điện. Cốc sứ trắng, có vài chỗ mẻ. Mấy ông húp sùm sụp. Hơi ấm từ cốc truyền qua tay Anne.

“Tra hỏi mãi thế này để làm gì?” Anne hỏi. Câu hỏi nhắc mấy ông rằng họ đang làm nhiệm vụ thẩm vấn.

“Giặt áo quần xong mới phơi lên dây thuyền chứ?” Van Hoor hỏi.

“Giặt giữ hồi nào? Chỉ cần phơi khô thôi.”

“Áo quần bẩn lắm phải không?”

“Không, có bẩn gì đâu.”

“Dính vài vết bùn, một chút hắc ín chẳng hạn.”

“Cũng có thể.”

“Tại sao bà bảo là không bẩn?”

“Bởi vì theo tôi biết thì chúng không bẩn.”

“Có dính vết máu nào không?”

“Máu? Làm gì có vết máu nào?”

“Hãy nghĩ lại cho kỹ. Phải chăng có dính chút máu vì bị trầy hoặc do một cái mụn vỡ ra.”

“Cũng có thể, nhưng đấy là có sẵn trước rồi.”

“Giặt sạch đi chứ gì?”

“Không! Tôi đã nói rồi mà! Tại sao cứ đem máu me vào đây? Chắc các ông nghi tôi giết ông Brooshoofd chứ gì?”

Mọi người im lặng, một sự im lặng đầy ý nghĩa. Anne đưa mắt nhìn hết ông này đến ông khác. Họ nhìn cô đầy vẻ trắc ẩn.

“Dĩ nhiên đây là chuyện tự vệ, thế thôi.” Stafmaat nói.

“Tôi có làm gì đâu. Tôi chưa bao giờ gặp ông này,” Anne hét to.

Ba người đàn ông lặng thinh. Anne nhìn họ trân trân. Mấy cha nội nghĩ rằng cô đã giết Brooshoofd chứ gì? Rõ lố bịch! Cô tự nhủ là mình nên cười thật to, có gì hài hước bằng, nhưng cô không thể cười được trong lúc này.

“Các ông muốn ghép tội gì?” Anne hỏi.

“Lúc này thì chẳng có tội gì cả,” Stafmaat nói. “Tôi nghĩ là bà có quen biết ông Brooshoofd. Bà thường đi chơi thuyền lang thang đó đây. Brooshoofd cũng là tay giang hồ tứ chiếng. Có thể ông ta thích bà, tin bà, vì thế đã phó thác cho bà cái hòm với nhiều giấy tờ quan trọng trong đó, y muốn bà đọc những tài liệu ấy, những thứ vô giá với y. Có lẽ nào y đã tự tay quẳng nó xuống nước. Cũng khó tưởng tượng nổi một ai khác đã làm chuyện đó. Tôi đã xem kỹ rồi, tất cả giấy

tờ đều khá nguyên vẹn, nội dung chẳng có gì để làm người khác phải lo. Mà nếu có kẻ sợ rằng những giấy tờ ấy có thể gây hại cho mình thì đại gì mà quăng nó xuống nước vì người khác có thể tìm thấy, chỉ việc đốt đi là xong.”

“Tôi không quen biết gì với ông Brooshoofd cả.”

“Cứ cho rằng bà biết y,” Stafmaat tiếp tục một cách thản nhiên. “Rất có thể bà hẹn gặp y ở Kijkuitpolder. Cứ xem cái thuyền bà dạt vào bờ thì rõ. Một người chèo thuyền thành thạo có thể nào để thuyền dạt vào bờ, trừ khi người ấy có dụng ý. Có thể hôm đó Brooshoofd đã không kiểm chế được, đã cưỡng bức bà, và bà đã giết y để tự vệ.”

“Vậy ra ông nghĩ rằng tôi có thai với Brooshoofd và tôi đã giết ông ta?” Anne thì thào.

“Có thể lắm.”

“Hoàn toàn vô lý,” Anne nói, cô nghĩ thầm liệu Henk có tin đây là chuyện vô lý 100% không.

“Bà cần luật sư tư vấn không?” Stafmaat hỏi. “Đấy là quyền của bà.”

“Khỏi cần, cảm ơn ông. Tôi vô tội, tôi chẳng cần luật sư. Nhưng hôm nay tôi không muốn trả lời thêm nữa. Đã một giờ sáng. Tôi mệt rồi. Các ông định bắt tôi ư?”

“Làm gì có chuyện ấy. Chồng bà ngồi chờ đã mấy tiếng rồi. Tôi muốn nói chuyện với ông ấy, và tôi cũng còn nhiều điều muốn hỏi bà. Yêu cầu ông bà sáng mai trở lại đây.”

Anne gật đầu, và chẳng chào Van Hoor cùng Buis, cô theo Stafmaat đi đến phòng đợi, Henk chờ cô ở đấy. Cô hôn anh; cô không khóc. Stafmaat và Henk làm quen với nhau, hẹn hôm sau gặp lại.

“Em ngủ lại với anh có được không hay là mình thuê khách sạn?” Anne hỏi?

“Cứ về chỗ anh. Chúng mình lấy nhau rồi, với bà Verver chẳng ngại đâu. Lên thang gác nhẹ chân một chút thì bà ấy sẽ không nghe thấy gì.”

Ra ngoài anh hỏi cô đã xảy ra chuyện gì.

“Về phòng em kể cho.” Cô ngồi đằng sau xe máy, quàng tay ôm cái eo của anh, đưa con trong bụng chần ở giữa.

Henk ngồi chờ gần bốn giờ tại cơ quan cảnh sát. Thoạt đầu anh lo lắng, sau đó là giận dữ, rồi lại lo lắng hơn. Anh băn khoăn tự hỏi biết đâu Anne đã làm gì mà anh không biết. Rất có thể. Có thể nào. Có gì đã xảy ra trước khi anh gặp cô. Cô phải làm chứng. Làm gì mà lâu thế. Hai ông cảnh sát thỉnh thoảng đến Flakkee đem cô đi chẳng báo trước gì hay sao? Dù thế nào đi nữa thì anh cũng hoàn toàn tin ở cô. Hoàn toàn? Vâng, hoàn toàn. Thế thì có khác gì trường hợp Erik trước đây? Erik là bạn lâu năm của Henk, thế mà một ngày kia nó cùng với hai thằng khác bị tóm cổ vì tội phá cửa ăn trộm đồ ở tiệm bán radio. Nhưng Anne đâu phải Erik. Anne là vợ anh, chẳng lý do gì khiến anh không tin cô.

Phải bình tĩnh, anh tự nhủ. Họ bắt anh ngồi chờ cốt cho anh cảm thấy không yên. Biết đâu họ chờ đợi cho đến lúc anh mệt nhoài, mất hết tự chủ mới bắt đầu tra vấn. Dù có hỏi thế nào, tra vấn bao lâu đi chăng nữa thì anh cũng sẽ nói là anh hoàn toàn tin Anne.

Nằm bên nhau trên chiếc giường đơn chật hẹp, Anne thì thào kể cho anh nghe tất cả. Quả đúng như anh nghĩ. Những gì anh tưởng tượng lúc ngồi ở phòng đợi không có cái giả thuyết

đồng trời này. Anh nhớ lại lúc Anne về nhà vào cái tối tháng Sáu ấy, vào cái hôm anh đột xuất về Battenoord thăm cô. Nét mặt cô rạng ngời vì nắng gió, cô hỏi xem bố cô còn giận không, nhưng không có vẻ gì bận tâm lắm. Sau đó cô kể cho anh nghe vụ tắm trường. Vô lý. Những lời buộc tội của Stafmaat là hoàn toàn vô lý.

Anh an ủi vợ:

“Thế nào ngày mai họ cũng cho em về nhà, còn phải xin lỗi rồi rít nữa ấy chứ.”

“Anh tin em không?”

“Em phải nhớ là anh tin em 100%.”

“100% làm sao được,” Anne nói. “99% thôi. Không ai có thể biết chắc mình là bố đứa trẻ. Bất cứ người cha nào. Chỉ có mẹ nó thôi.”

“Anh dám chắc.”

“Nếu ông trời chơi khăm, nhớ đứa bé sinh ra mặt mũi giống ông Brooshoofd thì anh nghĩ sao đây?”

“Anh vẫn tin em như thường, nhưng mà ông thanh tra Stafmaat sẽ đuổi theo em chẳng khác gì một con chó săn.”

“Nếu anh tin em thì dù cái thằng cha này muốn nghĩ gì chẳng nữa em cũng thây kệ,” cô nói, rồi thiêu thiêu ngủ, không được yên giấc lắm vì cái giường hẹp quá và cái thai trong bụng cứ cựa quậy mãi.

Hôm sau hai người đến sở cảnh sát và ở đấy cả ngày. Họ bị tách ra để hỏi cung riêng, hỏi dai dẳng, gay gắt, lặp đi lặp lại tưởng không bao giờ dứt. Ai nấy mệt nhừ. Kết cục Stafmaat nói với Anne:

“Bà có thể về nhà. Tôi không có chứng cứ gì để buộc tội bà. Cái hay là các người đem cái hòm về Zierikzee định trả cho chủ nhân, sau khi ông ông ta được ghi nhận là mất tích. Cũng có thể là hành động khôn lỏi đấy thôi. Biết đâu có kẻ nhìn thấy cái hòm vì thế các người mới đặt ra chuyện vớt nó lên ở Grevelingen. Nhưng cái dở là bà đã đợi một ngày rồi mới cho chồng bà xem cái hòm. Khó tin lắm. Làm thế nào mà chờ được qua hai mươi bốn giờ. Nhưng thôi, bà cứ về nhà. Đừng đi đâu cả nhớ có việc cần đến. Nhất là chớ đi nước ngoài.”

“Tôi nhắc lại là tất cả những gì tôi nói với ông hoàn toàn là sự thật,” Anne nói.

Henk cùng đi với Anne. Anh không muốn để cô về Battenoord một mình. Họ đắp chiếc phà cuối cùng ở Hellevoetsluis. Về nhà họ chỉ kể cho gia đình Anne là cảnh sát muốn thu thập thông tin về cái hòm, làm sao nó đã lọt vào tay Anne, cô đã mở nó ra bằng cách nào, và đã cho ai biết về nội dung giấy tờ trong đó.

“Các ông ấy nghĩ rằng con là kẻ tin cẩn của ông Brooshoofd,” Anne nói.

Sau đấy, họ đi ngủ. Mọi việc coi như đã xảy ra lâu lắm rồi. Chuyển đi Rotterdam của Anne đã chìm ngay vào quên lãng, như một vết nhơ đã được chùi sạch, một cơn mưa đá chợt đến rồi chợt đi. Anne lặng ngắm khuôn mặt nghiêng nghiêng của Henk dưới ánh trăng non trông thật yên bình. Chẳng biết thâm tâm anh có được yên bình như vậy không?

Chương 7

Câu chuyện được anh nhà quê cục mịch Giel Nolen lan truyền khắp cả Schouwen - Duiveland và Goeree - Overflakkee chẳng khác gì một thứ bệnh truyền nhiễm. Nolen muốn cho mọi người biết cái khám phá quan trọng nhất của anh. Chỉ vài ngày sau thì hầu như ai cũng biết cô Anne, mới lấy anh sinh viên ở Delft, bị nghi là thủ phạm giết lão Brooshoofd. Cảnh sát tra vấn mấy ngày liền ở Rotterdam, nhưng thiếu bằng chứng nên được thả về. Có điều chắc chắn là cái thai trong bụng con bé là của lão Brooshoofd. Anh chàng Henk Boesschoten chẳng hay biết gì, cứ tưởng bở.

Khó mà tránh khỏi chuyện này lọt đến tai ông Strijen. Ông tin những lời đàm tiếu rằng: Anne không giết Brooshoofd nhưng đã tăng tịu với lão ấy. Một kẻ lập dị như lão giáo sư hẳn là hợp với tính cách ngang ngược của cô con gái ông. Về đến nhà ông mắng nhiếc Anne chẳng tiếc lời. Lúc ấy Henk đang ở Delft nhưng Piet có mặt ở nhà. Nó cũng nghe người ta đồn chuyện này từ mấy hôm trước nhưng cứ lờ đi. Piet bước tới trước mặt ông Strijen. Anne và mẹ ngạc nhiên thấy nó cao hơn cả bố.

“Tất cả đều là láo toét,” Piet nói.

Giọng nó non nớt, lại hơi run, khó làm cho ai sợ, tuy nhiên cũng có gì như đe dọa trong đó, như muốn nói nếu bố cứ mắng chị nó sa sả thì nó cũng cóc cần.

Anne đứng dậy, níu lấy cánh tay cậu em, tựa đầu vào đó.

“Vâng, tất cả đều là dối trá,” Anne nói.

Ông Strijen ngồi xuống.

“Con sẽ kể hết những gì xảy ra,” Anne nói. “Nếu bố mẹ không tin, con sẽ đi khỏi đây. Ngay bây giờ, đi mãi mãi.”

“Con có bao giờ nói dối mẹ đâu,” mẹ nói.

Anne kể hết. Khi cô nói xong, ông Strijen làu bàu: “Tao xin lỗi. Trong làng họ cứ đồn thế.” Ông không dả động gì đến chuyện tẩm trướng.

Anne im lặng. Chưa bao giờ cô nghĩ là cô có thể nói một việc nghiêm trọng như thế với bố.

Những tháng ngày tiếp đó đối với Anne thật là khổ sở. Cô cảm giác mình như một kẻ tội phạm, bị mọi người thành kiến. Thực ra không phải ai cũng vậy cả. Gia đình ông Klaasen lắng giềng, cả ông mục sư, ông giáo cũ tin lời cô. Còn những người khác thì chỉ thấy cô từ đằng xa là đã quay gót ngay, hoặc bắt đắc dĩ có gặp cô ngoài đường họ cũng cố tình tránh sang một bên. Thậm chí nếu đang nói chuyện mà thấy cô tới gần họ liền im bật, để rồi lại nói chuyện rôm rả hơn khi cô rời bước.

Có những kẻ trắng trợn hơn. Có lần Henk đi qua làng gặp một tụi con trai mới lớn; giữa cái yên ắng buổi chiều tà bỗng dung một đứa hét lên: “A, anh chàng mọc sừng kìa” để cả bọn cười rộ lên. Chắc chúng đã nghe câu chuyện đùa bỡn này quá nhiều lần nên mới hiểu nhanh như thế.

Có lần Anne bước vào cửa hàng, một người thấy cô đến, liền bỏ ra ngoài. Thái độ thù nghịch rõ rệt như thế kể cũng không nhiều. Thường họ dùng những cử chỉ kín đáo hơn, hoặc là lí nhí chào trong miệng.

Cả Henk và Anne cùng gắng chịu tất cả. Sở dĩ họ nhẫn nhục như vậy, vì biết đây chỉ là chuyện nhất thời. Chẳng bao lâu họ sẽ dời bỏ cái đảo này đến nơi khác để bắt đầu cuộc sống mới. Với Hennie thì chẳng sao cả. Nó không để ý đến những chi tiết nhỏ, có nói toạc móng heo họa may nó mới hiểu, mà trước mặt nó thì không ai nở làm thế. Vì vậy nó không bị ảnh hưởng gì.

Với Piet cũng chịu được. Lần đầu có người nhắc đến tin đó (một cậu mười chín tuổi), Piet đâm cho hắn một quả nên thân, từ đấy chẳng ai dám dả động gì mỗi khi có mặt Piet. Mẹ cũng thế. Một phần vì bà ở trong nhà suốt, ít đi đâu. Thêm nữa, niềm tin rằng con gái mình vô can trong vụ này là sức mạnh giúp bà chống đỡ với búa rìu dư luận.

Ông Strijen thì chịu không nổi, khổ sở vô cùng. Ông vốn là người hay xét nét cách ăn ở, cư xử của người khác và bây giờ hơn ai hết ông sợ họ sẽ quay sang phán xét ông. Ông không tài nào ngồi yên trong nhà thờ được khi có cả hàng chục cặp mắt soi mói ông. Ông định bụng sẽ rút lui khỏi hội đồng giáo xứ, nhưng vợ ông và cả ông mục sư khuyên ông chớ làm thế vì thiên hạ sẽ càng dị nghị thêm về chuyện của Anne. Ông thừa nhận điều này, song ông thấy khổ sở quá, không còn chịu đựng nổi. Chủ Nhật sau trong giờ hành lễ, ông mục sư cầu xin Chúa tha thứ cho cái tội vu khống, lăng mạ đang tràn trong giáo xứ. Cũng vô hiệu. Tin đồn vẫn lan xa, ông Strijen quyết định rời ghế hội đồng giáo xứ.

Tốt nhất là không bao giờ đặt chân vào nhà thờ một lần nào nữa, nhưng lương tâm ông bút rút không nguôi. Chọn nhà thờ khác cũng vậy thôi, đi đâu cũng không tránh khỏi dư luận đàm tiếu trên cái đảo bé tẹo này.

Ông oán trách con gái đã mang họa đến cho ông, cho gia đình ông. Dù cho tất cả là dối trá, và ngay bản thân ông lúc này cũng không còn nghi ngờ điều đó, nhưng nếu đứa con gái của ông đừng có chữa sớm, nếu nó không lang bạt kỳ hồ, nếu nó chịu sống chừng mực, đừng quen thói ngang ngược thì làm gì có chuyện rối rắm thế này. Ông đổ hết tội cho cô, nhưng không nói ra. Nhỡ to tiếng thì mọi người trong gia đình sẽ xa lánh ông. Ngay cả Hennie cũng bỏ rơi ông, ông biết lắm. Ông Strijen rất khổ tâm; tính ông ít cởi mở, lại là người trọng phẩm giá nên ông càng đau khổ hơn.

*

Henk và Anne ở Harderwijk trong thời gian Giáng sinh và Năm mới. Ngày 5 tháng Giêng, Henk về lại Delft để chuẩn bị cho kỳ thi cuối cùng. Anne đi thẳng về Battenoord. Tuy bụng đã khá to nhưng cô cảm thấy khỏe khoắn dễ chịu. Không khí ở nhà thật dễ chịu. Suốt những ngày nghỉ bố mẹ chẳng đi đâu, trừ một đôi lần đi lễ nhà thờ. Ngay vào đêm giao thừa họ vẫn ở tít trong nhà, không như mọi năm vào lúc hồi chuông nửa đêm gióng lên, hàng xóm đều ra khỏi nhà bắt tay chúc nhau năm mới, đốt vài ba cái pháo mừng xuân.

Về nhà chưa được mấy chốc Anne đã muốn thoát khỏi cái không khí ngột ngạt, thoát khỏi cái đảo này, thoát khỏi tất cả các đảo bởi vì đảo nào mà chẳng có ranh giới. Nếu là mùa hè thì cô đã lấy thuyền đi chơi trên sông nước cho đỡ bức mình. Nhưng nghĩ lại đang lúc bụng mang dạ chửa thế này muốn lái thuyền buồm cũng chẳng dễ gì.

Cô đỡ mẹ ít việc nhà, giúp bố chăm sóc lũ gà. Cô chợt thấy bà mình sao chóng già thế. Buổi sáng bà cụ nằm mãi trên giường, lúc dậy lại ngồi miết trên cái ghế mây phía sau lò sưởi, trông bà thật nhỏ bé, thỉnh thoảng gọt dăm củ khoai tây, tĩa mấy củ cà rốt. Bà đã bảy mươi tám tuổi rồi, may mà chưa lẩn.

Mình phải đi khỏi đây, Anne nhủ thầm. Cùng lắm là hai, ba tháng nữa thôi. Còn gì tuyệt diệu hơn được sống trong một khung cảnh mới, ở một nơi không có ai nghĩ xấu về cô, nơi cô và Henk sẽ xây đắp cuộc sống lứa đôi, nhưng chẳng bao giờ cô quên được Grevelingen! Mỗi ngày cô trèo lên đê đứng nhìn, cảnh quan trước mắt mỗi khác. Nước triều lên rồi xuống, nước nguồn

trần về... xám, xanh, vàng... Cái lão Brooshoofd khủng ấy nói thế nào nhỉ? Biển cả hiểm nghèo, biển đổi không ngừng... Cô cũng thấy thế, cảnh trời nước biến thiên vô cùng.

Dân ở đảo thì chẳng mấy khi thay đổi, bởi với họ thay đổi là vô thần, chỉ có bọn nhẹ dạ mới làm thế. Anne thấy rằng người dân sống gần biển chừng nào thì càng thủ cựu, sợ thay đổi chừng ấy. Phải chăng vì họ phải thường xuyên đương đầu với biển cả, hay họ sợ cái đại dương mệnh mông đầy nguy hiểm ấy? Hay là biển chẳng hề thay đổi, đến rồi đi, lên rồi xuống, với cái nhịp đập vĩnh hằng?

Trong suốt mấy ngày nghỉ cuối tuần từ ngày 10 đến 24 tháng Giêng, Henk không về Flakkee thăm Anne. Bởi anh quyết tâm học cho xong để ra trường trước khi đưa bé chào đời. Chẳng phải anh muốn con anh ngay từ khi sinh ra có ông bố là kỹ sư mà chỉ vì anh muốn đem hai mẹ con đi khỏi đó càng sớm càng tốt. Thứ Bảy ngày 31 tháng Giêng Henk về, làm Anne mừng khôn xiết; cô đã xa anh mười hai hôm rồi, ôi, sao mà lâu thế! Gia đình Anne cũng mong anh lắm. Anh vốn trầm tĩnh nên cũng làm mọi người khuây khỏa bực dọc. Với lại, anh lúc nào cũng vui tính.

Ngày thứ Bảy này, trời nổi bão.

Một vùng áp suất thấp ở phía tây bắc Xcốtlen là nguyên do gây ra trận bão đang thổi qua vùng phía bắc Bắc Hải. Trong lúc ấy ở Đại Tây Dương, phía nam Băng đảo, một vùng áp suất cao di chuyển về hướng đông đã tác động đến hướng di chuyển vùng áp suất thấp nói trên. Kết cục là trung tâm bão chuyển qua vùng Bắc Hải.

Lái chiếc xe máy từ Middelharnis đến Battenoord, Henk nhận thấy gió từ hướng tây bắc thổi rất mạnh. Có lẽ bị ám ảnh kể từ khi anh đọc những bài viết của lão Brooshoofd khủng ấy, mỗi lần thấy gió tây bắc nổi lên là anh lại đâm lo. Càng nghĩ tới khả năng nước nguồn dâng cao vào đêm tới, anh càng để ý theo dõi dự báo thời tiết. Nghe tiếng xe máy, Anne mừng rỡ ra đón chồng. Họ đứng ngay giữa sân hôn nhau, hàng xóm nhìn thấy vẫn cho là chường mắt. Henk theo vợ vào trong nhà, xuống bếp thấy thơm phức mùi cà phê. Mẹ Anne và Piet ngồi ở đấy. Bắt tay mẹ vợ xong, anh bảo Piet:

“Thế nào, cậu bé kia!”

Piet cười vui vẻ, rủ ông anh rủ chơi đấu tay với cậu, Henk nhận lời, đặt cùi chỏ trên tấm phủ bàn, nắm tay đối thủ. Henk cố sức, mặt mày nóng bừng. Piet cười thân thiện, đợi lúc hứng chí đè bẹp tay Henk dễ dàng chẳng khác gì một que củi.

“Dù gì thì em vẫn yêu anh mà,” Anne an ủi chồng.

“Cậu khỏe như trâu ấy,” Henk nói.

“Có gì đâu,” Piet nói. “Châu chấu đá voi thôi.”

Lúc sáu giờ Henk lắng nghe dự báo thời tiết trên radio. Anh đoán chẳng sai. Thông báo có bão to từ hướng tây và tây bắc thổi tới, ảnh hưởng khắp vùng duyên hải Hà Lan. Người xướng ngôn thêm rằng: “Ở vùng bắc và tây biển Bắc Hải đang có bão lớn chuyển đến từ hướng tây bắc và bắc. Trung tâm bão lan dần xuống phạm vi phía nam và đông thuộc biển Bắc Hải. Dự báo là bão sẽ tiếp tục suốt đêm nay.”

“Có nghe gì không?”

“Bão lớn.”

“Anh muốn nói bão lớn từ hướng bắc - tây bắc. Em còn nhớ cái lão Brooshoofd ấy không?”

“Không. Có bao giờ nghe cái tên ấy đâu.” Anne đáp, giọng chậm chọc.

“Em không nhớ là lão ta đã viết về những tính toán của Schalkwijk à? Nếu có bão thổi chính xác từ hướng bắc - tây bắc và nếu cùng lúc ấy nước triều dâng lên, thì mức nước biển sẽ lên rất cao. Trong trường hợp ấy những con đê dọc theo các đảo ở hai tỉnh Nam Hà Lan và Zeeland sẽ không giữ nổi.”

“Đấy là nhận xét của cái ông Schalkwijk gì đấy?”

“Theo anh đấy là kết luận của chính lão Brooshoofd.”

“Em chẳng thích lão ta chút nào. Xin Chúa cứu rỗi linh hồn lão. Em không tin lão. Thế còn anh?”

“Không phải những gì lão ấy viết là đồ tào lao cả đâu. Em cứ chuẩn bị để đút ngón tay vào đê tối nay.”

“Anh Henk nói gì thế?” Piet hỏi.

“Chuyện là thế này: Ngày xưa một cậu bé tìm thấy cái lỗ nhỏ xíu nơi con đê,” Anne kể. “Để không cho nước tràn vào, nó đút ngón tay vào đấy, ngồi canh suốt đêm. Nhờ thế mà đất nước này tránh được nạn thủy tai. Mấy ông ở Delft biết rõ những chuyện ấy.”

“Đúng vậy,” Henk nói. “Phải làm cái gì mới được cấp bằng kỹ sư cầu đường chứ.”

Chương 8

Sau bữa cơm chiều Hennie đi Nieuwe Tonge thăm bạn. Mẹ dặn phải cẩn thận không thì gió cuốn cả người lẫn xe đạp bay khỏi đê.

“Chín rưỡi phải có mặt ở nhà đấy,” ông Strijen dặn thêm.

Bà đi ngủ. Cả nhà ngồi ở phòng khách, nói chuyện, uống cà phê. Henk vừa nghe gió thổi vừa nghĩ đến Brooshoofd.

“Tại sao gió bắc - tây bắc lại nguy hiểm như vậy?” Anne hỏi.

“Bởi vì cái hình thù của biển Bắc Hải. Nó giống như chiếc phễu với cái miệng mở rộng giữa Xcốtlen và Nauy, cái đáy thắt lại ở eo Calais. Gió đẩy nước cuốn đi trong cái phễu ấy và luồng nước cạnh bờ biển Hà Lan chảy mạnh nhất khi có gió thổi từ hướng bắc - tây bắc. Nước triều dâng lên do hậu quả của bão.”

“Tao thì thiếu gì kinh nghiệm bão lụt,” ông Strijen nói. “Thế nào cũng qua khỏi trận này. Tối nay tao đi ngủ sớm.”

“Chúng ta có nên lên đê xem một chút chẳng? Hay là ra ngoài bến xem sao?”

“Làm gì cho tội cái thân. Nước triều sắp xuống rồi. Nếu là lúc nước lên thì đi xem đã đành. Cậu này đụng một tí là lo. Mà đúng thôi vì cậu quen ở cái hồ IJsselmeer im lìm ấy. Ở đây người ta quen cách khác.”

Nói xong, ông đi ngủ. Bà vợ theo gót. Henk vẫn băn khoăn về cơn bão. Khó mà không nghĩ tới nó được vì gió thổi to quá, thổi điên cuồng, Henk chưa bao giờ thấy như thế.

Trong khi đó Hennie hãi quá chẳng dám đạp xe về Battenoord. Lúc đi suýt tí nữa thì nó bị gió thổi tung khỏi mặt đê. Bây giờ nó tạm trú ở nhà đứa bạn tên là Joke Kloosterman.

“Cứ ngủ lại đây,” bà Kloosterman bảo. “Gió bão thế này không đi được đâu.”

“Cháu sợ bố lắm, không dám đâu.”

“Nhà cháu có điện thoại không?”

“Không, nhưng nhà bác Klaassen ở trên đê có ạ.”

“Cậu có thể nhờ họ đến nhà nhấc giùm được không?” Joke hỏi.

“Hay là làm thế,” Hennie chần chừ. “Mai thế nào cũng rắc rối to, nhưng đành liều thôi.”

“Từ đây đi thẳng đến nhà thờ cũng được. Gặp bố mẹ ở đấy thì cũng chẳng sao.”

“Nhưng tớ không mang mũ theo.”

“Lấy mũ tớ mà đội,” Joke nói. Hai đứa đi gọi điện.

Arend Klaassen đến nhà ông Strijen nhắn tin. Khi ông đẩy được cánh cửa bên, cả cái nhà như muốn bay đi.

“Hennie ngủ lại nhà Kloosterman,” ông Klaassen hét át cả tiếng gió. “Nó không dám về vì bão to quá.”

Ông vội đi ngay trước khi có ai kịp trả lời.

“Để anh ra ngoài bến xem sao,” Henk nói. “Em có đi cùng không?”

Anne cảm thấy không được khỏe lắm. Cô sợ gió to quá nhỡ ngã thì nguy cho cái thai, không liều được.

“Để em đi cùng,” Piet nói.

Gió thổi dữ dội. Piet và Henk níu lấy nhau nhằm hướng bến mà đi.

“Trời đất ơi,” Piet nói. “Thế này mà gọi là nước triều xuống?”

“Thế đấy. Lúc này là lúc nước xuống.”

Cạnh bờ kè, mực nước dâng cao. Chẳng khác gì lụt.

“Nếu như thế này mà gọi là nước xuống thì ta có thể cười đùa suốt đêm nay,” Henk nói. “Hãy tìm ông canh đê hỏi xem sao?”

Ông canh đê mặc bộ đồ chống bão, chân đi ủng, áo dầu láng bóng, nét mặt đầy lo âu. Henk có ngờ đâu nỗi lo của anh đã trở thành sự thực.

“Không ổn rồi,” ông canh đê nói. “Phải gọi thêm người phụ một tay đóng lại mấy cái đập nổi đám ruộng ở Battenoord với Klinkerland. Nhỡ một bên bị ngập thì còn cứu được bên kia.”

“Cháu về nhà gọi bố cháu dậy nhé?” Piet hỏi.

“Nên lắm. Nước lên thế này làm sao ngủ yên được.” Ông canh đê cùng với hai người khác chui vào cái xe con nhằm hướng mấy cái đập.

Henk và Piet quay bước trở về. Gió thổi dữ quá, tuyết và mưa đá tạt vào mặt. Họ đánh thức vợ chồng ông Strijen dậy. Ông Strijen bước xuống giường cầu nài, nhưng sau khi nghe nói là chính ông canh đê bảo thế, ông đổi thái độ.

“Có nên gọi bà dậy không?” Anne hỏi.

“Mẹ sẽ đưa bà lên cái giường trên gác thượng,” bà Strijen bảo con gái. “Dầu gì thì ở đấy cũng an toàn.”

Các phòng ngủ đều nằm ở tầng dưới. Bên trên là cái gác khá lớn. Phía sau nhà là cái chuồng bò.

Ở nhà được một lát Henk lại nóng ruột, quyết định ra bến một lần nữa. Piet đi theo. Mưa đã đã ngưng. Sóng đập từng lớp vào bờ đê, càng lúc càng to. Mặt trăng ló ra, soi trên mặt nước cuộn cuộn sóng, nhuộm một màu trắng óng ánh khắp con đê. Vùng đất phía trong con đê đã trở lên lầy lội, đây đó hiện ra những vũng nước sâu. Nhờ kinh nghiệm học hỏi ở Delft, Henk biết rằng chẳng mấy chốc thì khó mà tránh khỏi cái nạn vỡ đê. Phần lớn những cái đê trên đảo đều được đắp bằng đất, phủ một lớp cỏ lên trên - loại đê xanh. Lớp đất ở phần trên cùng và phía ngoài rất mềm, dễ bị thấm nước, ảnh hưởng đến cấu trúc đê, nguy hiểm rất lớn. Chịu sức ép của nước ở một bên mà phía bên kia không có sức ép để cho cân bằng thì ảnh hưởng đến

móng, võ đê là cái chắc.

Họ ra đến đường đê, chân mang ủng cao su lội bì bõm: nước lúc này đã tràn khắp nơi. Một chiếc ô tô chết máy nằm trên đường, đèn đóm tối om. Một người đàn ông đang giúp bà vợ bước ra khỏi xe.

“Không tài nào nổ được máy. Chịu thôi. Mà các cậu cũng không thể đứng ở đây được đâu,” người đàn ông nói.

“Chúng tôi có thể giúp gì được không?”

“Cám ơn, chúng tôi tự lo được. Tôi định đưa vợ con vào làng an toàn hơn nhưng đường đê ngập rồi. Phải cuộc bộ về nhà thôi.”

Bà vợ miễn cưỡng bước ra khỏi xe. Người đàn ông cúi xuống ghế sau ẵm một đứa nhỏ quần trong cái chăn, giao cho vợ giữ. Anh ta lại chui vào xe ẵm ra một đứa bé cỡ chừng ba tuổi. Ông chồng một tay ẵm con, một tay dìu bà vợ, lội nước mà đi.

“Không xa đâu,” ông ta hất đầu về hướng cái nhà nằm giữa cánh đồng, cách đê chừng 200 mét. Chi tiết này cố nhiên Piet biết rõ lắm, nhưng điều mà nó không ngờ tới là hai giờ sau cái nhà ấy biến đâu không để lại dấu vết gì cùng với tiếng la sợ hãi của những người ở trong đó. Nó không biết và cũng không ai biết điều kinh hoàng sắp sửa xảy ra...

Gió thổi cuồng loạn; nước trào qua mặt đê.

*

Ở bến tàu, viên chức trông coi pônđơ [\[2\]](#) và năm người khác chăm chú nhìn cái thước đo mức nước : 3 mét rưỡi, cao hơn mức trung bình!

“Không xong rồi! Khó mà giữ nổi. Phải đi từng nhà cảnh báo cho dân họ biết.”

Ông gọi điện cho ông quận trưởng ở Nieuwe Tonge; mấy ông kia chia nhau đến đánh thức những nhà đã tắt đèn đi ngủ. Piet và Henk tham gia vào công việc này. Cả hai đều gạt sang một bên nỗi khổ nhục mà gia đình phải gánh chịu suốt những tháng ngày qua. Lúc này lòng dạ nào mà còn nghĩ đến những chuyện như vậy.

Henk rung chuông ngôi nhà nhỏ của một ông về hưu. Nghe anh báo về hiểm họa gần kề, hai ông bà ngổ lời cảm ơn, nói là sẽ đem những thứ gì quý giá cất ở chỗ cao. Henk là người cuối cùng họ gặp trong đời: cả hai đều chết đuối trước khi trời sáng. Anh tiếp tục đến đập cửa một trang trại chìm trong bóng tối. Có tiếng chó sủa, lúc sau một người đàn ông mặc quần lót dài hiện ra.

“Dậy ngay đi!” Henk hét to át cả tiếng gió. “Đê vỡ đến nơi rồi.”

Ông chủ nhà này là người năng nổ. Ông lập tức đánh thức vợ và bảy đứa con, ra lệnh ai nấy mặc quần áo thật ấm vào, xong ông mở chuồng thả lũ ngựa chạy ra ngoài, hy vọng là chúng biết đường tìm đến chỗ đê cao. Chẳng bận tâm về cửa cái đồ đạc, ông bảo mọi người ngồi vào xe, lái một mạch vào làng. Nhà ông nằm trên một cái đập phía trong cho nên còn khá an toàn, trên pônđơ mới có ít nước theo sóng tràn vào từ con đê ngoài, giáp với nhánh biển.

“Đồ đạc không sao đâu,” ông bảo.

Trại của ông rồi bị nước cuốn đi, cùng với tất cả đồ đạc, của cải, kể cả 16 con bò và 200 con

gà, nhưng người thì được an toàn.

Henk ghé qua nhà một lần nữa. Anh định bảo mọi người lên hết trên gác tạm trú nhưng mấy phút trước đó nước đã lũn qua cửa vào nhà. Anne cùng với bố mẹ bận bịu đưa những đồ vật giá trị lên chỗ cao, trên tủ, trên ghế kê lên mặt bàn, trên kệ đóng ở tường.

“Nước trào qua đê, chuyện lạ đấy,” ông Strijen nói. “Lại một phen lụt lội.”

Họ nhớ cảnh lụt lội thời chiến, đất đai ngập vài ba tấc, đó là do người ta cố tình làm thế vì lý do phòng thủ.

“Được thế là may,” Henk nói. “Đê bị thấm nước nhiều quá, e rằng không đứng vững nổi.”

“Thằng Piet đâu?” Mẹ Anne hỏi.

“Nó đi từng nhà báo. Con cũng đi đây.”

“Anh phải cẩn thận đấy,” Anne nói. Cô đứng ở giữa cầu thang, cái áo phình ra đằng trước. Bố mẹ cô đã lên gác cả, xuống dưới nhà phải đi ủng vì nước đã tràn vào.

“Anh sẽ cẩn thận.”

Anh hôn cô rồi bước ra ngoài.

Gió gào thét mỗi lúc một mạnh, nước càng dâng cao. Thường ngày thì phải chờ một giờ nữa nước triều mới lên.

*

Nhận được cú điện thoại của viên địa chính, ông quận trưởng đến Battenoord ngay. Bàn bạc với mấy ông khác một lúc, ông nói:

“Tôi đã nhờ ông thư ký gọi điện đánh thức mấy người có ô tô, bảo lái xe đến đây ngay. Ai muốn đi tản sẽ có phương tiện chuyên chở. Ưu tiên dành cho đàn bà trẻ con.”

Quả vậy, trên đường đi đến Nieuwe Tonge thấp thoáng ánh đèn ô tô. Ông thư ký đã không hoài công động viên sự giúp đỡ của mấy ông chủ ô tô. Henk ngó quanh chẳng thấy Piet đâu. Chắc là cu cậu còn bận đi đánh thức mọi người.

Bão càng to, gió gào thét, như muốn tấn công lần chót vào vùng đất đai còn được đê che chở. Mấy ông đứng trên đê, ai nấy gòม sẵn chờ đợi giây phút hiểm nghèo xảy đến bất cứ lúc nào. Mây kéo đến cuộn cuộn, dưới ánh trăng mờ một màn nước sủi bọt trắng xóa phủ lấy con đê, chẳng còn nhận ra đâu là cái thành trì kiên cố che chở đồng ruộng. Một tiếng động kinh hoàng vang lên: Đê vỡ!

Nó vỡ cách chỗ Henk và mấy ông đang đứng chừng 200 mét, ngay phía sau cái trại của gia đình ông Strijen. Một bức tường cao ngất bằng đất nện cuốn theo nước sập xuống trại, cuốn phăng cái chuồng chứa 20 con bò, 3 con ngựa, cuốn luôn cái chuồng heo, tất cả đều bị xé toang, vỡ ra từng mảnh. Henk đứng người đứng nhìn, thẳm hỏi cái nhà còn đấy không?

Sóng to như bức tường 2 mét tràn vào ruộng. Những cái nhà nhỏ xây lên sơ sài trong khuôn khổ đạo luật canh tác ruộng đất dành cho dân nghèo bị nước cuốn phăng, chẳng còn dấu vết. Những ngôi nhà xây chắc chắn hơn còn chịu được cú sốc ban đầu, nhưng cửa sổ, cửa lớn bị nước bật tung ra, mọi người chạy vội lên gác, nhìn qua cánh cửa sập cảnh ghế bàn va đập vào

trần, đưa tay lên trời tuyệt vọng:

“Xin Chúa cứu cho, chúng con chết đến nơi rồi.”

Chương 9

Khi nước tràn vào pônđơ, mấy cái xe từ Nieuwe Tonge đến đang nằm chờ trên cái đê phía trong vẫn còn khô ráo. Nhân viên cứu hỏa, mấy ông cán bộ quận đang giúp một số đàn bà, trẻ con lên xe di tản. Nước dâng cao mỗi lúc một nguy kịch. Vừa rời khỏi một ngôi nhà, Piet chứng kiến cơn sóng lũ tràn vào, đê vỡ tới nơi rồi. Nó nhanh chân trèo lên đê trong, nơi có mấy chiếc xe đang đậu. Một ông đang giúp bà vợ và ba đứa con lên xe. Đứng cạnh chiếc xe kia là Tegelaar, công chức từ Nieuwe Tonge đến.

“Họ bảo tôi lái xe đến đây. Không biết phải đưa ai đi đây,”

“Ai muốn đi cũng được. Cứ để đấy, ta hãy đi bộ tới Battenoord. Ông quận trưởng đang có mặt ngoài bến.”

Họ cất bước, nhưng chỉ mấy phút sau nước đã tràn lên mặt đê.

“Đi lui thôi,” Tegelaar hét lên. “Thế này thì chẳng đi được đến đâu.”

Hai người khoác tay nhau trở về nơi ô tô đậu. Còn một cặp vợ chồng và hai đứa bé đứng đấy, nước đã lên tới cổ chân.

“Phải ra khỏi đây ngay,” Tegelaar kêu lên. “Để tôi lái xe quay về Tonge.”

Người đàn bà và hai đứa trẻ chui vào xe. Piet và mấy người đàn ông bước lại xem tại sao cái xe kia vẫn còn nằm ở đấy.

“Không nổ máy được, ướt quá,” ông lái xe nói. “Đẩy hộ thử xem.” Ông bước ra, bốn người ra sức mà đẩy cái xe kẹt dưới nước. Chẳng ăn thua. Mà đi đâu bây giờ. Thành linh một cơn sóng to tràn tới, ập lên người họ. Tegelaar mất thăng bằng, hét lên mấy tiếng kinh hoàng hòa lẫn trong tiếng gió, rồi nhanh chóng bị nước cuốn đi.

Piet biết mình đang đối đầu với hiểm nghèo. Suốt buổi tối nay cậu chẳng nghĩ gì đến bản thân. Tình thế càng lúc càng nguy. Sóng đập vào đê càng lúc càng to, quật vào xe, quật vào người. Nó nhìn quanh, kìa, có cái gì thật kinh hoàng xảy ra trước mắt. Chiếc xe ông Tegelaar chở người đàn bà và hai đứa con chúi xuống, gập chồm đê vỡ, lắc lư trong giây lát, cơn sóng to ập tới, chìm mất dạng.

“Chiếc xe, kìa chiếc xe!” Piet hét to.

“Đẩy, đẩy nào!” Người lái chiếc xe thứ hai lại hét to. “Sống chết gì cũng cố mà đẩy.”

Người đàn ông đứng lặng người, nhìn trân trân cảnh vợ con mình chết chìm theo chiếc ô tô. Hai người kia cố đẩy chiếc xe còn lại, nhưng chẳng tài nào nhúc nhích được.

“Phải kéo vợ con ông ra ngoài này,” Piet hét lên. “Chẳng mấy chốc cái xe này sẽ lao xuống đê.”

“Không. Cứ đẩy nào!”

Piet bất chấp, mở cửa xe ẵm một đứa bé ra ngoài, cất bước lội bì bõm, nhằm hướng ngôi nhà trước mặt cách đấy chừng trăm mét.

“Này, để nó lại đây,” ông bố gọi với theo; nhưng vừa dứt lời thì một ngọn sóng ào tới, cuốn

ông cùng chiếc ô tô với vợ và đưa con ngồi trong ấy. Bây giờ chỉ còn Piet ẵm đứa trẻ và ông chủ chiếc xe thứ nhất, như người mất hồn, chẳng biết được những gì diễn ra xung quanh. Tuy vậy ông sẽ sống sót để kể lại những gì xảy ra. Khi ông lần bước về phía Piet và đứa bé, đê lở dưới chân Piet. Nước tràn vào, một lỗ hổng to tướng hiện ra, hút vào đây Piet Strijen, mười bốn tuổi, tay còn ẵm đứa bé.

Gió vẫn gào, nước đã hoàn toàn chế ngự đất.

Tuyệt vọng đến cùng cực Henk rảo bước trên mặt con đê ngoài nhằm hướng nhà bố mẹ Anne, đi được chừng 200 mét thì anh phải ngừng lại vì gặp chỗ đê vỡ. Anh không thể nào hình dung chính xác cái gì đã xảy ra. Một phần ngôi nhà của ông Strijen còn đấy, đây là điều anh cả quyết là có thực. Anh không biết làm gì hơn là cầu nguyện cho Anne còn sống. Anh quay bước rẽ vào con đê bên trong, anh nghĩ biết đâu mình có thể làm gì giúp đỡ người khác chẳng; mười phút sau anh thấy hai chiếc ô tô đỗ đằng trước, loáng thoáng bóng người qua lại. Anh muốn đến gần nhưng không có cách nào. Một mảng đê đã bị cuốn đi, giữa anh và mấy cái xe là một hố sâu ngăn cách. Anh chợt nghĩ ra là phải tìm ngay một mái nhà hoặc leo lên một cái cây cao nào đó để lánh nạn, không thì chết chìm đến nơi! Cứ mỗi phút trôi qua bám chân xuống đất lại càng khó. À kìa, dưới kia, sát chân đê, có cái chòi. Đến đấy được thì còn gì bằng. Chui vào đấy? Và sau đó? Nếu không kiếm ra cái thang thì làm sao trèo lên được gác chứa rơm. Mà làm thế nào mở cửa vào được khi nước chảy cuộn cuộn như thế.

Anh quyết định trở lui nhưng chưa kịp quay mình thì một khối nước khổng lồ đập vào lưng, cuốn anh khỏi mặt đê, rơi đúng vào cái chòi, sức nước mạnh quá làm anh gần bất tỉnh, tuy vậy anh cố bám vấu lấy nó với tất cả sức lực còn lại của kẻ đang đối đầu với tử thần. Tay anh chạm vào một khe hở, anh cố nắm cho thật chặt và đẩy mình lên cao. Anh đã làm thế nào anh không còn nhớ nhưng cái mái gỗ bóng láng kia làm cho anh hy vọng, cố bám vào cái xà chắc cũng không khó lắm. Ngồi chồm hóm dưới cái mái chắn gió, người ướt như chuột lột nhưng ít ra thì anh vẫn còn sống. Chừng một giờ nữa thì trời sẽ sáng, thế nào người ta cũng tìm thấy anh. Gió vẫn gào thét, mấy ngón tay anh tê cứng lại, ngón chân mất hết cảm giác.

*

Anne và bố mẹ đã leo lên gác để tránh nước ngập trong nhà, nhưng chưa ai biết phải xếp đặt mọi thứ như thế nào. Chỉ còn mỗi ngọn đèn điện le lói. Phía giáp với chuồng ngựa là cái giường bà đang nằm đắp mấy miếng vải bố thật dày. Ngoài ra còn có mấy cái hòm, một cái ghế trẻ con, mấy tấm ván, đại để những thứ linh tinh thường thấy ở những gác xép. Mái nghiêng lớt ván, xà ngang cách sàn chừng 1 mét 80 khiến cho những người cao lớn lắm khi đụng đầu vào đầu giường. Trên gác lạnh lắm. May quá, trong một cái hòm hình bầu dục có mấy tấm chăn để đắp cho ngựa, thế là ai nấy lấy một chiếc quàng vào người. Ông Strijen tìm được một cái ghế tựa bằng mây, phủ tấm chăn lên trên, bảo Anne ngồi vào đó. Nghe thì có vẻ như ra lệnh, nhưng thực tình đây là hảo ý của ông bố. Để cô ngồi xong xuôi, ông kiếm đâu được một khúc gỗ làm cái bục cho cô gác chân. Với cái thai tám tháng đi đứng cũng mệt, cô ngủ thiếp ngay.

Vợ chồng ông Strijen ngồi cạnh nhau trên một cái hòm.

“Thằng Henk nói thế mà đúng,” ông Strijen hạ thấp giọng, sợ khuấy động giấc ngủ của mẹ và con gái. “Bảo thật đấy.”

“Cậu ấy thạo lắm mà.”

Ông Strijen đứng dậy, nhìn qua cánh cửa sập. Nước đã vào nhà chừng một tấc.

“Đúng là lụt,” ông nói. “Nhưng nước triều sắp xuống rồi. Qua nhanh thôi.”

Ông lại ngồi xuống. Hai vợ chồng im lặng, đuổi theo những ý nghĩ riêng tư. Con sóng thần đến với họ như một cơn động đất, thật kinh hoàng, thật bất ngờ, tai họa đã đến. Tiếng động gầm vang như sấm sét. Đèn đóm tắt ngóm. Gỗ chuyển động rầm rắc xen với tiếng sóng ầm vang. Gió tấp vào mặt lạnh như cắt. Không còn hồn vía nào nữa, họ dờ dẩn nhìn bức tường nước vừa tràn qua nơi họ ngồi không đầy hai thước, cuốn theo cái chuồng súc vật và căn gác chứa rơm. Ba phần tư cái trại bị nước cuốn đi, chỉ còn lại một phần ngôi nhà ở, cái phần quay mặt về phía gió và nước đang tràn tới. Ngôi nhà bị cửa thành hai mảnh, chỉ cách cái giường mẹ ông Strijen nằm khoảng mét rưỡi. Dưới kia cách sàn 2 mét, nước cuộn cuộn chảy.

“Lạy Chúa,” ông Strijen lấy bầy nói sau phút giây kinh hoàng.

“Chẳng còn con gia súc nào,” Anne nói. “Con Odysseus, lũ ngựa, bò đi tong hết rồi.”

“Quả là thần chết vừa tới thăm, may quá,” ông Strijen nói. “Nguy hiểm chưa hết đâu. Nước còn cao nữa. Thế nào cũng lên tới đây.”

Ông lấy ván đặt trên xà ngang, đỡ vợ con lên ngồi ở đấy. Có bao nhiêu chần ông đưa hết cho họ.

“Còn bà thì làm sao đây?”

Họ bàn với nhau. Không có cách gì đưa cái giường lên trên kia được. Mà gió như thế này để bà cựa ngời trên xà cũng không xong. Tốt nhất là lấy ít gỗ kê cái giường lên cao một chút và cầu trời mọi sự suôn sẻ.

“Các con hãy tự lo lấy thân. Mẹ già rồi.”

“Đâu sẽ vào đấy, mẹ ạ. Trời sắp sáng, chẳng mấy chốc người ta sẽ đến cứu mình. Cố thêm một chút. Hai giờ nữa là cùng.”

Ông đẩy cái giường mẹ ông xa ra chừng 1 mét, đặt một ít ván dưới chân giường, xong trèo lên xà ngồi với vợ và con gái. Rét thấu xương. Phần còn lại của cái nhà oằn đi dưới sự tấn công cuồng nộ của cơn bão.

“Mình nghĩ liệu có qua khỏi hay không?” Bà Strijen hỏi chồng.

Ông Strijen gật đầu, đầy lo âu:

“Sống chết trong tay Chúa.” Ông đáp.

“Không biết Henk và Piet lúc này ở đâu?” Anne hỏi.

“Chắc cũng không nguy hiểm đâu,” ông bố an ủi. “Vì dê vỡ ngay sau lưng nhà mình nên mới bị vỡ nặng như thế. Ruộng đất dù có bị lụt lũ nhưng mà dê trong thế nào cũng chống được nước. Dân ở trong kia chỉ cần leo lên gác ngời là yên. Trên mặt dê chắc an toàn thôi, không có gì phải lo.”

Ông Strijen chẳng có ý niệm gì về sự trầm trọng của tai biến này. Trong mười lăm phút nữa ông sẽ chứng kiến cơn bão cướp đi một nhân mạng.

Bà cựa nhích người ngời dậy một chút, mặt nhăn nhó:

“Bà phải ra khỏi đây.”

“Không được đâu bà ơi. Bà chịu khó nằm trên giường vậy.”

“Thông cảm cho bà. Hết chịu nổi rồi.”

Mẹ Anne nhích người ra phía trước. Nước đã lên đến chân giường. Chỗ bà cựa nằm cách mặt nước bốn tấc là cùng. Xung quanh giường đầy nước.

“Mẹ ạ,” bà nói giọng khản khản. “Mẹ mà ra khỏi giường sẽ bị cồng ngay. Cứ nằm yên như thế. Ở đây còn chỗ nào khô ráo đâu.”

Chẳng kịp có cơ hội kiểm chứng xem bà cựa có nghe lời khuyên nhủ này không. Một tiếng rắc ghê người vang lên. Mái nhà tuột ra, trôi theo nước, cuốn theo một phần căn gác, phần cổ cái giường của bà cựa. Ba người sống sót giương mắt bất lực nhìn cái giường trôi theo dòng nước biến mất trong đêm.

“Hãy cầu nguyện cho bà,” ông Strijen nói.

Họ chấp những bàn tay đã tê cứng dưới tấm chăn đắp cho ngựa, cúi đầu. Ông Strijen cất tiếng cầu nguyện cho mẹ ông cô đơn nổi trôi trên sóng nước, cầu nguyện cho bản thân họ thoát khỏi cảnh ngặt nghèo, cầu nguyện cho Piet và Hennie không hiểu giờ đang trôi dạt mãi đâu. Cầu Chúa che chở cho mọi người. Amen.

Nước tiếp tục công phá những gì còn lại, nhưng tình hình đỡ nguy hơn trước vì cái mái không còn, lúc này sóng không còn đập thẳng vào tường. Tuy vậy, giờ chẳng có gì để chắn gió che mưa, phải cẩn thận không thì tuột xuống nước. Dù sao họ vẫn còn sống để nuôi hy vọng ngày mai có người đến cứu.

Gió vẫn gào; họ nghĩ đến bà, đến những người vắng mặt mà lo sợ.

*

Mãi nửa đêm gia đình Kloosterman mới đi ngủ. Họ sống trong một ngôi nhà hai tầng bé xíu ở bãi phía tây Nieuwe Tonge. Joke, bố mẹ và đứa bé con của chị Joke gửi lại dịp cuối tuần, ngủ ở tầng trên. Hennie ngủ trên cái đi-văng ở trong phòng khách.

Nó ngủ không được ngon lắm. Ngủ trên cái đi-văng là điều bất hạnh; đó là thứ giường tồi, cứng ngắt. Nó thức dậy trở mình liên tục, rồi lại thiếp đi. Có những tiếng động rất lạ, ngoài tiếng gió gào suốt đêm; nó mơ mình đang trượt băng, gặp một cái hố, nó lượn thật sát, nhưng đến phút chót không hãm kịp, bị hút vào đấy, mất dạng.

Nó hét lên, choàng dậy. Trời tối om. Người ướt đầm đìa. Nó có cảm giác đang nằm trong nước. Mộng gì mà kinh quá. Hay đây là thực? Vẫn mặc cái áo ngủ của Joke, nó lội trong nước. Nước cao đến bụng, nó gào lên. Bàn ghế va chạm vào người, nó phải xô đẩy ra để mò tới cánh cửa thông ra hành lang. Phải cố sức lắm mới mở được cửa. Mình thức hay mơ đây? Nó lại hét lên, lần này thật dài hơi, và nó chợt hiểu tiếng kêu la nghe từ nãy giờ là tiếng kêu cứu từ ngoài đường vọng vào.

Nó đã ra ngoài hành lang. Cái thang gác ở đâu nhỉ? Có phải ở phía sau, về bên phải? Đưa tay mò mẫm, nó lội trong nước. Nước lên nhanh quá nó không nhắc nổi tay đưa lên cao. Nó chạm vào mấy trụ gỗ, chắc đây là cầu thang. Nó nghe tiếng người, đúng là tiếng bà Kloosterman gọi: “Hennie, Hennie.” Cảm thấy bậc thang dưới chân, nó trèo lên. Bà Kloosterman đang chờ. Nó ôm chầm lấy bà, khóc òa.

“Tội nghiệp cho cháu quá, sợ lắm phải không?” Bà vỗ nhẹ vào lưng.

“Bỗng dưng cháu thấy mình nằm trong nước,” Hennie nức nở. “Chẳng biết có gì xảy ra. Tối quá.”

“Bác nào có biết gì đâu,” bà Kloosterman run run nói.

Bà dìu Hennie vào cái phòng ngủ lớn, chồng bà đã thắp được ngọn nến. Nó ngồi xuống giường, mặt mày nhợt nhạt. Cái xe nôi nằm ở góc phòng. Nước lên cách sàn chừng 2 mét, cuộn cuộn chảy ngoài đường. Tối quá chẳng thấy gì hơn. Ngoài tiếng gió gào còn có tiếng kêu cửa hải hùng. Tiếng nước trào vào nhà. Một lát sau thì ngưng. Không khí dễ thở hơn. Trời sáng dần. Một quang cảnh kinh hoàng hiện ra trước mặt. Con đường biến thành một con kênh bẩn thỉu, đồ đặc đủ loại trôi bồng bềnh. Một số nhà đã bị nước cuốn đi. Căn nhà kế bên chỉ còn bức tường với mấy khung ván, một bà cỡ bốn mươi tuổi và hai đứa con cố bám vào đấy, nhưng xem chừng không cầm cự được lâu. Cách đấy hơn chục mét, nơi cửa sổ sát mái nhà, một ông đang lúi húi với sợi dây thừng.

“Dientje,” ông ta gọi to, “Dientje ơi, để tôi quăng cho chị sợi dây thừng nhé!”

Người đàn bà ngồi đó cực kỳ khổ sở, tay lạnh tê, lại còn ôm hai đứa bé. Phải khó khăn lắm mới nắm được sợi dây thừng và móc nó vào mấy tấm ván.

“Cho thằng Wim nắm dây lần tới đây.”

“Nó không biết bơi mà.”

“Phải cố thôi. Cố nắm cho thật kỹ. Đã có tao giữ chặt đầu này. Nào Wim, dám không?”

Thằng bé thả mình xuống nước, tay bám sợi dây với cái dáng vẻ sợ hãi của một đứa không biết bơi. Nhưng nó cố ngóc đầu lên mặt nước, nắm dây trườn dần tới ngôi nhà.

“Này Wim. Nhanh lên nào! Ở lâu dưới nước sẽ bị cóng đấy.”

Cuối cùng thì thằng bé cũng mò tới nơi. Đến lượt con bé chừng sáu, bảy tuổi. Nó bạo hơn thằng anh, chuyển mình nhanh nhẹn, chẳng mấy chốc đã đến.

“Nào Dientje, đến lượt chị!”

“Tôi sợ lắm!”

“Cố lên chứ. Ướt hết rồi lại run cầm cập thế kia!”

“Không khó đâu mẹ ơi!” Con bé kêu lên người run cầm cập.

Gia đình Kloosterman và Hennie đứng ở cửa sổ trông ra như đang xem một vở kịch diễn trước mặt. Nhưng đây là hiện thực trần trụi, phũ phàng. Người đàn bà vừa trườn xuống nước thì sợi dây tuột ra. Chắc bà đã không buộc kỹ. Bà ta hét lên một tiếng rồi chìm ngấm. Không biết có mắc vào cái gì không mà không thấy bà trồi lên nữa. Người đàn ông đứng sau cửa sổ nhanh thay kéo sợi dây về. Đầu dây trồi lên. Bà ta đã không buộc kỹ. Hennie và gia đình Kloosterman ngơ ngác nhìn nhau, đau lòng vì thấy cảnh người ta chết chìm trước mắt mà đành bó tay.

Suốt một buổi sáng đứa bé khóc vì đói. Khoảng mười một giờ nước xuống một chút nhưng rồi lại dâng cao. Chẳng có ai tới đưa họ về chỗ nào an toàn hơn. Ông Kloosterman an ủi là người ta còn khối việc phải làm chứ ai hơi đâu mà để ý tới cái cảnh lụt lội ở đây. Hennie lo cho

Battenoord nhưng ông Kloosterman bảo rằng tình hình ở đây cũng như thế này mà thôi. Trời tối. Ai nấy vừa đói vừa khát. Đưa bé khóc liên miên.

*

Cái chòi Henk trú ẩn không chịu nổi cơn lũ, vỡ ra. Henk bám vào thanh ngang nhô lên trên mái khi chòi sập. Nguyên cả cái mái trôi xuống đồng, kéo Henk theo cùng. Anh không biết mình dạt đi đâu nhưng ít ra thì anh vẫn còn sống. Lát sau, anh thấy mình trôi bồng bềnh. Trời sáng dần. Buổi sáng Chủ Nhật, nhìn xung quanh chỉ thấy nước và nước, những thân cây ngập nước chỉ còn nhô một nửa, những cái nhà nước ngập lên tận mái. Cách anh mấy trăm mét một con ngựa đứng bất động, nhô đầu trong gió, nước cao đến bụng. Hẳn là nó đang đứng trên một con đê. Chẳng có gì khác. Không một bóng người. Không một chiếc thuyền. Chẳng có gì ngoài tiếng gió.

Henk là tay bơi giỏi. Vào mùa hè anh thường bơi chèo một cây số, có khi còn xa hơn. Bây giờ chẳng biết dùng cái vốn liếng thể thao ấy để làm gì. Bơi đến chốn nào đây? Có nơi nào an toàn hơn cái mái dập dềnh mảy. Nếu cứ tiếp tục ngâm mình trong nước thì chỉ một chốc là người sẽ tê cóng, chết đuối là cái chắc. Anh cứ bám lấy nó lại khỏe. Anh nhớ có lần xem cuốn phim tả về nguy cơ để chân bị ướt và cóng quá lâu. Anh rút chiếc ủng ở chân phải ra, cởi luôn chiếc tất, vắt cho thật khô rồi kẹp vào nách, xong anh bắt đầu xoa bóp bàn chân. Làm thế chừng một giờ, anh lấy chiếc tất ráo mang vào chân, kéo ủng lên, và lặp lại như thế với chân trái. Cả ngày anh ngồi nhìn quanh, ngóng đợi. Dù chán nản đến cùng cực, anh vẫn nuôi hy vọng sẽ thoát hiểm hôm nay. Anh tự nhủ là mình đang trải qua một kinh nghiệm hiếm hoi; đây là cơ hội thử thách sự bền bỉ, kiên cường của anh. Chẳng đã có kẻ đắm tàu ngồi trong xuồng lênh đênh trên biển hàng tuần, chịu cảnh nắng mưa, đói khát mà vẫn sống sót sao? Phải chăng nhờ bền gan mà có người đã thành công vượt qua được sa mạc, những vùng địa cực dưới những điều kiện thời tiết khôn lường?

Henk nghĩ rằng chẳng mấy mà anh sẽ được tiếp cứu. Chẳng nhẽ ở nước Hà Lan hiện đại vào thời điểm 1953 này mà không ai ngó ngàng đến cái đảo bị bão lụt tàn phá, không ai đoái hoài tới những nạn nhân sống sót hay sao? Nhưng nhìn mãi chẳng thấy thuyền bè, máy bay đâu cả. Trên thế giới này có cả máy bay trực thăng cơ mà. Lực lượng không quân, hãng hàng không dân sự KLM (Hãng hàng không Hoàng gia Hà Lan) để mà làm gì? Hay là... hay là nhiều vùng khác cũng bị bão lụt, người chết nhiều quá thành thử cái đảo Overflakkee này chưa được chiếu cố đến? Cái lạnh lùa qua lớp áo khoác dày cộm thấu đến tận xương tủy, làm tê liệt mọi suy nghĩ. Nước lũ lại tràn tới, tấn công những con đê sụt mẻ, giáng một đòn trí mạng xuống vùng đất đai đã ngập nước. Mấy con mòng biển kêu oang oác. Trời lại tối.

Vợ chồng ông Strijen và Anne ngồi trên xà nhà suốt cả ngày Chủ Nhật. Khi nước triều xuống, phần đê giáp biển chưa bị vỡ vẫn còn ráo nước. Cạnh ngôi nhà của người coi đất thấp thoáng có bóng người. Vợ chồng ông Strijen vẫy tay cất tiếng gọi. Có người vẫy tay đáp lại rồi biến mất tăm.

“Giờ thì họ lấy thuyền đến cứu chúng ta,” ông Strijen nói.

Nhưng ông coi đất làm gì có thuyền. Cái nhà bé tí của ông hiện chứa sáu mươi mạng người chen chúc. Ngôi nhà nằm trên đê nên không hề hấn gì. Sáu mươi kẻ đói khát, sợ hãi, bàng hoàng vì đã chứng kiến những người thân chết đuối trong trận lũ lụt. Trời tối dần. Ở nhiều nơi khắp hai tỉnh Nam Hà Lan và Zeeland, cái hy vọng được cứu vớt trong ngày Chủ Nhật này cũng tàn theo bóng đêm trong lòng những kẻ đang ngồi trên mái, trên cây tránh lụt. Những bàn tay tê cóng đã buông ra. Nhiều người đã chết.

Chương 10

Sang thứ Hai thì cuộc cứu trợ bắt đầu. Một số người sống sót ở bến Battenoord đem chiếc thuyền cũ ra sửa lại, dùng làm phương tiện đến cứu những người còn kẹt ở những ngôi nhà bị ngập nước giữa pônđơ. Nhờ thế mà gia đình ông Strijen thoát khỏi cảnh huống ngặt nghèo. Họ tưởng thế nào cũng được hỏi han an ủi nhưng chẳng ai quan tâm gì đến họ sau khi nghe chỉ có mình bà cụ già nua bị nước cuốn đi. Cũng dễ hiểu vì nhiều người ở đây đã mất cả vợ lẫn con trên những chiếc ô tô nhằm hướng Nieuwe Tonge trốn bão lụt.

Họ hỏi thăm tin tức về Piet và Henk nhưng không ai hay biết gì. Mãi về sau một ông được cứu từ mái nhà cho biết là đã tận mắt thấy Piet bị lũ cuốn đi. Về Henk thì ông chẳng biết gì.

Họ khóc lóc. Chẳng ai buồn để ý vì có biết bao nhiêu người khóc rồi. Anne khóc thương cho đứa em cưng đã chết và lo cho Henk không biết trôi dạt nơi nào. Càng bật vô âm tín, hy vọng sống sót càng trở nên mong manh. Cô thấy sao mà mình thù ghét nước đến thế. Cô đặt tay lên bụng, cái thai đang nổi cơn đập phá lung tung.

Ông địa chính nhân cơ hội tìm cách trở về Herkingen. Ông quận trưởng và mấy ông khác tìm cách vượt qua những con đê bị lở trở về Nieuwe Tonge. Không thấy mấy ông quay trở lại, chắc là đến nơi rồi.

Ở Nieuwe Tonge, sáng thứ Hai, nhà ông Kloosterman không còn tiếng trẻ con khóc nữa. Suốt hai mươi bốn tiếng gào khóc làm ai nấy sốt cả ruột, đứa bé bỗng im lìm. Sự im lặng như một cú sốc. Không ai dám nhìn vào cái xe nôi. Rốt cuộc Hennie bước lại xem.

“Sao chẳng thấy nhúc nhích gì cả. Mắt nhắm nghiền. Nhưng cháu nghĩ nó còn sống.”

Ông Kloosterman trút bỏ quần áo, mặc độc cái quần lót, nói rằng ông sẽ mò xuống bếp kiểm chút gì ăn cho đứa bé. Tầng dưới, nước ngập lên đến nửa trần. Ông lần xuống thang gác lội nước bùn đi vào bếp. Bánh mì, tất cả thức ăn đều bị ngấm nước mặn, hỏng cả. May quá, có chai sữa hũ còn kín nút. Tìm nước cho đứa bé uống còn chẳng có, nói gì nước nôi cho ông tẩy mớ bùn dính đầy người. Đứa bé uống sữa và sống.

Buổi chiều họ được đem đến một ngôi nhà nằm trên đê còn khô ráo. Có lò sưởi ấm áp. Năm chục người ngồi ăn súp đậu loãng pha với nước mưa lấy từ cái thùng lớn.

Thứ Hai vẫn chẳng có ai đến cứu Henk. Cả ngày anh ngồi trên cái mái nhà bênh bồng, chân tay tê cóng. Nhìn đằng xa có gì chuyển động. Anh định cởi áo sơ-mi vẫy ra hiệu nhưng chịu thôi. Lạnh và mệt mỏi cùng cực. Mấy lần anh thấy chiếc máy bay rà xuống thật thấp. Chẳng ai thấy anh. Anh không thấy đói, chỉ lạnh. Anh không tưởng tượng nổi mình có thể ấm được trở lại. Anh mất hết ý niệm về thời gian. Anh nằm trên giường. Mẹ vào sắp gối nệm cho anh đi ngủ. “Mai con lên mười rồi đó,” bà nhắc. Anh còn lạnh. “Cho con cái chăn nữa, mẹ ơi,” anh nói. Nhưng mẹ anh đã đi rồi. Cửa sổ còn mở, thảo nào. Anh phải rời giường đến đóng cửa, nhưng anh không muốn. “Tại sao mẹ không đóng cửa lại?” Anh khóc thút thít. Khóc ư? Mai anh mười tuổi rồi còn gì. “Không khóc đâu,” anh nói to. Một luồng nước mặn tạt vào mặt. Một con ngựa đứng ở đằng xa, bất động, xoay mông về hướng gió. “Tao không khóc đâu,” anh hét to. Anh cười. Hò hét lúc này phỏng ích gì. Chết đến nơi rồi, chẳng còn nghĩ ngò gì nữa. Nhưng kêu khóc, xem mình như đứa nhỏ mười tuổi thì làm sao chống chọi nổi đêm nay?

Anne bây giờ ở đâu? Còn sống không? Anh thấy mình đang nghĩ hè cùng bố mẹ tại nhà người em của bố: chú Frans, thím Thea, cô con gái tên là Saskia. Họ muốn gán ghép anh với Saskia, kín đáo thôi, nhưng làm sao lọt khỏi mắt anh. Con bé Saskia có cặp mắt lồi. Anh thoát ra khỏi nhà, thuê thuyền chèo một mình trên dải Grevelingen. Anne kia. Cô lái chiếc thuyền buồm vùn

vút như con mòng biển bay lượn trong khi anh khó nhọc chèo rập cả tay, như bò trên nước. Anne mười tám tuổi xuân, nhỏ người, tính năng động. Tóc nâu lò xo xòa trước mặt, giữa mớ tóc là đôi mắt to đầy sinh lực. Tính yêu đời ham sống toát lên khi cô cất tiếng hát: “Hiểu biết rồi sẽ đến sau, hò dô”. Anh đáp to: “Hò dô, hò dô,” thế là cô cho buồm quay về hướng gió, ngả người về phía sau, mớ tóc vờn trên sóng. Cô liên tục trở buồm, lái thuyền lượn qua lượn lại làm anh chóng cả mặt, không còn thấy gì trừ đôi mắt của cô, anh có cảm giác đang nhảy một bản luân vũ quá dài. “Hò dô, hò dô, hò dô.”

Lạnh quá, lạnh muốn chết được. Anh tự buộc mình làm động tác xoa nắn bàn chân, lặp lại mấy lượt. Khoảng sáu giờ trời tối. Lại một đêm rét kinh người, dài đằng đẵng đang chờ trước mắt anh. Anh ngủ lơ mơ. Nhưng mỗi lần anh thấy mình liêu xiêu sắp gục thì anh bật dậy kịp thời, ngồi thẳng lên. Cái ý chí muốn sống vẫn bền bỉ. Anh tiếp tục chiến đấu, dù anh chẳng cảm thấy gì nữa.

*

Vào ngày thứ Ba gia đình Anne được người ta đến cứu, đưa về Nieuwe Tonge. Họ gặp lại Hennie ở trong cùng một ngôi nhà dành cho nạn nhân bão lụt. Nghe tin bà và Piet đã chết đuối và Henk mất tích, Hennie òa khóc. Nhưng có ai là không khóc đâu.

Trong nhà chỉ có hai cái giường, mọi người thay phiên ngủ. Một chiếc trục thẳng chở ít thực phẩm đến, nhưng làm sao cho đủ. Liên lạc với thế giới bên ngoài cũng rất hiếm hoi. Điều chắc chắn là chưa thể chuyển những người sống sót trên đảo vào đất liền.

Trong nhà có cái đàn ống, có thể dùng để phụ họa các bài kinh, thánh ca. Dăm ba ông mới góa vợ mất con ngồi nốc rượu giải sầu. Một ông trút hết tội cho ông quận trưởng, nếu ông ta không huy động cho đàn bà trẻ con lên ô tô đi lánh nạn thì làm gì có cái thảm họa này? Vợ con ông đều chết đuối. Mọi người chia sẻ nỗi đau buồn của ông nhưng bảo ông ta nên ít lời thôi. Mẹ Anne cùng nhóm phụ nữ cố làm cho không khí ở đây dễ chịu hơn. Ông Strijen bàn tán với nhóm đàn ông về nguyên do của vụ thiên tai. Anne ngồi ngó trần trần trước mặt, lo lắng cho Henk. Mọi người an ủi cô nhưng ít ai dám chắc với cô là thế nào Henk cũng biết cách thoát hiểm.

Khi cả gia đình có dịp ngồi lại với nhau, mẹ Anne bảo:

“Thấy chưa, không còn ai nhớ đến chuyện lão Broodshoofd nữa. Họ xem mình cũng như mọi người.”

Ông Strijen gật đầu.

“Chuyện này xem như đã trôi theo cơn lũ,” ông nói.

Anne lặng im. Cô không nghĩ đến Broodshoofd. Cô chỉ nghĩ đến Henk, chồng cô, bố của đứa bé trong bụng cô.

*

Sau ba ngày ba đêm, đến sáng thứ Tư thì Henk thoát nạn. Viên phi công lái chiếc Piper nhìn thấy anh, truyền tin đi, sau đó anh được hai thanh niên ở Oude Tonge, một anh mười tám và một anh mười chín tuổi đi bè đến cứu. Từ tối Chủ Nhật đến giờ hai anh này đã cứu được nhiều người. Nhiều lần họ đã không quản nguy hiểm, nhảy xuống nước quăng dây lên mái nhà, lên gác cao để cho những người tránh lụt bám vào mà lần đến mặt đất.

Về đến Oude Tonge, Henk được người ta lấy khăn chà sát khắp người, cho chân ngâm vào nước nóng, họ cho anh ăn một thứ xúp loãng như nước. Chẳng ai hay biết về số phận gia đình

vợ anh. Họ cho anh nằm trên giường với cái bình nước nóng và thật nhiều chăn. Anh lăn ra ngủ thẳng một giấc cho đến sáng thứ Sáu. Anh thức dậy, bụng đói cồn cào. Lúc này đã có liên lạc thường xuyên bằng máy bay trực thăng giữa Dirksland và những làng bị lũ lụt. Nhiều người đã được di tản đến nơi an toàn hơn.

Ăn uống no nê xong, anh co dãn chân tay, làm vài động tác đầu gối, thế là anh cảm thấy mình vẫn khỏe như trước, không hề hấn gì, cũng chẳng ho đến một tiếng. Anh từ chối không chịu di tản tới Dirksland. Anh muốn về Nieuwe Tonge và Battenoord tìm Anne.

Cũng không khó. Nhiều chỗ đê lở đã được sửa tạm, đi lại đã có thuyền bè và cả xe lội nước.

Nhờ vậy mà chiều thứ Sáu Henk có thể bước vào ngôi nhà gia đình ông Strijen đang lánh nạn. Anne thấy anh trước tiên. Không thốt nên lời, cô nín thở chạy tới ôm chầm lấy anh.

“Cả đời em chưa bao giờ được sung sướng như lúc này,” cô thì thầm vào tai anh. Bố mẹ Anne vẫn còn đấy. Chỉ có Hennie theo gia đình Kloosterman đi Dirksland, nó không chịu được cái cảnh chen chúc, ngột ngạt ở đây. Người ta đã tìm thấy xác thằng Piet. Xác nó cùng với mười ba cái xác khác được quấn trong vải buồm, đặt trong một cái chòi. Sáng mai người ta mang hòm đến, tất cả sẽ được chôn trong một cái mồ tập thể ở một chỗ đê cao.

Gia đình ông Strijen chờ chôn cất xong xuôi rồi mới ra đi. Đường di tản được tổ chức như sau: máy bay trực thăng chở đến Sommelsdijk, từ đó lên xe buýt đi Dirksland, xong đáp tàu thủy đi Hellevoetsluis, đến đây lại lên xe buýt đi về trại tiếp cư ở Den Haag. Tối ấy, Anne chuyển bụng dữ dội.

“Đẻ đến nơi rồi,” cô bình tĩnh nói.

Henk thấy háo hức vô cùng.

“Thế là sớm ba tuần đấy!”

“Thì sao?”

“Có ông bác sĩ nào trong cái làng này không?”

“Chẳng cần bác sĩ nào. Em đẻ một mình được.”

Cô ngồi xuống. Chờ cho cơn chuyển bụng qua, cô tiếp:

“Không biết có bà đỡ nào không? Cùng lắm nếu cần thì mẹ sẽ phụ cho em. Còn bình thường thì em thích một mình.”

“Không cần anh hay sao?”

“Anh đừng chấp nhé, anh yêu... Lần này thôi mà. Trước đây làm gì em cũng chỉ có một mình, có sao đâu.”

“Con hoẵng cũng đẻ một mình,” Henk thông cảm nói.

Anne hôn chồng. Henk lên gác mời mọi người ra khỏi căn phòng nhỏ có mỗi cái giường. Lúc lợi một lúc anh tìm được hai cây nến.

Mẹ Anne kiểm được ít đồ vải còn sạch sẽ. Bà có vẻ lo lắng.

“Không ổn rồi. Chỉ có nước mưa, bác sĩ thì chẳng có. Phải đun thật nhiều nước sôi, để nguội, ít ra còn được vệ sinh. Sáng mai có máy bay, thế nào cũng mời cho được bác sĩ.”

“Phải đấy,” Henk nói.

“Đấy là nếu mình muốn thế,” bà tiếp, “chỉ trong trường hợp thật cần thiết mà thôi.”

Anne đi vào buồng. Trong nhà còn khá nhiều dân lánh nạn, người ngồi ngủ gật, kẻ túm tụm lại tán gẫu. Có người nhặt đầu được cái gối, tẩm đệm, nằm lả ra ngủ.

Henk cùng với ông bà nhạc ngồi ở đầu cầu thang trước cửa phòng. Ngoài họ ra còn bảy người nữa. Đêm dần qua. Họ ngủ lơ mơ. Không có tiếng động nào từ phòng Anne nằm. Hai lần Henk mở hé cửa thò đầu hỏi han; Anne không cần đến anh.

“Chuyển bụng như thế mất bao lâu nữa?”

“Thường thì phải hai ngày. Con so mà.”

“Chắc là không. Nhưng khó mà biết được. Để con so bao giờ cũng khó.”

Lúc trời tảng sáng, một viên chức sở công chính xuất hiện. Ông nhìn quanh, người thì còn ngủ, kẻ mới thức dậy nhưng vẫn còn mắt nhắm mắt mở.

Ở đầu cầu thang ông nhận ra người mình đang tìm kiếm: ông Strijen ở Battenoord.

“Kìa ông Drooger, lúc này lo việc dê điều bận lắm phải không?”

“Còn phải nói. Cậu này là rể anh à?”

Henk đứng dậy chào.

“Anne có đây không?”

Anh ngoảnh đầu về phía cửa phòng. “Cô ấy đang chuyển dạ sắp sinh.”

“Con anh đấy,” Drooger nói. “Không phải con lão Brooshoofd đâu.”

Henk lạnh cả người.

“Tôi nói vậy là có dụng ý đấy,” Drooger thêm vào. “Ta hãy kiếm nơi nào yên tĩnh nói chuyện một lúc. Tôi có tin này chắc các ông muốn nghe.”

Anh nhìn mẹ vợ. Bà gật đầu thông cảm.

“Mẹ trực ở đây,” bà nói.

Ba người đàn ông mặc áo choàng vào rồi bước lên dê.

“Tôi chắc là trong tuần này thì không có ai nhìn ngó đến đảo Groeree -Overflakkee nhiều hơn tôi,” Drooger mở đầu. “Từ thứ Hai đến giờ tôi và một viên phi công trực thăng Mỹ đã bay khắp nơi vẽ bản đồ ghi tất cả những chỗ dê vỡ, với mục đích bắt tay vào việc sửa chữa càng sớm càng tốt. Đảo này bị ngập nước đến 80%. Trong tất cả hệ thống dê điều, không kể những đụn cát, trong tổng số 90 km dê giáp biển, có 150 chỗ dê vỡ, chiều dài tổng cộng là 10,5 km, những dê phía trong có bảy mươi năm chỗ bị vỡ, chiều dài tổng cộng là 4 km. Đấy chỉ là ở Groeree -

Overflakkee mà thôi. Tôi không nắm chắc được tình hình những đảo khác ở Zeeland. Chắc chẳng khác gì hơn.”

“Làm thế nào mà họ có thể đắp lại được như cũ?” Ông Strijen hỏi.

Henk cảm thấy từ “họ” nghe sao mà xa cách quá. Chẳng phải anh sắp sửa trở thành kỹ sư chuyên ngành xây cất đê điều đó sao?

“Ta phải bắt đầu ngay,” Henk nói. “Những chỗ vỡ có thể bị toác ra thêm. Nay ông Drooger, tôi có thể tham gia vào việc chữa đê được không? Chỉ một tháng nữa là tôi tốt nghiệp kỹ sư.”

“Chúng tôi hoan nghênh mọi sự hợp tác. Có hai chỗ lở trầm trọng ở Herkingen và Den Bommel, bởi thế hệ thống đê phía trong bị nước biển tràn vào. Nếu tình trạng này kéo dài nước sẽ chảy xuyên suốt, có nguy cơ cắt đảo này thành hai.

“Rõ ràng là tình trạng đê điều ở vùng Tây nam Hà Lan không đủ khả năng đối phó với tai biến tháng Hai vừa rồi. Đê xây thấp quá, lại còn có nhiều chỗ không được bảo quản đúng mức.”

“Mấy hôm trước có một ông canh đê tên là Kemper, Everhart Kemper, xuất hiện ở Zierikzee.”

“Tôi có biết ông ta,” ông Strijen nói.

“Ông này gần như loạn trí. Vợ và ba đứa con chết chìm cả. Ông ta tự kết tội, chuộc hết lỗi về mình, khẳng khái chò rằng vì ông mà cái tai họa này xảy ra, chính ông đã biến thủ ngân quỹ dành cho việc tu sửa đê điều. Mọi người cố an ủi rằng chẳng qua vì tinh thần ông bị căng thẳng quá đấy thôi, bởi vì ông đâu phải người duy nhất có trách nhiệm cai quản toàn bộ hệ thống đê điều, cứ trông cái cảnh đê vỡ khắp nơi thì rõ. Nhưng ông ta vẫn bứt rứt khôn nguôi, cho đến lúc không còn chịu nổi ông ta đã nói toạc ra là chính ông giết lão Brooshoofd.”

“Anh nói gì vậy?” Ông Strijen là to. “Này Henk, có nghe gì không?”

“Nghe à,” Henk điềm tĩnh nói. Anh chẳng còn hơi sức đâu để mà bị kích động. Quá nhiều chuyện đã xảy ra. “Khoan đã,” anh dừng bước. “Xem nào, ông vừa nhắc đến tên Everhart Kemper, viết tắt là E.K., đúng không? Ồ, mình ngốc thật!”

“Tự biết mình đã là khá lắm rồi,” ông Drooger nói, “nhưng thực tình tôi không hiểu anh muốn nói gì?”

“Anne tìm thấy cái hòm chứa đầy giấy tờ. Lúc này nó đang nằm ở sở cảnh sát Rotterdam. Không phải tất cả ở đó đâu, vì tôi có đem một ít về Delft. Trong một tờ ghi chép, ông Brooshoofd buộc tội một người có tên viết tắt là E.K. đã biến thủ công quỹ của cơ quan đê điều.”

“Cái này hay đấy. Vậy là đúng rồi. Anh còn giữ tờ giấy ấy không?”

“Nếu thành phố Delft chưa bị nước tràn vào!”

“Chẳng có sấm chớp gì ở đấy.”

“Tôi còn giữ nó ở phòng trọ. Nếu biết thế thì tôi đã đưa cho ông thanh tra Stafmaat rồi. Chắc chắn là ông ta tìm ra ngay cái ông E.K. ấy.”

“Everhart Kemper thông đồng với một tay thầu khoán khai gian số chi phí dành cho việc tu

quản đề điều. Kemper đã dàn xếp suôn sẻ vụ này. Hai người chia nhau số tiền khai gian.”

Drooger kể tiếp:

“Tháng sáu năm ngoái, Kemper lái chiếc xe tải loại nhỏ đi trên đường đê phía đông Brouwershaven. Trước mặt ông ta là một người đàn ông đạp xe xiêu vẹo làm Kemper tránh không kịp. Người đó ngã xuống đường, may mà không hề hấn gì. Kemper dừng xe. Cái hòm chở sau xe đạp đã bị văng ra. Người đàn ông nhặt nó lên. Nhận ra Kemper là viên chức quản lý đê điều lão hét lên giận dữ:

- Mày muốn giết tao hả, đồ tham nhũng thối tha kia!

- Tôi có quen biết gì với anh đâu. Nhỡ đụng một chút thôi mà. Cũng tại anh đi xiêu vẹo quá. – Kemper nói.

- Tao biết quá rõ cái thói gian lận của mày, - Brooshoofd hét lên, mà cũng đúng thôi - Tao đã ghi chép tất cả, nó nằm ngay trong cái hòm này. Tao sẽ gửi đăng báo hết cả.

- Anh điên rồi sao? - Kemper nói.

- Thế à? Bộ mày và Van Putten không bỏ túi ngân quỹ dành cho việc sửa đê hay sao?

- Để xem có gì trong này - Kemper vồ lấy cái hòm. Hai người vật nhau, Kemper khỏe hơn. Khi Brooshoofd vùng ra được, lão vung tay quăng cái hòm xuống nước, rút ra một con dao. Trong lúc giằng co - theo lời Kemper - Brooshoofd nhỡ tay để con dao đâm vào cổ mình, máu tuôn xối xả. Lão liểng xiểng đi được mấy bước rồi ngã quỵ, chỉ mấy phút sau thì lão tắt thở.

“Trong xe có sẵn tấm vải buồm, Kemper quần cái xác vào đấy, bỏ thêm mấy viên đá cho nặng thêm, quăng xuống một cái rãnh. Còn chiếc xe đạp thì ông ta liệng xuống nước. Cũng may là trời đổ mưa, máu me trôi đi cả. Kemper cố tìm cái hòm, nhưng có dạt đi đâu mất. Từ đấy ông ta đâm lo canh cánh, sợ có người nhặt được tìm thấy tên mình trong ấy.”

“Chuyện có thể xảy ra như thế thực.”

“Thế là rửa sạch mọi nghi ngờ.”

“Con chẳng bận tâm,” Henk hãnh diện nói.

“Bố thì có,” ông Strijen nói. “Cũng nhẹ nhõm được đôi chút sau cơn tai biến vừa qua. Mừng là chuyện này được giải quyết ổn thỏa.”

“Duy có điều đáng tiếc là,” Drooger nói, “nếu chuyện này lộ ra, người ta sẽ đổ lỗi cho những ông quản đê tham nhũng đã gây ra trận bão lũ. Mà thật ra có khối ông quản đê hết lòng vì công việc.”

“Đúng vậy,” Henk đồng ý. “Những chuyện của chúng tôi đã cho thấy cái tính cả tin của thiên hạ.”

“Ta phải quay về thôi.”

Henk nhìn vào đồng hồ đeo tay đã ba ngày ngâm trong nước mặn mà vẫn không hư hại gì, liền giật mình. Họ nói chuyện đã khá lâu. Bước nhanh về nhà tạm trú, ông Strijen và Henk chia tay ông Drooger ở cửa ra vào, không quên cảm ơn ông ta đã mang đến tin vui.

Khi hai người lên gác, mẹ Anne không còn ngồi đấy. Henk bước ngay vào phòng. Bà mẹ vợ chạy lại.

“Mẹ nghe tiếng la nên vào phòng xem sao,” bà vội vàng thanh minh. “Nhưng không phải Anne là đâu.”

Anne nằm trên giường, tay ôm cái gì như mớ tóc đen, ướt át. Cô mỉm cười với Henk.

“Con trai anh ạ,” cô nói.

Phần 2

Chương 11

Valeer bước ra đê, gọi là để ngắm nhìn sóng nước, nhưng thực ra là để nghĩ ngợi. Có nên để râu hay không, đấy là việc phải giải quyết nội ngày thứ Bảy này. Nỗi băn khoăn dai dẳng từ nhiều tháng nay đã đến hồi phải chấm dứt.

Chuyện này không đơn giản tí nào. Điểm thứ nhất là anh Piet để râu, nhà chẳng ai hạch hỏi gì Piet. Những gì Piet làm đều được chấp nhận, từ trước đến nay vẫn thế. Mà cũng chẳng có gì lạ, Piet học nhanh như một con tàu tốc hành, chẳng hề bận tâm đến những chuyện vớ vẩn, đọc mòn hết sách các thư viện tỉnh Zeeland, lại còn nối gót bố học nghề kỹ sư cầu đường, chuyên ngành đê điều. Một cậu con trai lý tưởng, như người ta thường nói. Piet thấp hơn cậu em Valeer gần nửa cái đầu, nhưng cũng cao đến 1 mét 81. Anh cường tráng, chẳng biết đau ốm là gì. Suốt mùa đông anh bơi ngoài biển - có thể xem đây là chuyện vớ vẩn chẳng, Valeer tự hỏi. Piet hai mươi tuổi. Anh đang chuẩn bị thi ra trường, và cũng như mọi sinh viên khác, anh để râu, màu hung.

Valeer sờ mặt. Điểm thứ hai: cậu đã cạo râu mấy ngày rồi, nay nó lại lún phún mọc lên. Nhưng thế này đã đủ chưa? Đám râu này rồi có ra gì không hay là lại giống như mấy ngọn cỏ cùn, hoặc bụi cúc vườn nhà trồng ở hướng bắc đang ngắc ngoải chờ chết? Khó mà phê phán được. Râu mọc càng dài càng che những chỗ da trần trụi. Nhưng có người bảo rằng cạo mặt càng nhiều râu ra càng rậm. Hay là cứ chờ một năm nữa xem sao. Valeer mới mười bảy tuổi thôi mà.

Điểm thứ ba. (Valeer đưa tay nhắm tính, thầm hãnh diện về cái tính thứ tự lớp lang của mình) Phải mất bao lâu người ta có thể nói: kìa, thằng Valeer để râu? Nói cách khác, còn bao lâu nữa người ta sẽ không nói: thằng Valeer rồi đến lúc cạo râu thì vừa?

Chẳng có ai để cậu tâm sự. Phải tự mình giải quyết thôi. Cách hay nhất là vừa nghĩ vừa nhìn ra dải Oosterschelde mênh mông, kỳ vĩ này. Valeer là kẻ ham thích sông nước chẳng kém gì mẹ cậu. Dưới mắt cậu, bàn ghế nhà trường thật quá nhỏ hẹp. Nói cách khác là cậu không trèo qua nổi cái ngưỡng cửa trường trung học. Mấy môn ngoại ngữ thì còn tạm tạm, nhưng đụng đến môn toán thì sao mà kinh thế. Nhất là khi ta có một ông anh quá thông thái trong nhà không hiểu được tại sao em mình lại dốt thế thì ta càng ghét cay ghét đắng cái môn toán ấy!

*

Bố đã gửi cậu lên Amsterdam học trường tư một năm, thầy cô nghiêm khắc, rèn cặp gắt gao. Nhưng nói đến nghiêm khắc thì chẳng thấm vào đâu, vì bố cậu còn nghiêm hơn nhiều. Buổi tối bọn học sinh vô tư ngồi hút cần sa - dĩ nhiên chuyện này bị cấm. Đã có chục thằng bị đuổi. Valeer cũng hút theo, nhưng rồi cậu thấy chẳng bổ ích gì, sợ dĩ cậu khoái hút có chăng là vì cái thú vi phạm điều bị cấm ấy thôi. Với môn toán thì cậu vẫn đứng hạng bét.

Để râu hay không để râu, đấy là vấn đề phải giải quyết. Trong đám dân chài, chẳng có ai để râu. Để xem nào, ừ, Willem Schuit có bộ râu quai nón. Có thêm vài bộ râu nữa cũng chẳng sao. Dù vậy, người ta sẽ cho rằng cậu muốn đóng vai sinh viên, trong khi bản thân cậu chỉ muốn lánh xa. Sau một năm học ở Amsterdam được rèn cặp đủ mọi cách, cậu trở về nhà với số điểm dưới mức trung bình, mẹ cậu thấy con mình vốn dã dể hồng hào, nét đặc trưng của dân vùng Zeeland, nay trở nên xanh xao, thế là bố mẹ quyết định cho cậu nghỉ học. Cái điều cậu muốn, cậu hỏi bố. Cũng không khó. Ở đây sáu ông có tàu chuyên nghề bắt nghêu tận mãi Yerseke, nhưng vào những lúc thời tiết thuận tiện họ trở về hoạt động tại cảng nhà Zierikzee. Con trai

ông Van Lier không ham bắt nghêu mà lại thích học ngành địa lý nhân văn. Valeer có thể bỏ vào chỗ khuyết ấy. Được ông chủ thuyền Van Lier nhận làm môn đồ, Valeer thấy mình có khiếu về bắt nghêu hơn là về định lý Pythagore.

Valeer nhìn mãi ra xa. Trước mặt là ba hòn đảo nhân tạo có tên là Noordland, Neeltje Jan và Roggenplaat, dựng lên trong khuôn khổ công trình xây con đê chắn ngang Oosterschelde. Gió tây nam đập vào mặt cậu. Mặc kệ bọn sinh viên che giấu cái mặt trắng bệch sau những bộ râu, cậu thích một khuôn mặt dày dạn nắng gió. Cuối cùng Valeer quyết định không để râu.

*

Chương trình Malta xây cất gia cư cho tư nhân ở Zierikzee đã cung cấp một khu nhà xinh xắn, giá cả phải chăng, hợp với túi tiền của một anh kỹ sư công chính như Henk. Nó lại nằm ngay cạnh trụ sở Cơ quan Delta, phụ trách dự án xây dựng đê điều của Bộ Công chính, trên đường Van Veen. Kiếm đâu ra chỗ tốt hơn khi Henk được làm việc ở cơ quan này.

Anne chăm sóc khu vườn, cây cối trông cũng mát mắt nhưng bì thế nào được với mấy ngôi nhà cùng đường. Bao năm rồi chị vẫn phải lúi húi một mình vì Henk chẳng bao giờ nhúng tay vào vườn tược. Lần nào anh cũng nói: “Chờ đến lúc về hưu hẵng hay.”

Từ lâu Anne đặt hy vọng vào hai cậu con trai Piet và Valeer, nhưng lớn lên chẳng đứa nào chí thú chuyện làm vườn. Gần đây Valeer hay giúp chị một tay nhưng bởi vì nó yêu mẹ nó hơn là vì khoái chuyện cây cỏ.

Buổi sáng Anne làm việc ở một hãng đóng sách, buổi chiều chị ở nhà. Khi thằng Valeer đến tuổi đi học, chị tuyên bố thẳng với chồng là chị sẽ không ở nhà suốt ngày lo việc nội trợ. Henk có vẻ nghĩ khác vợ, thấy như mẹ anh chỉ có mỗi mình anh mà suốt ngày ở nhà, chẳng đi đâu. Anne không muốn bàn bạc lôi thôi. Chị làm đủ mọi việc, có khi được trả tiền công, có khi làm việc từ thiện. Chị không chịu được cảnh ngồi không. Nếu có lương thì thế nào cũng có hôm chị cầm sẵn chìa khóa ô tô, đứng đợi chồng con:

“Hôm nay cả nhà đi ăn tiệm. Mẹ có tiền đây, chán nấu nướng rồi. Nào, mời các ông lên xe ngay cho!”

Những anh hầu bàn ở các quán đều quen mặt Anne: nào thực đơn, nào danh sách đồ uống, nào hóa đơn, cứ việc đưa thẳng cho chị. Mới đầu Henk thấy hơi lạ nhưng rồi anh cũng quen, cứ phó mặc cho vợ lại hay!

Chiều thứ Bảy này Anne tự hỏi có gì đang chờ chị. Bố hẹn đến chơi, Piet cũng về đây. Bố, Henk và Piet thường không xung khắc trong mối liên hệ tay đôi nhưng hễ ba người ngồi lại với nhau thì thế nào cũng có chuyện cãi cọ. Giữa Anne và bố thì hiếm khi có chuyện rắc rối. Đã hai chục năm hai bố con chẳng có điều gì quan trọng để mà nói với nhau, ngay cả lúc mẹ mất, sáu năm trước đây cũng thế. À còn thằng Valeer, dùng nó làm cột thu lôi được đấy. Trừ khi họ bàn về việc đắp đập chắn cửa bể Oosterschelde, bởi vì về chuyện này thì hai thằng con trai hoàn toàn chống lại bố và chồng chị. Oosterschelde hiện là đề tài cho thiên hạ tranh cãi. Chị sẽ bảo thằng Valeer cố mà giữ mồm giữ miệng. Chị còn nhớ rõ mồm một trận cãi nhau lần trước. Đấy chẳng phải chuyện đùa.

Khoảng 4 giờ thì ông Strijen tới. Ông mặc bộ com-lê màu đen. Trừ những lúc làm việc ở trang trại, lúc nào ông cũng mặc bộ đồ ấy. Dù đã bao năm trôi qua ông vẫn chưa nguôi ngoai về cái chết của cậu con trai. Ông đặt hết kỳ vọng ở Piet, ước mong có ngày Piet sẽ nối nghiệp ông trông coi trang trại. Piet chẳng làm phật lòng ông bao giờ. Cậu và ông khá hợp nhau. Nỗi đau mất con cứ ngấm dần và ngày càng làm lụn đi cái ý chí phấn đấu của ông.

Cũng may là Hennie lập gia đình với một anh theo nghiệp nông tên là Rien Everaars. Hennie và chồng trông coi trang trại. Ông Strijen sống với con gái và rể. Mọi chuyện đều tốt đẹp. Ông cũng không mấy khi can thiệp vào công việc như Rien đã lo ngại. Sức lực ông chẳng còn là bao.

Thế nhưng, đôi khi ông lại can thiệp quá nhiều vào việc dạy dỗ ba đứa con của Hennie và Rien. Mặc dù chúng được dạy dỗ rất nghiêm khắc, theo lẽ thói truyền thống, ông vẫn không hài lòng. Còn bọn trẻ thì lớn nhanh như thổi, đứa nào đứa nào nấy cũng lo lấy thân, có mấy khi ở nhà, nhờ thế mà không khí bớt căng thẳng.

Sau bữa ăn chiều, khi hoàng hôn xuống, năm người cùng đi dạo qua phố Zierikzee. Đó là một thành phố rất xưa. Vào thời Trung cổ, nó đã từng giữ vai trò quan trọng trong sự lưu thông tàu bè giữa Anh và Brabant, đồng thời là tuyến lưu thông tới Hà Lan qua ngã Gouwe. Ông Strijen và gia đình con gái đi về phía đường Meelstraat để ngắm tòa thị chính, xây từ thế kỷ 16 vừa mới được trùng tu. Thêm mấy bước nữa là tới Havenplein. Đáng tiếc là cái quảng trường trông ra bến tàu năm xưa nay đã khô cạn, gợi lên hình ảnh điêu tàn hoang phế.

Họ tìm được một bàn trống ở quán ngoài trời, gọi cà phê uống. Họ kể cho nhau những mẩu chuyện mà người ta vẫn thường kể vào ngày thứ Bảy. Piet kể về Delft, về những ông giáo sư có thời đã từng dạy bố. Henk kể những giai thoại về Bộ Công chính, một cơ quan đầy quyền uy, đã nhận ai làm nhân viên thì coi như con cái trong nhà, nhưng lại đòi hỏi sự chân thành của người ấy hơn cả sự đòi hỏi của một gia đình. Valeer cho biết người ta lại sắp sửa bán nghêu. Mùa nghêu kết thúc vào ngày 24 tháng tư. Ai cũng chờ ngày mở mùa, do Hội đồng Tư vấn ngành khai thác nghêu ấn định.

“Thời tiết đẹp quá.” Ông Strijen nói.

“Ở trại ông còn làm gì nữa không?” Piet hỏi.

“Chăm bầy gà. Từ khi bà mất, tao cũng coi luôn cái vườn rau.”

“Tiếc thật, nhà ta không còn con ngựa nào,” Anne nói. “Máy cày bì thế nào được ngựa.”

Lần nào nói chuyện với bố Anne cũng dùng đại từ nhân xưng U, có vẻ xa cách, thay vì je, thân mật hơn, trong khi mấy đứa con chị gọi chị bằng je, Henk gọi ông nhạc cũng bằng je.

“Ngựa đắt lắm.”

“Máy cày rẻ hơn,” Valeer chen vào.

“Nhà nông bây giờ khá lắm,” ông Strijen nói, “khác xa hồi trước chiến tranh. Dân thành phố thì ăn uống quá thoải mái rồi.”

“Quả thật đã có nhiều thay đổi,” Henk nói. “Trước đây muốn đi từ Battenoord đến Zierikzee mất bao lâu? Phải hằng giờ. Buổi tối sau chín giờ là các hòn đảo hoàn toàn bị cô lập. Không còn chuyển phà nào. Bây giờ phóng ô tô đi qua đập nửa giờ là tới nơi.”

“Dễ dàng thật đấy,” ông Strijen nói, “nhưng tao không biết đấy có phải là một sự cải thiện hay không? Bọn trẻ bây giờ phóng túng quá. Chúng tha hồ muốn làm gì thì làm. Chẳng còn thể thống gì nữa. Ai mà biết chúng chơi bời lêu lổng mãi tận đâu. Cứ xem mấy đứa con của Hennie và Rien. Chúng chả xem người lớn tuổi ra cái gì cả.”

Anne cau mày. Từ lúc hai mươi tuổi, chị đã ngán mấy hòn đảo này đến tận cổ.

“Nếu bọn trẻ không tôn trọng người lớn thì lý do không phải vì một cây cầu hay một cái đập,”

chị nói. “Mình phải làm gì thì chúng mới trọng nề chứ. Tôn trọng đến từ hai phía. Từ phía con cái đến cha mẹ, từ phía cha mẹ đến con cái.” Chị đảo mắt nhìn Valeer, Piet và Henk.

Henk chẳng ham đề tài này. Anh ngẫm nghĩ những lời ông bố vợ vừa nói. Anh không đồng ý, nhưng mạch suy nghĩ của anh cũng khác vợ anh. Anh nói:

“Bọn trẻ ở Zeeland giờ thay đổi cũng như giới trẻ ở khắp xứ Hà Lan này. Có nhiều nguyên nhân: mức sống cao, truyền hình, còn nhiều điều khác nữa. Không chỉ đơn giản vì chuyện đi lại dễ dàng đâu. Ở Schouwen đầy rẫy dân du lịch. Ở Haamstede và Renesse cũng thế. Mà bọn trẻ có bị ảnh hưởng bởi chuyện này đâu. Sá gì cái bọn nuốt khoai tây chiên hùng hục theo nhịp nhạc Pop nhưng hễ thấy mưa xuống mấy hạt thì đã chạy tán loạn. Với bọn ấy thì có gì để mà học đòi... Không, những gì ảnh hưởng đến tụi trẻ bây giờ là mớ nhật báo, tuần san, sách vở, radio, tivi. Mức sống cao làm cho mọi sinh hoạt trở nên dễ dàng. Đây là cái nhịp sống của thời đại. Chẳng dính dáng gì tới mấy cây cầu, vài nhánh biển.”

“Chớ nghĩ là tao chống việc xây cất đê đập đâu nhé,” ông Strijen nói. “Nhờ nó mà cả vùng này được an toàn. Rất quan trọng cho những đảo ở hai tỉnh Nam Hà Lan và Zeeland này.”

Valeer này giờ không để ý lắm đến câu chuyện, vừa nghe được mấy câu về việc xây đập, cậu phản ứng ngay:

“Cháu chả thấy có gì là quan trọng cả. Nếu thỉnh thoảng không có một anh chết đuối thì Zeeland đâu còn là Zeeland nữa.”

Một khoảnh khắc lặng im. Henk chỉ kịp thốt lên một tiếng “Valeer!”, Anne định lái câu chuyện qua hướng khác, Piet định đùa một câu với thằng em hỉ mũi không sạch, vì ở sau hai cái tai nó có nhiều nước quá, thì ông Strijen đã đứng dậy.

“Tao bắt chuyển xe buýt chín giờ về nhà.”

Valeer nhận ra là cậu đã làm ông ngoại phật lòng. Chán thật, cái cậu Piet, em của mẹ - anh Piet được đặt theo tên của cậu ấy - chết đuối hồi năm 1953 lâu lắm rồi mà ông ngoại vẫn còn thương xót chưa nguôi, mẹ có lần bảo thế. Đầu cậu nóng bừng. Cậu cảm thấy người nặng trĩu như vừa nuốt một viên đá vào bụng.

“Cháu xin lỗi,” cậu ấp úng.

Ông già Strijen bước đi. Anne biết mình phải gọi bố lại để phân bua, nhưng chị không thể. Henk cũng cảm thấy như thế, nhưng anh không nhúc nhích. Chỉ có Piet đứng dậy chạy theo ông.

“Thằng Valeer chẳng có ác ý gì đâu. Nó mới mười bảy tuổi, ông ạ.”

“Đúng là cái nạn của thời này,” ông Strijen làu bàu. “Con nít mười bảy thì phải ngậm cái miệng lại hay ít ra trước khi nói cũng phải suy nghĩ đã. Cậu mày - một trong những người mà thằng em mày bảo thỉnh thoảng cũng cần cho chết đuối - lúc mới mười bốn đã tỏ ra hiểu biết, thận trọng hơn cả hai anh em nhà mày cộng lại đấy. Lại còn biết ứng xử với người trên kẻ dưới, chẳng như bọn chúng mày.”

“Chẳng hay cháu nói gì sai trái?”

“Hôm nay thì không, nhưng lần trước thì có đấy. Mày không muốn đóng Oosterschelde chứ gì?”

“Người ta có thể bất đồng ý kiến chứ ạ.”

“Người lớn thì được, con nít hỉ mũi còn chưa sạch thì không,” ông Strijen phản đối, nhưng rồi ông mỉm cười, tự thưởng cho lời mình vừa nói.

“Ông ơi, trở lại đi,” Piet nói, họ đã đi được một quãng tới gần trạm xe buýt.

“Không mà. Tao đi chuyển chín giờ.”

“Ông định đi chuyển mười giờ cơ mà.”

“Tao đổi ý. Khuya rồi.”

Trong khi ấy ở quán cà phê Anne vẫn chưa hết ngạc nhiên vì chị cứ tưởng sẽ có rắc rối với Piet, chứ đâu ngờ là Valeer. Bởi lẽ, hễ đụng tới chuyện xây đập thì Piet luôn luôn là kẻ gây sự, sẵn sàng đối đầu.

Sau một hồi ngẫm nghĩ, Henk nhìn vào mặt cậu con, mắng:

“Đồ ngu!”

Valeer ngồi im. Bố nói đúng, tất nhiên rồi. Không những cậu đã làm buồn lòng ông ngoại, mà còn làm chuyện ngu xuẩn nữa. Cậu đã làm cho mọi người nghĩ rằng cậu chẳng ngó ngàng gì đến sự an toàn của vùng Zeeland. Cậu và lũ bạn thường bị người ta buộc cho cái tội ấy, trong khi thâm tâm chúng có nghĩ như thế đâu. Chúng đồng ý đấy là vấn đề quan trọng, có khác gì Henk và mấy ông thông thái trong cơ quan Delta đâu.

Ngu thật!

Chương 12

Thỉnh thoảng những khi biển động, ông Van Lier không muốn cho thuyền sang phía bên kia Zierikzee đánh nghêu. Đêm nay cũng vậy. Tốt quá, thế là Valeer có thể tới dự cuộc họp tối nay của ủy ban vận động “Còn nước còn tát”.

Buổi họp tổ chức ở quán Dijkzicht. Đây là một quán điển hình cho kiểu quán làng quê: quầy rượu thâm nâu, bàn bi-da ở trên căng tấm vải buồm, mặt bàn trải thảm nhung với những cái lót ly.

Chủ tịch ủy ban “Còn nước còn tát” là Jos de Visser. Ngoài trừ cái tên Visser, anh chẳng dính dáng gì đến nghề đánh cá cả. Anh kiếm sống bằng nghề kế toán. Cầm cái búa gỗ mạnh xuống bàn, ông chủ tịch mở đầu buổi họp, ngỏ lời chào những người hiện diện.

“Khi nào cũng thế,” một ông tên là Dingeman Tamboer nói - nhưng nói vậy là trái với điều lệ rồi, vì chỉ ông chủ tịch mới có quyền khai mạc buổi họp.

Valeer nhìn quanh. Lúc nào cũng chừng ấy người có mặt. Chẳng một ai làm nghề chài nghêu, nuôi hào. Mỗi người một nghề. Thật lạ đời, dân chài lưới thì chẳng ai quan tâm gì đến chuyện chống xây đập chắn ngang Oosterschelde, trong khi những người quan tâm lại là những người không có quyền lợi trực tiếp đến chuyện này. Họ là những kẻ chơi thuyền, những người thích bơi lội ở vùng nước này, những người yêu thiên nhiên. Dân đánh cá tuy không chống lại đường lối hoạt động của ủy ban như nhiều người ở ngoài Yerseke đã làm, nhưng cũng không ủng hộ. “Bức thư gửi cho chính phủ và chương trình hoạt động của ban quản trị.”

“Chương trình nào?” Dingeman Tamboer hỏi.

“Rồi anh sẽ được nghe.”

Cuộc thảo luận về bức thư gửi cho chính phủ ở Den Haag diễn ra rất nhanh chóng. Không ai nhớ đây là bức thư thứ mấy gửi chính quyền, mà về cái khoảng này thì họ siêng năng hết mực. Đây cũng là nhân khi nội các mới thành lập, là dịp để nhắc nhở mấy ông bộ trưởng và các đảng phái chính trị những gì họ đã hứa hẹn trong thời kỳ tranh cử.

Chính trị gia thường hay chóng quên.

Chuyện là thế này. Sau trận bão lụt ngày 1 tháng Hai năm 1953, người ta cố gắng tìm mọi cách để tránh không cho xảy ra một tai biến như thế nữa. Quyết định cuối cùng là xây một số đập khổng lồ để đóng các nhánh biển ở Tây nam nước Hà Lan lại, trừ nhánh Nieuwe Waterweg và Westerschelde. Đạo luật Delta được Hạ viện thông qua ngày 16 tháng Mười một năm 1955 và được đăng trên Công báo ngày 8 tháng Năm năm 1958.

Công trình được xúc tiến nhanh chóng. Ngày 1 tháng Năm năm 1971, đập chắn ngang Brouwershavense Gat được làm xong, biến nhánh biển Grevenlingen thành một cái hồ. Tiếp đó, hệ thống đập xem như hoàn thành, ngoại trừ cái đập ở Oosterschelde, dự liệu phải làm xong vào năm 1978.

Một điều kỳ diệu đã xảy ra. Kể từ 1969, cái lạch Volkerad được ngăn lại, nhờ thế mà nước sông ô nhiễm không còn đổ vào Oosterschelde. Kết quả là nước ở đây trở nên trong trẻo, khó mà nghĩ rằng thời nay còn tìm ra được thứ nước thiên nhiên trong sạch như vậy. Thêm vào đó là một vài thay đổi khác. Càng ngày người ta càng nhận thức được rằng việc xây đắp đường sá, đưa bê tông cốt sắt xâm nhập vào khu vực thiên nhiên, san bằng những khúc quanh trên sông nước cho tàu bè đi lại dễ dàng, những thứ này chẳng làm ta giàu hơn, trái lại chỉ làm ta nghèo

thêm. Vì thế cần phải khẩn trương thi hành các biện pháp nhằm bảo vệ thiên nhiên và môi trường nước trước khi quá muộn.

Ở xứ Hà Lan này tìm đâu ra được một vùng thiên nhiên phong phú và quan trọng hơn như ở Oosterschelde, có lẽ chỉ trừ vùng biển Wadden mà thôi. Hơn bảy mươi loại cá, ba loại mực sống ở đây. Ngoài ra có năm trăm loại sinh vật sống trong những vùng nước mặn và bùn lầy. Thêm nữa là một trăm bốn mươi loại thảo mộc, hai mươi năm loại rong rêu. Nước trong như vắt, ngồi trên thuyền có thể nhìn thấy sò nghêu nằm dưới đáy. Nước ở Oosterschelde lại giàu chất dinh dưỡng, đủ các loại thực vật sinh sôi nảy nở ở đây, chúng cộng sinh với nhau, lan tràn khắp nơi như thửa loài người chưa phải lưu tâm chở che cho thiên nhiên. Đây còn là giang sơn của hàng trăm nghìn chim chóc, nơi chúng kiếm ăn, trú thân qua mùa đông, nơi chúng dừng chân để sinh sản. Thử hỏi chúng sẽ di tản đi đâu nếu người ta đóng dòng Oosterschelde lại, nước tù sẽ trở nên ô nhiễm, còn đâu là nguồn dinh dưỡng cho lũ chim? Chẳng còn gì cho chúng.

Đừng đóng Oosterschelde, lời kêu gọi có vẻ ngập ngừng trong những năm sáu mươi. Tôn đề cao lên để chống bão lụt, nhưng đừng hủy diệt một trong những khu vực thiên nhiên trù phú vào bậc nhất ở đông bắc châu Âu. Tiếng nói đó ngày càng nhiều, càng to, càng tự tin.

Thế giới của dân đánh cá kết liên với những kẻ chuyên nghề nuôi nghê nuôi hào ở Yerseke, những người yêu chim chóc, những kẻ mê câu cá, những thợ lặn nghiệp dư, những ai không làm ngơ trước hiểm họa thiên nhiên bị hủy diệt, những ai yêu dòng nước triều lên xuống như nhịp đập muôn thửa của biển khơi. Tất cả đều không thể bó tay làm ngơ.

Thư gửi chính phủ được mọi người thông qua. Arie Puyk, giáo viên lớp Bốn, có nhiệm vụ soát lại chính tả. Đã đến lúc giải lao uống bia. Jos de Visser nhìn quanh. De Waard lại biến đâu mất. Tất cả có chín người: ba đàn bà, sáu đàn ông. Jos nghĩ tất cả đều đáng tin cậy. Cộng tác với nhau từ lâu nên anh biết họ khá rõ. Tuy vậy anh vẫn hỏi:

“Điểm sau cần được giữ bí mật. Liệu tôi có thể tin là mọi người sẽ kín miệng không?”

Mọi người đưa mắt nhìn nhau. Ai nấy đều gật đầu.

“Ban quản trị đề nghị là chúng ta phải làm cái gì đó về ông kỹ sư M.D.J. Lievenbach.”

“Đồng ý!” Dingeman Tamboer la to ủng hộ hết mình.

Lievenbach là một viên chức quan trọng ở cơ quan xây đập Delta thuộc Bộ Công chính. Ông ta là kẻ thù không đội trời chung của ủy ban tranh đấu “Còn nước còn tát”, không bỏ qua bất cứ một dịp nào ông chế nhạo ủy ban, thậm chí còn buộc tội nữa. Chẳng có buổi phát biểu nào trước công chúng mà ông không hô hoán lên rằng cái ủy ban “Còn nước còn tát” chỉ vì muốn cứu một hai con chim mà xem nhẹ an ninh quốc gia. Những tuyên bố kiểu đó, báo chí thế nào cũng đăng ngay ngày hôm sau.

“Về cái ông Lievenbach này,” Toos de Wit nói, “không biết Valeer...”

“Valeer thế nào?” Valeer hỏi đầy vẻ quan tâm.

“Liệu cậu có gặp khó khăn gì không?”

“Bởi vì bố tôi làm việc ở cơ quan Delta chứ gì?”

“Ý tôi muốn nói thế.”

“Chẳng vấn đề gì đâu. Điểm thứ nhất là tôi không làm việc ở Delta, điểm thứ hai là tôi sẽ

không mách cho bố tôi, điểm thứ ba là bố tôi cũng chẳng ưa gì cái ông Lievenbach này.”

“Thế thì xong rồi,” chủ tịch nói. “Đây là kế hoạch.”

Jos hạ giọng, nhòai người ra phía trước. Mọi người chụm đầu lại như đang mưu tính chuyện gì. Jos vừa dứt lời, ai nấy đều cười ngất. Họ hứa sẽ tích cực thi hành kế hoạch. Họ thảo luận chi tiết. Một vài người nhận công tác đặc biệt cho giai đoạn chuẩn bị.

“Nếu tôi yêu cầu mọi người phải thề giữ kín việc này thì có vẻ như to chuyện quá,” Jos nói, “nhưng nếu việc này lộ ra thì rách việc lắm.”

“Tôi sẽ không hé miệng với bất cứ ai, cho dù chúng có treo tôi lên cho bánh xe quay cũng mặc,” Dingeman nói.

“Ta đâu còn sống ở thời Trung cổ.” Jos nhận xét một cách khô khan, “nhưng cứ trông mấy ông quan chức làm việc thì có khác gì.”

“Mấy ngài ngồi ì ở đấy từ thời Trung cổ,” Lijn Jekel nói. “Quên cho về hưu mà.”

“Cám ơn tất cả,” ông chủ tịch nói. “Buổi họp bế mạc ở đây.”

*

Valeer phải cho anh Piet biết mọi bí mật. Họ đã định như thế. Piet có một người bạn thân ở Hilversum, và theo kế hoạch thì họ cần sử dụng một địa chỉ ở đấy. Valeer viết mấy dòng cho Piet. Piet cần thời gian để suy nghĩ.

“Chuyện này có thể gây sóng gió,” Piet nói với Valeer khi anh về nhà dịp cuối tuần.

“Càng tốt chứ sao.”

“Phải tính cho kỹ. Có khi phải bồi thường thiệt hại chứ chẳng chơi đâu.”

Valeer nhúng vai.

“Như thế lại được tuyên truyền rộng rãi, còn gì bằng. Biết đâu nhờ thế mà người ta sẽ không đụng đến Oosterschelde! Nếu cần bồi thường thì tổ chức quyên góp khắp nơi.”

“Được rồi,” Piet nói, “tao sẽ hỏi Johan.”

Vài ngày sau Piet cho biết đã dàn xếp xong xuôi đâu đấy. Ủy ban có thể dùng địa chỉ của Johan. Valeer gọi điện cho Lijn Jekel, chủ nhà in. Các tài liệu của “Còn nước còn tát” đều được in ở đây với giá vốn. Lijn cứ việc theo đó mà thi hành. Ngày hôm sau ông ta đã in xong bằng giấy văn phòng với tiêu đề:

Johan Foppenbrouwer
Đài truyền hình “Viễn kính”
Phòng nghiên cứu và chương trình
182’s Gravelandseweg
Hilversum

Lijn đem giấy tới cho Arie Puyk, kèm theo mấy cái phong bì có in tên và địa chỉ tương tự. Arie và Jos đã thảo sẵn bức thư, chỉ việc đem đánh máy trên giấy viết thư “chính thức” của một người có kiến thức rộng mang cái tên bịa là Johan Foppenbrouwer, hiện cư ngụ tại địa chỉ

Johan Lagerwey ở Hilversum. Thư viết như sau:

Kính gửi ông Lievenbach,

Theo nguồn tin đáng tin cậy mà chúng tôi nhận được, chính phủ dự định thành lập một ủy ban có nhiệm vụ xem xét về việc có nên thảo luận lại dự án xây đập ở Oosterschelde hay không.

Chúng tôi nghĩ rằng, nếu để việc này xảy ra sẽ tiếp tay cho những kẻ chống lại việc xây đập Oosterschelde. Đây là cơ hội cho các nhóm tranh đấu như “Còn nước còn tát” tung ra hàng loạt bài viết nhằm gây hoang mang dư luận ở nước Hà Lan này.

Đài truyền hình chúng tôi dự tính sẽ phát một chương trình đặc biệt về Oosterschelde. Mục tiêu của chúng tôi là để mọi người thấy rằng đạo luật Delta phải được thi hành, nói một cách khác, việc xây đập ngang qua Oosterschelde phải được thực hiện.

Chúng tôi nghĩ rằng trong số những người quan tâm đến an ninh của dân chúng ở tỉnh Zeeland, ngài là người đã dũng cảm đứng lên thách thức cái nhìn thiên cận của những kẻ quá khích thuộc phong trào bảo vệ thiên nhiên.

Qua bài phát biểu của ngài tại các buổi họp, trên báo chí, chúng tôi nhiệt liệt tán thành lập trường dứt khoát của ngài. Lời lẽ hùng hồn, đường lối minh bạch của ngài đã chỉ ra cho dân chúng địa phương nhận ra thế nào là phải trái. Có thể bởi ngài là một kỹ sư cao cấp chuyên ngành của Bộ Công chính. Chúng tôi không thể hòa theo cái ảo tưởng thời thượng mà phó mặc trách nhiệm cho mấy kẻ tài tử được.

Nói tóm lại chúng tôi muốn được nghe lời bình luận của ngài trong thiên phóng sự truyền hình này. Chúng tôi rất mong nhận được sự cộng tác của ngài để hoàn thành cuốn phim. Chúng tôi hy vọng sớm nhận được thư phúc đáp của ngài.

Với mục đích đem lại sự ngạc nhiên đến công chúng, xin ngài giữ kín về chương trình phát hình này.

Xin trân trọng cảm ơn

Johan Foppenbrouwer

“Nghe mùi mẫn quá, anh nghĩ sao?” Arie hỏi.

“Ngọt quá chứ gì? Với thằng háo danh ấy thì bao nhiêu đường mật cũng không đủ. Cứ nhìn hẳn trong các buổi họp thì biết, lúc nào cũng ve vãn giới báo chí truyền thông. Không, viết thế được đấy.”

“Bỏ vào thùng thư ở đây, làm thế e lộ liễu quá?”

“Phải cẩn thận mới được. cứ gửi cho Johan Lagerwey ở Hilversum, nhờ anh ấy gửi qua bưu điện. Gửi ở đây đóng dấu bưu điện Yerseke, Lievenbach nghỉ ngơi ngay.”

Thế là hôm sau, Johan, bạn của Piet, bỏ phong thư vào thùng thư ở Hilversum. Cạm bẫy giăng rồi. Chờ xem ông kỹ sư háo danh có rơi vào đấy không.

Chương 13

Valeer nhận thấy không khí ở nhà chẳng còn dễ chịu như trước. Có lẽ vì Piet không mấy khi ở nhà. Mẹ thường bảo Piet sao mà giống cậu nó thế (mẹ đặt tên Piet để tưởng nhớ cậu). Có một người như thế trong nhà để tránh được gây gổ, xung đột. Chỉ cần giữ cái giọng chùng mịch, lựa lời nói cho đúng lúc là giữ được hòa khí. Bố nhiều lúc rất giận Valeer, nhưng nếu có Piet gần bên thì bao nhiêu tức tối rồi cũng qua nhanh.

Hình như bố dạo này ít giữ được điềm tĩnh, thậm chí hơi nóng nảy hơn thường lệ. Ông vốn hết sức kiên nhẫn những lúc cần giải thích cho Valeer hiểu cái liên hệ mật thiết giữa sin và cos như thế nào. Nay thì cái vẻ ung dung thư thái ấy không còn nữa.

Valeer hỏi mẹ có để ý thấy bố dạo này có vẻ căng thẳng hay không, thì mẹ bảo bố bận nhiều việc quá đấy thôi, chẳng có gì đáng lo.

Nhưng có vẻ Valeer nhận xét đúng. Chính Henk cũng cảm thấy bức xúc, căng thẳng. Hôm nay, anh phải dự buổi họp nội bộ, điều mà anh rất ngán lúc này. Ở Bộ Công chính đang có sự xung đột giữa cánh già và cánh trẻ. Nhìn từ ngoài vào thì chẳng thấy có gì khác lạ, bởi lẽ đây là chốn linh thiêng, chẳng ai “vạch áo cho người xem lưng” làm gì. Thực sự thì cuộc tranh chấp nội bộ diễn ra rất ác liệt.

Cái khó của Henk là anh đứng về phe cánh “già”, cùng lập trường với họ, nhưng mặt khác anh cũng lưu ý đến quan điểm của phe “trẻ”. Có lẽ đấy là do ảnh hưởng từ những cuộc trao đổi với hai cậu con trai. Như vậy anh đang đứng giữa hai làn đạn. Ở nhà, bọn trẻ coi anh là kẻ bảo thủ, ở cơ quan họ coi anh là những người sẵn sàng đón nhận những ý tưởng xa vời, những gì được coi là tiến bộ.

Hôm nay cũng thế. Họ lại thảo luận về Oosterschelde, bàn cãi về những đề nghị đến từ phía dân chúng: nào ủy ban tranh đấu, nào nhóm nghiên cứu, người muốn theo giải pháp nhân cách, xây đập chia nhánh biển thành một phần nước mặn, một phần nước ngọt và nửa mặn nửa ngọt, kẻ muốn xây đập chống sóng thần, lại có kẻ muốn kè hệ thống đê cũ.

Thật là dễ dàng cho Lievenbach.

“Toàn bọn nói chuyện trên trời dưới đất,” Lievenbach nói. “Chẳng cần phản ứng gì. Không biết họ thế nào chứ đám chuyên viên chính cống ngồi cả đấy rồi.”

“Không phải tất cả đều là chuyện vô nghĩa cả đâu,” ông trưởng phòng Torensma nói. “Có khá nhiều ý kiến tích cực đấy.”

“Có thể lắm,” Lievenbach đáp, “nhưng nếu đem tất cả đề nghị của nhóm này, nhóm nọ ra bàn cãi thì cái đập Oosterschelde này một trăm năm nữa vẫn chưa xong.”

“Thâm ý đấy,” một ông nhận xét có vẻ khô khan.

“Vâng, thâm ý. Nhưng tôi không chấp nhận đâu bởi một khi đã quyết định rồi thì cứ thế mà làm. Cứ lần lữa ngày này tháng nọ thì hỗn loạn đến nơi.”

“Tôi có nhận xét thế như này,” Henk nói. “Thứ nhất, việc phải xây đập Oosterschelde là nhất định rồi. Nhưng mặc khác ta cũng phải lưu tâm đến ý kiến của các nhóm tranh đấu, những tổ chức bảo vệ môi trường. Nhiều đồng nghiệp trẻ của chúng ta cho rằng cái Bộ Công chính này chẳng khác gì con ngựa mù, cứ cầm đầu chạy theo con đường vạch sẵn. Họ cho rằng, nếu cần, kể cả có quyết định rồi cũng vẫn có thể thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Và nhiều khi

quan điểm của họ được chấp nhận. Ví dụ cánh rừng Amelisweerd cạnh Utrecht đã không bị khai quang để làm đường, ngược với ý kiến của Bộ Công chính; dự án xây đường ở Leidse rồi cũng bị dẹp đi.”

Lievenbach bực tức ngồi nghe này giờ, không chịu được nữa:

“Này Boesschoten, anh quả thật quá hèn. Phải nhớ rằng sở dĩ dự án xây đường ở Amelisweerd và Leidse phải bỏ đi là do cái thái độ nhu nhược của những người như anh. Các anh để mặc cho cái bọn bảo vệ môi trường nửa mùa, bọn tả khuynh lăm mồm thao túng nghị trường. Phải chăng, cậu con cả nhà anh cũng tham gia nhóm nghiên cứu của sinh viên ở Delft ủng hộ dự án chống bão lũ, cái dự án không kinh phí nào chịu nổi, đúng không?”

Henk chẳng buồn trả lời. Sự thực là thằng Piet không tham gia vào nhóm này và nó rất lấy làm tiếc, nhưng anh thấy không cần phân bua với lão Lievenbach làm gì. Đa số nhân viên ở đây về cánh với Lievenbach. Bộ Công chính là chúa, chấm hết. Như thế là thuận lợi cho công việc nhất, hiệu quả nhất.

Henk rời phòng họp bước về phía nhà tiền chế, trước đây dành cho giám đốc, nằm cách xa một quãng. Bây giờ ít ai đến đây. Nó được dùng như cái phòng lưu trữ hồ sơ, tạp chí chuyên ngành về cầu cống, đê điều. Giữa nhà là một cái bàn thật to, trên đặt mô hình dự án cải tạo cái đập chắn ngang cửa biển Oosterschelde. Thỉnh thoảng khách khứa được đưa đến đây chiêm ngưỡng.

Henk tìm được tài liệu anh muốn đọc. Mười hai giờ rưỡi, anh cùng nhân viên phụ trách phòng lưu trữ bước ra. Trước khi đến căng tin ông này khóa cửa lại, móc chìa khóa vào cái đinh trên tường trong phòng làm việc. Hôm nay căng tin dọn món xúp đuôi bò. Một giờ kém năm phút, anh đánh rơi cái thìa, xúp vung ra cả quần: một tiếng nổ kinh hoàng rung cửa kính làm anh suýt văng khỏi ghế. Mọi người choàng dậy chạy tứ tán, ào tới cửa sổ, cửa ra vào. Còi báo động vang lên. Căng tin nằm ở phía nam tòa nhà, Henk nghĩ rằng tiếng nổ đến từ phía kia. Anh bước vội ra ngoài, có người la lên rằng có gì xảy ra ở kho lưu trữ. Đúng thật. Khói tuôn ra từ cửa sổ. Hai ông bê ống chữa cháy từ ngôi nhà lớn phụt xối xả vào đám khói mù mịt.

“Chắc chắn không còn ai ở trong ấy chứ?” Torensma đứng cạnh Henk lên tiếng.

“Tôi nghĩ là không. Chỉ mười lăm phút trước, tôi và Van Zanten rời đó đến căng tin.”

Nghĩ lại, Henk thấy mình vừa thoát hiểm. Nếu nổ sớm một chút nữa, lúc anh còn ở đấy, thì toi rồi. Xe cứu hỏa ầm ầm chạy tới. Trong khoảnh khắc ống khói xịt nước được kéo ra. Ngọn lửa vừa mới âm ỉ đã bị dập tắt ngay. Nổ nhẹ thôi. Chỉ có cái bàn đặt mô hình là tan tành, những kệ đựng hồ sơ không hề gì, nhưng hồ sơ giấy tờ thì bị nước làm hư hại nhiều.

Henk nghĩ tiếng động là do khí nổ mà ra, anh tự nhủ biết đâu mình để quên điều thuốc cháy dở. Anh đến hỏi ông chỉ huy đội cứu hỏa.

“Khí nổ? Không phải đâu. Cái bàn đi tong là vì quả bom. Không nghi ngờ gì nữa. Tôi sẽ gọi cảnh sát đến đây.”

*

Cảnh sát xác nhận đây là vụ bom nổ. Van Zanten, người giữ kho lưu trữ, khai rằng ở đấy chẳng có cái gì đáng giá cả, thành thử không phải canh giữ làm gì, thường thì vẫn không khóa cửa. Sáng nay, lúc mười hai giờ kém mười lăm ông ta đến đấy đem theo mấy tờ tạp chí cũng thế. Khoảng mười hai giờ rưỡi ông rời nơi ấy cùng với ông Boesschoten. Lần này ông khóa cửa lại.

“Đúng thế,” Henk nói.

“Thế thì việc sử dụng chìa khóa như thế nào?” Ông thanh tra cảnh sát hỏi. “Ai muốn ra vào cũng được sao?”

“Chính thức thì không, nhưng thực tế thì được,” Van Zanten nói. Ai muốn vào đây chỉ việc đến tôi lấy chìa khóa. Theo nguyên tắc khi ai dùng xong người ấy đem chìa khóa trả lại cho tôi. Nhưng có khi họ lại đưa cho người khác dùng, vì thế không thể kiểm soát được người ra kẻ vào. Tuy vậy chiều nào tôi cũng khóa lại cẩn thận, nhớ có cặp nào chui vào đó làm tình.”

“Vậy thì ban ngày ai cũng có thể vào đây đặt bom được?”

“Có thể lắm.”

Ai cũng nghĩ đây là hành động nhằm gây sự chú ý của dư luận.

“Phải chăng bọn “Còn nước còn tát” đứng sau vụ này?”

Không ai dám đoán chắc. Nhưng ngoài bọn này ra, còn ai vào đây cố tình cho nổ tung mô hình cái đập Oosterscheldedam kia?

“Thế nào cũng phải điều tra bọn này,” ông thanh tra nói. “Trụ sở nằm ở Yerseke phải không? Chủ tịch là ai vậy?”

“Một ông tên là Jos de Visser,” Lievenbach mau mắn đáp. “Thuộc loại ngu có hạng. Ông thanh tra có gặp cho tôi hỏi lời hỏi thăm!”

*

Henk về đến nhà với cảm giác là cậu con Valeer thế nào cũng dính líu ít nhiều tới vụ này. Nó là thành viên của cái nhóm tranh đấu ấy mà, không phải sao? Valeer có nhà. Hôn vợ xong, anh hỏi ngay Valeer:

“Có nghe vụ nổ bom không?”

“Vâng tin tức trên đài. Bố có ở đấy không?”

“Lúc ấy tao ở trong ngôi nhà lớn. Nổ to quá. Đang ăn xúp bắn cả vào quần.”

“Theo bản tin thì không có ai bị thương vong.” Anne nói.

“May thật. Hai mươi phút trước anh còn ở đấy cùng với Van Zanten. Nếu bom nổ lúc ấy thì anh làm sao còn vác xác về được đây.”

Anne thở phào.

“Vanleer, có thật là mày không biết gì về vụ này không?”

“Con?” (Henk biết ngay là thằng con quả tình không biết gì.) “Sao bố lại hỏi thế?”

“Cái mô hình xây đập Oosterschelde bị nổ tung. Họ nghi bọn “Còn nước còn tát” nhúng tay vào.”

“Làm gì có chuyện ấy.”

“Sao mày dám chắc như vậy?”

“Bởi vì con biết những gì họ làm và không làm.”

“Như vậy mày biết hành vi của từng thành viên, phải không?”

“Con bảo đảm cho tất cả.”

Vanleer nói xong, Anne nhìn hai cánh mũi phập phồng như chế giễu của Henk mà cười thầm. Vanleer ôn lại trong đầu hình ảnh từng thành viên một. Có anh chị nào xem bom nổ là chuyện đùa không nhỉ?

“Con bảo đảm chắc chắn là không một ai trong nhóm của con xem cái chuyện đặt bom có thể làm cho người ta bị thương là chuyện đùa đâu.” Vanleer cố diễn đạt cho rõ hơn.

“Đấy là chuyện khác,” Henk nói. “Đúng là không ai bị hề hấn gì. Vào giờ ăn trưa mà. Chẳng có ma nào ở kho lưu trữ cả.”

“Thôi, vào ăn nào,” Anne nói. “Cơm nước xong xuôi hẳn xem ai là kẻ cho nổ cái mô hình kia.”

Jos de Visser ba mươi tuổi. Anh làm kế toán cho hãng Van Doeveren, chuyên khai thác và xuất khẩu sò nghêu. Jos rất nhiệt tình với phong trào chống lại việc xây đập Oosterschelde. Ngay vào năm 1967 anh đã tham dự đại hội của Hội Khoa học Hoàng gia Zeeland thảo luận về ưu khuyết điểm trong đề nghị đóng cửa biển Oosterschelde. Anh rất mê ăn hào tươi. Thường khi anh vẫn lén rời văn phòng vào kho nhón một hai con hào, cạy vỏ ra, đút vào mồm. Cắn vào sao nó mềm thế... Trên đời này chẳng có thứ gì tinh khiết hơn loài hào! Jos lại yêu thiên nhiên vô cùng. Không những anh thuộc tên nhiều loại thảo mộc, cầm thú, anh còn ham mê sinh hoạt ngoài trời, xa lánh những chốn ồn ào như nhà máy, đường cao tốc... Anh không chịu nổi cái cảnh Biesbosch bây giờ không còn nước triều lên xuống - hậu quả của công trình Delta - lại có cơ nguy trở thành hồ cung cấp nước hoặc nơi giải trí công cộng. Vì lẽ đó anh đã bỏ hết tâm lực vào điều khiển nhóm tranh đấu “Còn nước còn tát”, dồn hết thời gian sau giờ làm việc vào đấy. Ông chủ Van Doeveren thường nhắm mắt làm ngơ khi Jos có việc cần kíp phải làm cho nhóm tranh đấu. Đối với Van Doeveren, việc đắp đập chắn cửa biển Oosterschelde có nghĩa là tàn đời hãng buôn hào, nghêu, cái nghề đã đem cho ông khá nhiều lợi nhuận.

Để đáp lại thái độ mềm mỏng của sếp, Jos không quản ngại làm thêm giờ ở văn phòng những khi cần thiết. Chẳng hạn như vào ngày có vụ bom nổ ở Zierikzee. Vài hôm nữa sẽ có buổi bán đấu giá nghêu do Quỹ Bảo hiểm tổ chức. Buổi sáng Van Doeveren đi xem nghêu lúc nước triều xuống, khi mà những lô nghêu đã ráo nước. Ông ước tính mỗi lô có bao nhiêu nghêu, chất lượng thế nào, và bây giờ ông đang tính toán với Jos về giá cả ở buổi bán đấu giá, làm thế nào cho có lãi.

Họ đang bận rộn làm việc thì Valeer gọi điện.

“Có người gọi cho anh,” Van Doeveren nói.

Anh cầm ống nghe. Valeer thuật lại vụ bom nổ, nhóm đấu tranh của anh bị nghi ngờ đã nhúng tay vào.

“Nghe phi lý quá,” Jos nói.

“Cháu cũng nghĩ thế,” Valeer nói, “nhưng cháu phải nói cho chú biết. Thế nào cảnh sát cũng

tìm chủ đây.”

“Cảm ơn cháu. Chú sẽ báo cho mọi người. Nếu cần hội họp gì chú sẽ thông báo cho cháu.”

Jos đặt máy xuống. Thấy Van Doeveren nhìn anh có vẻ hỏi han, anh thuật lại những gì Valeer vừa cho anh biết.

“Anh phải đi ngay,” Van Doeveren quyết định mau mắn.

“Cũng phải thôi.”

“Không sao đâu. Sáng mai ta sẽ làm nốt.”

Jos gọi điện cho hai người bạn thân tín nhất, Arie Puyk và Toos de Wit, bảo họ đến ngay nhà anh nếu được. Hai mươi phút sau ba người đã ngồi với nhau ở phòng sau nhà Jos, trong khi cô vợ Jos soạn thức ăn cho chồng. Hai người kia cũng vừa mới cơm nước xong.

“Xúp này chưa đây,” Toos nói, sau khi nghe Jos kể chuyện, dù rằng nó chẳng dính dáng gì đến thức ăn do Joke, vợ của Jos, vừa đem ra cho chồng.

“Điểm thứ nhất là họ sẽ theo dõi chúng ta, dù ta không làm gì sai trái. Điểm thứ hai là có chắc không có ai trong chúng ta đã làm gì sai trái không?”

“Tôi không biết gì cả,” Jos nói. “Nhưng tôi cương quyết không để ai trong nhóm chúng ta làm gì mà không cho tôi biết.”

Toos gật gù suy nghĩ. Cô hai mươi ba tuổi, một trong những thành viên trẻ nhất nhóm, nhưng cô có cái vẻ khắc khổ của một bà già sáu mươi đã gặp nhiều thất vọng trên đường đời. Tuy vậy ai cũng mến cô, nhất là Arie, anh chỉ chực muốn hỏi cô làm vợ. Khổ một nỗi là ai đụng tới cô cũng khó như gặp cái cửa bị kẹt cứng. Arie đã nhiều lần gợi ý mời cô đi chơi, nhưng lúc nào cũng được cô trả lời cụt ngủn là cô còn quá nhiều việc phải làm.

Arie là chàng trai dễ thương. Bọn học sinh rất mê anh bởi lẽ anh hay thích làm những chuyện bất ngờ, mà học sinh thì vốn ghét những gì đơn điệu nhàm chán. Mới tuần vừa rồi, chỉ vào một buổi chiều thật nóng bức, cả lớp chỉ muốn gục đầu xuống sách mà ngủ, anh lấy cái thước giảng dài cầm trước bụng xông thẳng vào giữa lớp, hét to lên “tránh nào”. Thế là bọn trẻ nép vào nhau để tránh, tất cả tỉnh táo trở lại.

Jos thường khuyên Arie: “Cần phải bền chí. Một cái kẹt cửa cứng rồi cũng phải bật ra nếu ta chịu khó kéo thật mạnh. Hãy cẩn thận vào giây phút bất ngờ ấy không thì ngã vỡ đầu!”

Có lẽ Arie tham gia vào nhóm tranh đấu vì muốn được gần Toos. Vì vậy chẳng ngạc nhiên gì khi thấy anh luôn tỏ ra nhiệt tình với công việc. Bây giờ anh tình nguyện đi ngay đến từng nhà thành viên một hỏi xem có ai dính líu đến việc đặt bom không. Trước khi có ai kịp trả lời thì chuông reo. Cô vợ Jos ra mở cửa. Khách là ông thanh tra Vrolijk, người điều tra vụ bom nổ trưa nay.

“Chúng tôi không biết gì,” Jos nói. “Nói thực với ông là chúng tôi vừa bàn đến chuyện này. Chẳng cần phải thông minh xuất chúng chúng tôi cũng biết mình bị nghi ngờ.”

“Chưa ai buộc tội gì ông đâu,” Vrolijk nói.

“Nghe tiếng chưa sao mà hứa hẹn thế,” Arie nói.

“Chúng tôi không bị buộc tội, nhưng ngoài chúng tôi ông không nghi ngờ ai khác chứ gì?” Toos hỏi.

“Đúng rồi.”

“Ông có bằng chứng nào cho thấy chúng tôi có dính líu đến chuyện này?” Jos hỏi.

“Ông chẳng ưa gì cơ quan Delta thuộc Bộ Công chính.”

“Ông nhầm to rồi,” Jos nói lớn. “Đúng ra là Bộ Công chính không ưa gì chúng tôi. Nói cho cùng đây chỉ là cơ quan nhà nước hoạt động nhờ vào tiền đóng thuế của chúng tôi. Chúng tôi muốn nhờ tìm giải pháp khác hơn cho vấn đề Oosterschelde thay vì cứ khăng khăng đắp đê đóng cửa biển lại. Chúng tôi muốn hợp tác với cơ quan Delta, bởi vì họ là những người trong nghề. Nhưng họ đã quay mặt đi, còn bảo chúng tôi là bọn khùng. Họ bảo chúng tôi kêu căng, phát biểu lung tung về những chuyện chúng tôi chẳng biết gì. Ông có biết tại sao chúng tôi phải lên tiếng như thế không? Bởi vì họ muốn bịt miệng chúng tôi. Đây là lý do.”

“Đằng nào cũng chẳng ưa gì nhau.” Vrolijk nói khô khan.

Toos đáp thẳng thừng: “Mục đích của nhóm chúng tôi là giữ cho cửa bể Oosterschelde không bị chặn lại. Phương tiện của chúng tôi là kết nạp thật đông những người theo cùng quan điểm, mấy ông chính trị gia cứ theo đó mà xử lý. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn hợp pháp. Tôi nhắc lại, hợp pháp. Không mảy may dính dáng đến bạo lực.”

“Đúng rồi,” ông thanh tra vui vẻ đáp. “Vậy thì ai đã gây ra vụ này?”

“Đây là việc của ông,” Toos nói. “Chúng tôi còn bận lo giữ không cho người ta đóng cửa biển Oosterschelde.”

“Ông có danh sách thành viên của nhóm không?”

“Không”, Arie đáp.

“Ông không muốn đưa chứ gì?”

“Thành viên chúng tôi thay đổi luôn luôn. Kể đến người đi sao biết hết được.”

“Hình như ông không muốn hợp tác điều tra vụ này với tôi. Sẽ bất lợi cho ông đấy.”

“Này ông nghe đây.” Jos giận dữ nói. “Ông có cho chúng tôi biết gì đâu. Tôi nghe nói rằng cái mô hình đập Oosterschelde bị nổ tung vào lúc không có ai ở đấy. Không biết gọi đấy là thứ bom gì? Tôi không hiểu tại sao mình lại dính dáng đến quả bom. Có ai biết không?”

“Ở đây, chẳng ai biết mặt mũi quả bom đó tròn méo ra sao,” Jos nói thêm. “Nếu ông muốn có danh sách thành viên, chúng tôi sẽ cố gắng chuẩn bị, tối mai ông có thể đến lấy.”

“Cảm ơn ông.” Vrolijk nói: “Tôi đi đây.”

Nói là làm liền. Đây là ngoại lệ, vì thường người ta nói câu đó xong nhưng vẫn còn ngồi thêm hàng tiếng nữa.

Chờ viên thanh tra đi khỏi, Jos mới phân tích tình hình.

“Cả ba chúng ta không ai dám chắc là “Còn nước còn tát” không dính líu đến vụ này.”

“Tôi sẽ nói chuyện với Ger và Bart Priem,” Arie nói. “Họ là hai kẻ cực đoan nhất trong nhóm, nhưng nếu họ làm chuyện đó thì tôi vô cùng ngạc nhiên đấy.”

“Chúng ta cũng nên thông báo cho tất cả các thành viên,” Toos đề nghị. “Hay là ta chia thành hai nhóm đến gặp mọi người, Arie nhỉ?”

“Ôê!” Arie vui vẻ đáp. “Jos đang bận bán đấu giá nghêu, vậy để anh ấy đi gặp gia đình Priem. Hai đứa chúng mình đến gặp những người còn lại.”

“Thế thì có hiệu quả gì,” Toos lẩm bẩm nói, rồi lấy giấy ghi lại hai danh sách, một cho cô và một cho Arie.

Chương 14

Thứ Sáu, khoảng sáu giờ Valeer về nhà thì gặp anh Piet, Piet về nhà chơi mấy ngày vào dịp cuối tuần, nhưng chẳng thấy mẹ đâu. Anne viết giấy để trong bếp cho biết có thể chị sẽ về trễ không kịp nấu cơm tối, ở nhà mấy cha con có đói thì cứ tự làm sandwich mà ăn. Hai cậu con chẳng hiểu gì, cả bố Henk cũng thế. Sớm muộn gì thì bà ấy cũng xuất hiện mà. Piet cho biết là Johan Lagerwey, tức Johan Foppenbrouwer, vừa nhận được thư của Lievenbach. Lão vui vẻ nhận lời cộng tác với chương trình truyền hình. “Tốt quá,” Valeer nói, và gọi điện thông báo tin vui cho Jos biết, nhưng nghe nói xong Jos không tỏ ra hồ hởi như Valeer tưởng.

“Phải cẩn thận đấy,” Jos nói. “Arie, Toos và chú đã nói chuyện với mọi người trong nhóm chúng ta. Có thể tin là không ai dính líu tới vụ nổ bom ấy, nhưng cảnh sát đang theo dõi chúng ta. Ngoài ra chú cũng tự hỏi không biết cái việc ta định làm có thể... chú muốn nói nếu ta hành động như thế, thì có khác gì trò bơi lội bần thủ của lão Lievenbach không?”

“Chấp làm gì,” Valeer nói, “cháu thấy ta phải tiếp tục.”

“Chú sẽ bàn lại. Cùng lắm thì Chủ Nhật chú sẽ cho cháu biết.”

Khoảng bảy rưỡi thì Anne về. Chiều nay chị đạp xe đi Brouwershaven và thuê một chiếc thuyền buồm. Từ khi xây đập chắn cửa biển, chị không về Grevelingen nữa, cũng hiếm khi lái thuyền đi chơi đâu.

Anne muốn tìm hiểu ngọn ngành về sự bất đồng ý kiến giữa chồng và hai cậu con.

Thoạt đầu chúng chỉ là những vụ lục đục nhỏ, những cuộc tranh cãi mà Henk luôn giành phần thắng với cái vốn hiểu biết của anh. Chị thường cười xòa, nói lảng sang chuyện khác hoặc chọn đúng lúc đem bánh ra mời mọi người. Về chuyện Oosterschelde, chị đứng về phe chồng, thái độ nhất quán; phải xây đập.

Gần đây lập trường hai bên trở nên cứng rắn rõ rệt. Cách đây mấy hôm nổ ra cuộc cãi vã gay gắt, Anne còn nhớ rõ mồn một. Hai ngày trước Piet vừa về đến nhà, nói ngay: “Mấy ông ở Bộ Công chính khùng thật.”

“Đỉnh cao trí tuệ hiện nay nằm cả ở mấy ông sinh viên hỉ mũi chưa sạch này.” Henk nói.

“Ít ra thì bọn sinh viên không nghĩ rằng cứ làm đường cao tốc là phải có sáu chiều, chạy thẳng một lèo.”

“Đấy là ý kiến của Bộ Công chính?”

“Gần như thế.”

“Chớ nói bừa bãi. Phải cẩn thận mồm mép. Thế thì tốt nghiệp xong mày định kiếm việc ở đâu?”

“Nếu không được coi họ là những anh chỉ biết hùng hục trái nhựa lót đường, thì cũng chẳng cần làm việc ở đấy?”

“Chúng mày hò hét làm như bọn tao là những thằng chuyên gia đầu óc thiếu cận không bằng, thế thì chúng mày là gì? Một lũ hăng máu chỉ thích gây sự, nghe chuyện tơ mơ chẳng biết ngọn ngành là gì. Cứ xem vụ Oosterschelde thì biết. Chúng mày đòi để mở cửa biển, cứ thế mà la hét ầm ĩ, át cả tiếng nói của những kẻ khác quan điểm với chúng mày, nói gì đến chuyện tìm hiểu.”

Piet mặt mày đỏ bừng: “Vô lý thật. Chính cơ quan Delta mới không chịu nghe ý kiến của người khác. Chính sách của họ là: Quan điểm của ta là nhất quán, đừng đem dữ kiện ra làm ta rối loạn.”

Đúng lúc ấy Anne đã làm một điều rất ngốc nghếch. Với bộ mặt thật vô tư, chị nói: “Có khó gì cái chuyện Oosterschelde này. Cứ làm cho cạn hết nước là xong.”

Trong lúc nóng nảy Henk đã gọi vợ là “đồ ngu”. Có bao giờ anh nói năng thô bạo như thế đâu. Piet tự hỏi phải chăng bố nổi đóa như vậy là do sức ép của công việc ở cơ quan Delta làm cho tinh thần căng thẳng. Piet nói thêm: “Của đáng tội, tốn bao nhiêu công sức cũng uống. Oosterschelde sẽ tiếp tục mở.”

Cuộc tranh cãi còn tiếp tục thêm một lúc trước khi xẹp xuống. Anne cảm thấy buồn nếu học hặc kiểu này còn tái diễn.

Chị tự hỏi có thể là Henk và chị không để tâm mấy tới quan điểm của hai cậu con trai. Nhưng thật là vô lý nếu phải bỏ dở công trình xây đập sau khi đã khởi công, hợp đồng đã ký, các nhà thầu đã mua máy móc, quốc hội đã biểu quyết dự án phí tổn cả tỉ guldén. Thật vô lý, khi thấy mấy cô cậu thanh niên, với sự yểm trợ của một nhóm nghiên cứu gồm mấy anh kỹ sư và dăm anh làm nghề bắt nghêu, dám đứng lên thách thức chính phủ, quốc hội, Bộ Công chính, báo chí địa phương, nhất là dân bản địa, những người đã kinh qua cái cảnh bão lụt tang thương. Vô lý hết sức.

Nhưng bọn trẻ vững lòng tranh đấu, ảnh hưởng của nhóm ngày một tăng. Họ không sờn lòng khi bị xem như một lũ điên. Các tổ chức bảo vệ môi trường bày tỏ sự đoàn kết. Báo chí toàn quốc đăng những bài nghiêm túc về hoạt động của họ. Họ tiếp tục tranh đấu. Họ tin tưởng vào việc mình làm. Anne muốn biết tại sao họ giữ vững niềm tin như thế. Rồi đây nhánh biển Oosterschelde sẽ biến thành cái hồ, cũng như Grevelingen trước đây. Có gì mà phải bận lòng? Anne muốn tìm hiểu ngọn ngành tại sao, dù thâm tâm chị không muốn chuyện Oosterschelde làm cho tình cảm gia đình giữa Henk, chị và hai đứa con trai bị sút mẻ. Vì thế chị đi xem cái hồ Grevelingen. Một mình.

*

Khi Anne đạp xe về Zierikzee, đầu óc chị rối tung. Không những chị không hiểu gì về mấy đứa con, mà chị cũng chẳng còn hiểu gì về bản thân mình nữa. Chị đã lái thuyền đến Hompeldoet và Voermansplaat, chị đi ngang Battenoord (nhưng không cập bến), chị đến Mosselbank - bãi nghêu -, đi dọc bờ phía bắc Duiveland, rồi trở lại, chị đến xem những con lạch ở Bommenede, nhưng cảm thấy mình không hiểu biết gì thêm.

Cố nhiên là đã có nhiều đổi thay. Những con lạch ngày trước nước mặn tràn vào ngày hai bận nay đã cạn khô. Những bãi nước cũng thế. Nhiều nơi người ta trồng cỏ lên một cách đơn điệu. Ngoài ra không thấy có gì khác lạ so với ngày xưa. Trên bờ mọc nhiều loại cây cỏ khác nhau mà chị không biết tên.

Chị mới đọc xong một bài viết về bao nhiêu thứ cây cỏ với những cái tên phần lớn hoàn toàn lạ lẫm. Nhưng liệu hai thằng con chị có biết gì hơn chị không? Chúng có phân biệt các loại bèo, các loại hoa cỏ dại đặc trưng của vùng nước mặn này không? Nếu chúng có dịp đi chơi Oosterschelde thì chúng sẽ không thích gì hơn là lái thuyền máy chạy vùn vụt trên nước.

Dù sao hồ Grevelingen vẫn còn là một dải nước mênh mông, tha hồ mà chơi thuyền. Sau này Oosterschelde cũng thế thôi. Có gì đâu mà hai thằng bé con phải làm to chuyện như thế.

Thế nhưng có chút gì như mầm mống của sự hoài nghi nhú lên trong lòng chị. Chị cảm thấy thiếu thiếu cái gì đó. Cái sôi nổi của những lần chị đi thuyền trên sông nước Grevelingen không còn nữa. Phải chăng vì chị đã già hơn? Chị cố hát lại bài ca năm xưa:

Nói chi cho nhiều hò dô.
Nước mặn như muối hò dô.

Cái vui nhộn ngày nào không còn nữa. Tuy vậy nước hồ vẫn còn khá mặn - chị nếm thử - và khi những cái cửa tháo nước ở đập Brouwersdam làm xong, có thể còn mặn hơn nữa.

Vậy thì chị tiếc cái gì? Hay là chị cảm thấy bức bối vì cái đập bê tông đã che khuất Bắc Hải ngoài kia? Hay là chị nhớ dòng nước triều? Bây giờ mặt nước phẳng như tờ, chẳng cần biết nước lên hay xuống. Có chữ nghĩa nào để diễn tả tại sao chị không yêu cái hồ Grevelingen bằng cái nhánh biển Grevelingen ngày trước. Ta không thể hành động vì cảm tính mà thôi. Hai thằng con trai của chị đôi khi cũng hành động theo cảm tính chẳng? Khi chị cất xe vào nhà kho, chị vẫn không nghĩ ra.

Anne kể cho chồng con mình vừa ở đâu về. Ai nấy đều ngạc nhiên. Valeer ôm choàng lấy mẹ. Nó cao hơn mẹ một khúc.

“Mẹ nhỏ bé thế này mà dám đi thuyền ở Grevelingen một mình.”

“Ngày xưa mẹ chúng mày suốt ngày đi thuyền ở đấy.” Henk nói.

“Mẹ đi Grevelingen tìm kiếm gì thế?”

“Chao ôi, nói ra chắc là các người không hiểu đâu, bởi vì các người là đàn ông.”

“Cho đến nay vẫn chưa ai chứng minh được bộ não đàn ông thua kém bộ não đàn bà.” Henk nói.

“Không phải thua kém đâu, nhưng đàn ông dùng óc não của họ kỳ cục lắm. Song em cố thử một lần.”

“Mẹ nói chậm chậm xem nào.”

“Dùng từ dễ hiểu thôi nhé.”

“Này nhé,” Anne nói. “Các người mà ngồi với nhau thì cứ hét bai bai về chuyện Oosterschelde: kẻ đòi mở, người muốn đóng, mở đóng... chối tai lắm.”

“Làm gì có chuyện ấy,” ba bố con cùng phản đối.

“Toàn tranh luận thôi mà,” Piet nói.

“Anne ạ, em nói đúng nửa phần,” Henk nói.

“Cho đến nay bọn trẻ chưa đưa ra được một luận cứ xác đáng.” (Valeer lắc đầu phản đối) “Nhưng phải công nhận một điều phũ phàng là mấy ông già điếc cả rồi.”

“Đó chính là điều em muốn nói. Cứ nghe mấy cha con bàn tới bàn lui, em thấy đầu óc mình chẳng sáng thêm tí nào. Vì thế mà em phải tự mình đi Grevelingen xem xét sự đổi thay ra sao kể từ ngày xây đập.”

“Và với cái trí tuệ thông thái đặc trưng của phụ nữ em có thấy rằng Oosterschelde cần phải để ngỏ không?” Henk hỏi.

“Không,” Anne nói. “Thực lòng thì không. Cây cỏ mọc ít hơn trước, quang cảnh đơn điệu hơn, chẳng có gì đáng để gây ra cãi cọ trong gia đình.”

Piet nhắc ngón tay đưa lên cao: “Xin phát biểu.”

“Cứ tự nhiên.”

“Chỉ cần xem dữ kiện thì biết,” Piet nói. “Hiện nay nửa sinh vật ở dưới đáy hồ Grevelingen đã biến mất. Bốn chục phần trăm các loài rong biển cũng thế. Chín loại cá không còn nữa. Số lượng nói chung đều giảm đi. So với các nhánh biển nước triều chảy vào thì...”

“Ngưng ngay!” Anne ngắt lời. “Con có thấy tận mắt không? Con có tự mình kiểm tra bầy cá không? Nhớ chúng lắm chứ gì?”

“Không, dĩ nhiên là không.”

“Vậy thì hăng tiết lên như thế để làm gì? Con có yêu gì mấy con cá ấy đâu, trừ lúc rán chúng lên hay nấu với nước sốt bơ.”

Piet tạm dừng trước khi vào chuyện. Thừa cơ Henk đề nghị:

“Ngày mai đến lượt tôi,” Henk nói, giọng đầy mỉa mai. “Tôi sẽ đưa ra những luận cứ thật khúc triết, thật tinh tường, không thể nào chối cãi được, nhằm thuyết phục các cậu tại sao phải đóng cửa biển Oosterschelde. Không ai được nói gì cả. Chỉ có nghe thôi. Xin lỗi nhé, bắt buộc phải nghe. Nhưng mà tối mai nếu tôi vẫn chưa đủ sức thuyết phục các cậu - điều này khó mà tưởng tượng nổi - thì Chủ Nhật tới các cậu có quyền phản biện. Lúc ấy các cậu tha hồ mà nói. Đồng ý chứ?”

“Vâng,” Piet và Valeer đồng thanh trả lời.

“Hay quá,” Anne nói. “Bây giờ thì cùng nhau nấu cái gì ăn thôi, mấy bố con vẫn chưa rục rịch gì cả. Tôi nói là cùng nhau đấy. Chắc tôi phải khùng mới không mặc kệ cho các người đối meo. Khổ nổi, cái phận làm mẹ lại phải khùng như thế.”

*

“Hôm nay đúng là ngày của công tố viên,” Valeer nói vào lúc ăn sáng ngày hôm sau. “Ngày mai luật sư của bị cáo sẽ biện hộ.”

“Mẹ sẽ là quan tòa đấy nhé,” Piet nói tiếp.

“Vậy có thể cho quan tòa biết ai là kẻ bị cáo?”

“Biển.”

“Được rồi,” Henk nói. “Công tố không thể gọi nhân chứng đến đây được thành thử ông ta phải đưa cả tòa án đi gặp nhân chứng.”

Henk lái ô tô đưa vợ con đi qua đập Grevelingen về hướng Overflakkee.

“Ta cũng có thể đi Tholen hay ở lại Schouwen cũng được,” Henk nói. “Hai trăm năm mươi

ngàn hecta bị bão lụt tràn ngập. Gần tám phần trăm lãnh thổ Hà Lan. Nhưng mẹ các cậu và tôi đã chứng kiến tai biến này ở Flakkee nên rõ tình hình ở đây hơn đâu hết.”

Họ dừng xe ở Oude Tonge, cạnh một cái mồ tập thể.

“Nhân chứng thứ nhất,” Henk lạnh lùng nói. “Oude Tonge, ba trăm linh hai người chết. Đêm ấy đê Oudelandse bị vỡ. Nước cao ba mét ập vào đồng ruộng, không gì cản nổi, tràn nhanh tới làng. Một cảnh tượng kinh hoàng. Những con đường phía ngoài - Julianastraat, Jozefsdreef - bị cuốn sạch không còn dấu vết. Những ngôi nhà nhỏ với những gia đình đông con cũng bị cuốn sạch. Ở những đường cao hơn, cư dân có thời gian leo lên tầng trên tránh nước, nhưng chắc gì đã may mắn hơn. Nhà không chống nổi dòng nước chảy xiết, từng cái bị cuốn đi. Cha, mẹ, con cái - có gia đình đông tới mười con - cố bám vào sườn nhà trôi lên dềnh trên nước một vài giờ, người tê cứng vì lạnh. Người khỏe đưa mắt nhìn người yếu dần dần buông tay, chìm xuống cho đến lúc mình cùng chung số phận. Phe bị cáo có muốn hỏi gì không?”

Piet và Valeer im lặng.

“Vậy thì ta đi gặp nhân chứng thứ hai.”

Họ tìm đến một ông tên là Franse tuổi đã cao. Piet nghĩ rằng đêm trước bố đã gọi điện cho ông để chuẩn bị trước. Henk hỏi ông Franse còn nhớ gì về vụ bão năm 53 không. Nhớ chứ. Tuần lễ sau cơn thiên tai ông có mặt ở Nieuwe Tonge chứ gì? Đúng rồi. Vậy ông có vui lòng kể cho hai cậu này nghe nó xảy ra như thế nào không? Sẵn sàng ngay. Franse kể.

“Phải chôn những xác chết cho nhanh. Chấm dứt tình trạng hoang mang. Khi nước xuống chúng tôi tìm đến những nhà chưa bị cuốn đi. Có khi vừa tông cửa vào đã thấy ngay xác người nằm ở hành lang. Có khi tìm thấy trong bếp, trong phòng khách.

Có nhiều xác kẹt trong những cái phòng ngủ nhỏ xíu. Khi chúng tôi dùng băng-ca đưa ra ngoài để chở đến nhà xác, người ta muốn biết đấy là xác của ai. Chúng tôi không nói ngay vì phải chờ có ít nhất bốn người nhận diện. Chúng tôi muốn cho thật chắc chắn.

“Sau đấy một nhóm chúng tôi đi vào đồng. Bảy người tất cả. Ở đâu cũng tìm thấy xác người đã thối rửa nằm trong những cái rãnh. Ngày 15 tháng Ba, đồng ruộng khô ráo.

Đúng sáu tuần sau trận bão lụt. Tôi không thể tả ra sao, chẳng đẹp đẽ gì cho cam. Ngày nào bọn tôi cũng cần một chai nước hoa, buổi tối phải uống hết chai jenever^[3], nói thực đấy.”

“Còn thắc mắc gì nữa không?”

“Chôn cất thế nào?” Valeer hỏi.

“Hội Chữ thập đỏ gửi hòm tới. Ngày nào cũng có đám tang. Khi ba lần, khi bảy lần. Hết tuần này sang tuần khác.”

“Tôi không thắc mắc gì,” Piet nói.

Họ cảm ơn ông Franse. Henk lái xe đi vào pônđơ. Anh dừng lại cạnh một mảnh đất trống cỏ, có dây kẽm gai bao quanh.

“Nhân chứng thứ ba. Dây kẽm gai đây sau này người ta thay lại. Chính ở đây, người ta tìm thấy cậu Piet, em trai của mẹ, xác cậu mắc vào giữa hàng dây kẽm gai giống như thế này. Lúc đó cậu mới mười bốn tuổi.”

“Ngày Henk, có cần phải kể ra đây không?” Anne hỏi.

“Có chứ. Cứ đưa tất cả lý lẽ ra mới mong thông suốt vấn đề.”

Henk chờ xem hai cậu con muốn nói gì không nhưng họ giữ im lặng. Anh nói: “Cậu Piet là một người quý hiếm nhất đời này. Mới mười bốn tuổi mà cậu ấy to khỏe hơn bố nhiều - lúc đó bố lớn hơn cậu mười tuổi - nhưng cậu không bao giờ để lộ ra ngoài. Tính tình hiền lành, can đảm, lại khôn ngoan nữa so với cái tuổi ấy. Một người tuyệt vời. Cậu chết chìm lúc đang ẵm trong tay đứa bé mà cậu muốn cứu. Anne, anh có nói gì quá đáng không đây?”

Anne lắc đầu, mắt chị ươn ướt.

Cả nhà leo lên ô tô.

“Vậy thì sẽ không gọi thêm nhân chứng nữa,” Henk nói. “Muốn thì cũng không khó gì. Vậy ta sẽ khỏi phải đi Tholen để nghe một ông kể lại tình cảnh phải chịu bó tay nhìn vợ và mười hai đứa con bị chết đuối. Ta cũng sẽ không đi Stellendam để nghe một bà kể lại lúc bà ấy vô vọng cố đẩy cửa vào phòng dưới sức ép của nước để cứu ông chồng bị kẹt trong phòng. Nước lên đến trần, ông chết chìm. Có muốn nghe nhân chứng nào nữa hay không?”

“Không cần đâu,” Valeer nói, giọng run run.

Họ đi Battenoord. Cái đê phủ cỏ ngày xưa được thay thế bằng một cái đê mới trải nhựa đường, cao hơn trước nhiều. Nó được làm xong kịp thời trước trận bão mùa thu 1953. Vẫn còn lại một khúc đê cũ, so sánh thì cái đê mới trông bề thế hơn nhiều.

“Có cải thiện nhiều đấy chứ,” Piet nói.

“Hẳn rồi, nhưng chưa đủ. Sỡ dĩ ở đây được an toàn là nhờ cái đập Brouwersdam ngoài kia. Sau khi thăm Hennie và Rien xong, ta sẽ đến đấy xem.”

Cái trại ngày trước của ông Strijen bị nước cuốn trôi nay nhường chỗ cho một trại mới. Gia đình Henk không nói rõ lý do chuyển đi, làm như họ đang dạo chơi quanh đây.

Uống cà phê xong, họ lên xe, lần này do Piet lái theo chỉ dẫn của bố ngồi bên. Trước tiên là đến xem những cửa đập điều hòa mực nước ở Haringvliet, sau đấy là quan sát đập chắn biển Brouwersdam. Hai bố con bàn nhau về những vấn đề kỹ thuật của công trình trị thủy vĩ đại, có một không hai trên thế giới này. Họ rất hãnh diện là các kỹ sư Hà Lan có thể thực hiện được những công trình như thế.

“Khắp nơi người ta mời những ông kỹ sư công chính Hà Lan làm tư vấn,” Henk nói. “Con chọn ngành tốt đấy.”

“Ta có khả năng làm được nhiều thứ,” Piet nói, “nhưng đâu cần phải làm ngay tất cả những gì ta có khả năng làm được.”

“Nào, tôi xin cậu,” Anne nói. “Có nhận xét gì cứ chờ đến mai.”

“Con biết câu nói của người Pháp chứ gì,” Henk nói. “Thương để tạo ra thế giới, nhưng người Hà Lan tạo ra xứ Hà Lan.”

“Thế thì Thượng đế đã bắn nhằm chỗ ngày 1 tháng Hai năm 1953,” Piet nói.

“Thôi mà.”

Họ ra khỏi xe, bước lên cái đập Brouwersdam khổng lồ, mặt trên trải nhựa đường.

Henk gọi Valeer lại gần.

“Thứ so sánh cái đập này và cái đê mà con vừa thấy ở Battenoord. Chỉ có đập như thế này mới làm cho người dân cảm thấy an toàn. Và sau tai biến năm ấy, ta có bốn phận làm cho họ yên tâm. Khả năng cái đập này không chống nổi bão táp chỉ xảy ra một lần trong bốn ngàn năm mà thôi.”

Piet định nói gì nhưng lại thôi.

“Còn điều này nữa,” Henk nói tiếp. “Khi hệ thống đập làm xong rồi, thì nhánh biển Oosterschelde càng bị xói mòn thêm, có đắp đê cao nữa cũng không ích gì. Piet thừa biết vào một thời điểm nào đó, một khúc đê có thể bị vỡ ra, gây hiểm họa tức khắc. Thực vậy, có nhiều lý do chống lại việc đắp đê cho cao hơn. Ví dụ cụ thể là việc bảo quản một con đê dài 9 km khác xa con đê dài 250 km. Thêm nữa, phần đê nằm dưới có thể bị xói mòn mà không nhận ra kịp thời. Cũng có những phần đê đã hỏng nhưng không biết mà tu sửa, cứ thế đắp cao lên. Và sau hết nếu cứ xây rộng ra, nâng cao các con đê hiện hữu thì sẽ có hại cho môi trường ở cả phía nước lẫn phía đất.”

Piet muốn nói gì đấy nhưng lại thôi.

Henk tiếp: “Đây là lời kết của tôi. Thứ nhất, người dân có quyền được che chở, chống lại hiểm họa bão lụt. Thứ hai, biện pháp an ninh duy nhất là đắp đập. Thứ ba, nhóm tranh đấu “Còn nước còn tát” không mấy quan tâm đến vấn đề an ninh của dân chúng, như thế và vô trách nhiệm. Tôi đòi hỏi tòa tuyên án bị cáo - ở đây là biển - không được xâm nhập vào Oosterschelde, với biện pháp xây đập như đã quyết định trong đạo luật Delta.”

*

Khi về đến nhà, Henk hỏi hai cậu con có cần phải tiếp tục tranh đấu chống lại việc xây đập Oosterschelde hay không. Piet bàn lại với Valeer một lúc.

“Bọn con sẽ đưa ra luận cứ của mình, Piet nói. “Hai tuần nữa. Cần thời gian chuẩn bị.”

“Như vậy, phiên toàn hoãn lại hai tuần.”

Chương 15

Chủ Nhật Jos gọi điện cho Valeer. Anh, Toos và Arie nghĩ là nên hỏi ý kiến cả nhóm để xem có nên tiếp tục vụ Lievenbach hay không sau khi bị nghĩ đặt bom. Buổi họp định vào thứ Bảy tới.

“Hay lắm”, Valeer nói. “Trong tuần cháu đi lên Wad[4], tối thứ Tư chắc sẽ về để lo vụ bán đấu giá”.

“Hẹn thứ Bảy gặp lại”.

Sáng tinh mơ hôm sau họ đã lấy tàu đi. Trên tàu có ba người: ông thuyền trưởng Van Lier cầm lái, Stijns phụ trách máy tàu và Valeer lo những việc linh tinh. Thời tiết thuận lợi, biển êm gió lặng, Van Lier quyết định cho tàu vòng ngả Bắc Hải mà đi. Cuộc hành trình tốt đẹp, buổi tối thì đến biển Wadden, bỏ neo gần Vlieland. Họ ngồi dưới gầm tàu coi tivi.

Ngày hôm sau mọi người làm việc quần quật vì phải vớt lên bảy trăm tấn nghêu. Một “tấn nghêu” là một trăm kilo thay vì một nghìn kilo như thông lệ, nhưng vớt bảy mươi nghìn kilo nghêu lên chẳng phải chuyện chơi.

Con nghêu là sinh vật lưỡng tính. Phôi bào phụt ra một năm hai bận, tùy theo nhiệt độ của nước, thường vào tháng Ba và tháng Sáu ở Zeeland và vùng biển Wadden; chúng tụm lại thành chùm, lắng xuống bám vào cát; sau sáu tháng dân chài đến vớt lên, đem nuôi ở những bãi nước mặn, chẳng khác gì nhà nông vãi giống cây trồng trên những thửa ruộng. Sau ba năm thì thu được. Ông chủ tàu Van Lier đến đây vớt nghêu nuôi trong một lô riêng để hôm sau đem về bán đấu giá ở Yerseke. Nước biển ở Wadden bắn lắm. Vì thế con nghêu có nhiều cát không ăn ngay được. Cái tuyệt vời của Oosterschelde là ở đây. Bán đấu giá xong, nghêu được ngâm qua đêm dưới dòng nước Oosterschelde trong trẻo. Nghêu quả là loài sinh vật ưa sạch, bởi vì chúng nhả hết cát ra ngoài. Trong nghề đây gọi là qui trình “pha lọc”. Nghêu đã sạch cát là thức ăn nhiều đạm, lại ngon miệng, được dân sành điệu liệt vào hạng “hương hoa của biển cả”.

Xong việc, chẳng để ý thời tiết tốt xấu ra sao, lúc nào họ cũng theo con lạch sông ở nội địa mà về. Chiếc tàu đánh cá nhỏ bé chất đầy nghêu, nặng trĩu như thế e rằng không chịu được sóng gió Bắc Hải.

Lần này, Van Lier đem nghêu về Yerseke bán được rất nhiều giá. Thỉnh thoảng vì nhiều hàng quá, hoặc do chất lượng không được tốt nên cũng bị lỗ. Vì thế mà người ta lập ra Quỹ bảo hiểm. Mỗi người góp một phần tiền lãi nhất định vào Quỹ. Những lúc giá cả bất lợi, Quỹ đứng ra mua lại với mức giá tối thiểu. Số nghêu này được chứa ở những lô riêng ở Oosterschelde do Quỹ quản lí. Khi giá cả ổn định hơn, những lô này được Quỹ đem ra bán đấu giá, tổ chức vào thứ Năm hằng tuần chứ không phải những buổi đấu giá nghêu sò hằng ngày của các chủ thuyền.

Chiếc thuyền thứ tư, sau khi đem ngâm nghêu xuống nước, nhân lúc triều xuống, Van Lier, Stijns, VaLeer đi ủng vào, đến xem những lô nghêu đã ráo nước của Quỹ. Họ tính toán với nhau về sản lượng và chất lượng từng lô một. Thực ra chỉ có Van Lier và Stijns thảo luận mà thôi, còn VaLeer chỉ nghe và ghi chép. Cậu ta vẫn chưa hiểu ắt giáp thế nào.

“Nghêu ở đây tốt lắm. Lô 117 A và 117 B. Cho 8,5 được đấy, Valeer ạ.”

“Thế mua giá đấy như thế có cao quá hay không?”

“Chẳng biết đâu”

“Chúng ta có định mua không?”

“Có chứ, nhưng mà phải cẩn thận. Mình còn khối nghêu nằm ở Wad đã đến lúc bán rồi. Nhưng lãi thêm chút đỉnh cũng chẳng hại gì. Nếu không đắt quá... Cứ chờ xem sao.”

Sáng hôm sau, quang cảnh phòng hội ở quán cà phê Waterlie nhộn nhịp, đầy ắp người. Tất cả những ông nuôi nghêu hoặc xuất khẩu nghêu đều có mặt. Chủ tàu và thuộc hạ ngồi tụm lại với nhau. Jos de Visser cũng có mặt. Anh ngồi cùng bàn với sếp Van Doeveren và ba đồng nghiệp, nhăm nháp ly bia đầu tiên trong ngày. Trên bàn đặt sẵn mấy xấp phiếu ghi giá cả và số lô muốn mua. Người trả giá cao nhất sẽ là chủ lô ấy.

Người điều khiển buổi đấu giá đứng trên bục gọi to, thông báo lô đầu tiên đấu giá là lô 29 A. Yêu cầu quý vị tham gia, ông cầm cái thùng màu lục đi quanh để cho mọi người bỏ tấm phiếu của mình vào đó.

“Chúng ta cho 29 A mấy điểm?” Ông Van Lier hỏi.

Valeer nhìn mảnh giấy ghi chép. “Bốn điểm”.

“Vậy thì không nên trả hơn năm nghìn gulden”.

Ghi phiếu xong, Valeer bỏ vào thùng. Người điều khiển đấu giá rung chuông. Đấu giá lô 29 A thế là xong. Viên giám đốc phụ trách ngành nghêu thuộc hội đồng sản xuất hải sản - cái tên sao dài thế - cùng với hai nhân viên khác ngồi trên bục kiểm soát các tấm phiếu. Chuông lại rung lên, người điều khiển đấu giá tuyên bố:

“Lô 29 A bán cho hãng Kooys, trị giá là mười bốn nghìn gulden và sáu xu.”

“Trời đất ơi, giá cao quá!” Van Lier nói.

Những lô tiếp theo đều được bán với giá cao hơn rất nhiều so với giá Van Lier đưa ra. Theo lệ thường thì sự định giá của mấy ông chủ thuyền kia cũng không chênh lệch mấy so những con số Valeer ghi trên giấy; số càng to, giá càng cao. Thấy giá cả vọt lên cao chừng nào, Van Lier càng khoái chí chừng ấy. Valeer chẳng hiểu sao cả.

“Như thế này thì chúng ta chẳng mua được gì cả”, cậu phàn nàn.

“Có sao đâu”, Va Lier vui vẻ nói, “Quý bảo hiểm càng giàu càng tốt. Năm ngoái mình đã đóng góp khá nhiều, đóng góp càng nhiều thì chia lời càng nhiều.”

Hầu hết các lô đều được bán cho các nhà sản xuất kiêm xuất khẩu nghêu.

Van Lier nói: “Thị trường nghêu ở nước ngoài hiện rất được giá. Vì thế người ta vớt nghêu về bán ngay. Chẳng sợ rủi ro. Nếu mà ta mua lúc này thì còn phải nuôi thêm một thời gian nữa ở những bãi hiện đang để trống. Tức là sẽ phải vớt lên một lần nữa, thế nào cũng hao đi một ít, lại tốn thời gian. Làm sao tiên đoán được vài tháng tới giá cả lên xuống thế nào?”

Lúc lô cuối cùng được đem đấu giá, một sự cố nhỏ xảy ra. Van Doeveren đã đặt mua mấy lô nghêu. Đã ba lần ông ta trả giá mấy trăm gulden, cao hơn người cạnh tranh với mình là Rosmalen. Đến lượt lô cuối, Van Doeveren thấy Rosmalen đọc nhăm số hai mươi bốn cho mấy tay cộng sự của mình.

“Phải coi chừng đấy”, Van Doeveren bảo Jos, “Lão Rosmalen lúc nào cũng thêm vào mười bốn xu sau số ngàn tròn trịa, để thắng kẻ nào trả cùng một giá. Thử đoán xem nào?”

Ông ta ghi trên phiếu: Hai mươi bốn nghìn phẩy mười bốn gulden.

“Mình mua thế là đủ rồi” Jos nói.

“Nào, cứ bỏ vào thùng, đùa thôi mà. Nếu mình thắng thì sẽ nhường cho Rosmalen. Lão đã mua gì nhiều đâu”.

Sau đó ông điều khiển đấu giá loan báo:

“Lô 189 A có hai người trả giá cao nhất. Cùng giá hay mười bốn nghìn mười bốn xu”.

“Ngẫu nhiên thật!” Van Doeveren nói.

“Vâng, thế thì hai vị nghĩ sao, bốc thăm hay trả giá cao hơn?”

“Chao ôi”, Van Doeveren nói, “với tôi thì quá đủ rồi. Chẳng còn xu nào để trả thêm đâu. Thôi thì cứ thử một lần nữa”.

“Hai ông Van Doeveren và Rosmalen tiếp tục đấu giá” ông phụ trách nói.

“Giờ thì lão ta sẽ đề nghị hai mươi bốn nghìn mười lăm xu”, Jos thì thào

“Tôi cũng nghĩ thế”, Van Doeveren cười, ghi vào tấm phiếu.

Và đúng thế. Mọi người ôm bụng cười khi ông điều khiển chương trình tuyên bố rằng cả hai đều trả giá giống hệt nhau: hai mươi bốn nghìn mười lăm xu. Rosmalen đỏ bừng mặt.

“Thế mà cứ bảo...” Ông ta bắt đầu nói, nhưng khi thấy mọi người cười rộ thì hiểu rằng mình đã bị chơi xỏ. Van Doeveren đứng dậy bước tới chỗ Rosmalen ngồi, đặt một xu trên bàn, nhoẻn miệng cười:

“Đây ông ơi, vì tôi mà ông phải trả giá quá đắt, vậy thì tôi bồi thường đây”.

Sau đó ông phụ trách đấu giá cảm ơn sự hợp tác của những người hiện diện, chấm dứt buổi họp.

*

Úi cha, Lievenbach hạ cổ đến thăm, Valeer nghĩ thầm khi cậu vừa về đến nhà. Chắc có công chuyện bàn với bố, vì họ đâu có thân gì nhau. Mẹ cũng chẳng thích gì. Nhanh như chớp Anne biến khỏi phòng khách và lúc này đang là áo quần trong bếp, điều mà chị ít khi làm.

Valeer bước vào, lí nhí chào khách.

“Chào cậu”, Lievenbach nói.

Henk đang nói dở chuyện gì với khách: “... để tôi đi kiểm xem. Nếu có cái báo cáo ấy ở đây thì chắc là nó nằm trong phòng làm việc của tôi, cháu Valeer tiếp chuyện với anh một lát”.

Henk đi lên gác, Valeer nhận ra là Lievenbach đã ngồi vào cái ghế êm nhất. Cậu ngồi xuống để tránh không phải ngó cái mặt Lievenbach. Cuộc trò chuyện chẳng đậm đà cho lắm.

“Valeer vẫn đi học chứ?” Lievenbach hỏi. Thừa biết còn làm bộ hỏi, Valeer nghĩ thầm. “Chắc ông muốn nghe tôi học không nổi phải bỏ cuộc chứ gì”. Valeer phản pháo:

“Học nghề nuôi nghêu sò. Nghề này tương lai lắm.”

“Đáng lo đấy. Năm 78 đập Oosterschelde làm xong, thế là hết.”

“Đóng Oosterschelde á? Còn lâu” Valeer nói tỉnh bơ.

“À, lại hòa theo cái bọn ấy” Lievenbach nói, vẻ hậm hực, “Tham gia vào nhóm tranh đấu chứ gì?”

“Cố nhiên”

“Hắn cũng tiếp tay giúp chúng đặt bom plastic dưới cái mô hình chứ gì?”

Đồ rắn độc, Valeer thầm nghĩ. Chính ông mới là kẻ biết quả bom plastic nó như thế nào. Nào, nếu đúng là bom plastic thì sao? Làm thế nào mà lão ta biết được? Biết đâu đấy... hay là chính tay Lievenbach đã đặt bom để vu oan cho nhóm “Còn nước còn tát”! Lão ấy cáo già lắm, bố và mấy ông ở viện Delta thường nói thế. Càng nghĩ Valeer càng thấy hứng lên. Từ từ đã, chưa có bằng chứng gì, ngoài cái mồm đạo đức giả của lão. Phải cẩn thận mới được... Mớm thử một câu xem nào...

Valeer cố tỏ ra thân thiện. Không nên để lão biết là mình ghét lão.

“Chắc chắn là không rồi, bác Lievenbach ạ, có nhẽ nào cháu lại làm thế, nhỡ đụng bố cháu thì sao”, Valeer nhẹ nhàng nói.

“Ừ phải đấy”.

“Mọi người hẳn bị một phen kinh hoàng”

“Đúng vậy”

“Bác cũng thoát trong gang tấc ấy chứ nhỉ?”

“Cũng may không đến nỗi nào”

“Bác nói vậy”. Valeer cao giọng cà kê, “chính cháu cũng có mặt ở đằng sau kho lưu trữ. Chỉ mấy phút sau khi bom nổ cháu vừa đạp xe qua đấy. Sau này cháu mới nghĩ ra. Bác cũng có ở đấy mà, đúng rồi. Nếu cháu không nhằm thì cháu thấy bác ở đấy bước ra lúc cháu đạp xe ngang qua”.

Hình như Lievenbach nhấp nháy mắt? Lão nhìn Valeer như thăm dò.

“Đúng là tao cũng hay đến đấy.”

Cẩn câu rồi, Valeer thầm nghĩ, sững sờ. Mình đoán chẳng sai. Nếu lão không có mặt ở đó thì lão đã chối phăng còn gì. Mà lão có bao giờ dả động đến chuyện này đâu. Ai cũng nghĩ bố và Van Zanten là hai người sau cùng có mặt sau ở đấy. Rõ là đồ rắn độc. Hay là lão không nghĩ ra những gì Valeer vừa nói. Chẳng nhẽ chuyện thoát chết trong gang tấc hấp dẫn như thế mà lại không cho ai biết. Liệu lão có hỏi thêm gì không? Không đâu, như thế e lộ liễu quá. Tốt nhất là đừng làm cho lão nghi ngờ gì cả. Valeer cần thời gian suy nghĩ thêm.

May quá đúng lúc Henk bước vào phòng, tay cầm bản báo cáo. Valeer chuồn thật nhanh, tìm đập thành thịch. Cậu lí nhí nói với mẹ là phải đi ra ngoài một lát rồi nhảy phốc lên xe, đạp về

hướng đê. Những lúc thế này, ra đứng nhìn sóng nước là cách hay nhất để thư thái đầu óc.

*

Buổi chiều đạp xe về nhà thì Valeer đã quyết định xong. Hắn sẽ không làm bố phải bận lòng về việc hắn nghỉ ngơi Lievenbach. Bố hắn phải xử trí như thế nào? Dem chuyện này nói cho ông giám đốc cơ quan Delta biết? Ông này sẽ cho mở cuộc điều tra để rồi không tìm ra chứng cứ cụ thể? Lúc ấy không khí ở cơ quan sẽ trở nên khó thở và người ta đổ lỗi cho cả bố.

Valeer thả bộ trên mặt đê. Mặt trời đỏ rực với những vệt xám nhạt dần về hướng tây bắc.

Valeer suy nghĩ mọi nhẽ vấn đề. Một lí do khiến hắn không thể nói chuyện này với bố. Một lí do khá quan trọng. Biết đâu bố chẳng nghĩ đây là âm mưu của bọn hắn nhằm vu oan Lievenbach. Một cú chơi xấu. Có thể bố sẽ rằng bọn hắn không nghĩ ra kế gì để cứu vãn cho Oosterschelde, đành phải dùng thủ thuật này. Nhưng chuyện như vậy khó có thể xảy ra trước đây, nhưng bây giờ chắc bố nghĩ là hắn và anh Piet mắc cái bệnh quần trí mất rồi. Bố không hiểu gì cả - chỉ ít thì Valeer nghĩ như thế - trong khi ấy hắn và anh Piet lại rất thông cảm với tình cảnh của những người đã kinh qua trận lũ. Bố cho là hai anh em hắn ngu ngốc, mà cái ngu ngốc lại chẳng xa cái xấu là bao. Song thực sự thì chính bố mới khư khư ôm lấy cái lập trường phiến diện, ôm cứng lấy nó chẳng khác gì ôm cứng cái mái gỗ bập bênh trôi trên dòng nước lũ. Người ta cứ bảo là bọn mình còn trẻ quá, thiếu kinh nghiệm, Valeer nghĩ thầm. Biết đâu chính họ đã quá già, không dứt được cái kinh nghiệm năm xưa. Kinh nghiệm thì giống như cái neo. Giả dụ cuộc đời là một cái thuyền mà cứ cho nó thả neo một chỗ, chẳng bao lâu ta sẽ quên rằng mình mắc kẹt mãi không thoát ra được.

Nó đạp xe đến một bớt điện thoại công cộng, hắn sợ rằng ở nhà nói chuyện qua điện thoại không tiện. Có tiếng Jos trả lời ở đầu dây bên kia.

“Chú Jos ạ, trong túi cháu chỉ còn mười xu, vậy ta phải nói mau. Chuyện này chú đừng cho ai biết, chỉ trừ Arie và Toos. Được chứ?”

“Cứ nói đi.”

Valeer kể đầu đuôi câu chuyện.

“Úi giời”, Jos nói, “Chú cũng không ngạc nhiên đâu. Như thế chuyện chiếc chìa khóa xem như giải quyết xong.”

“Sao cơ ạ?”

“Theo chú hiểu thì ông thủ thư khóa cửa phòng lưu trữ lúc mười hai giờ rưỡi. Lúc ấy bố cháu có đấy. Sau khi bom nổ, chiếc chìa khóa vẫn còn nằm trên cái móc trong phòng Van Zanten. Có thể giả thuyết rằng, kẻ đặt bom có một chìa khóa phụ, nếu không thì hắn phải ra vào phòng Van Zanten những hai lần, làm vậy thì lộ liễu quá. Chính cảnh sát cũng nghi bọn mình có nội tuyến ở cơ quan Delta đã đánh thêm một chìa khóa nữa.”

“Với Lievenbach thì việc này dễ như trở bàn tay.”

“Rõ là đồ đạo đức giả. Cháu đã nói gì với bố cháu chưa?”

“Chưa ạ.”

“Cháu có định nói với bố không?”

“Không ạ.”

“Đấy là việc của cháu. Để chú nghĩ lại đã. Nếu làm gì thì chú sẽ bàn với cháu trước. Đồng ý chứ?”

“Vâng ạ.” Valeer nói. Tiếng sóng nhiều báo hiệu hết tiền. Valeer đặt máy xuống. Trong đầu ngón ngang ý nghĩ cậu leo lên xe đạp. Đây đâu phải là chuyện đùa. Lievenbach lại là đồng nghiệp của bố nữa chứ. Cậu cảm thấy bức xúc vì phải giữ kín chuyện này với người nhà. Có nên kể với mẹ cậu không nhỉ? Valeer thầm hỏi. Dĩ nhiên là không rồi, vì sẽ gây rắc rối cho mẹ. Bố mẹ luôn dạy cậu phải thành thật, thẳng thắn. Nói thì dễ nhưng đôi khi giữ miệng mới là khó, là bản lĩnh. Cuộc đời đâu chỉ giản đơn với hai màu trắng đen. Nhưng thôi, cậu sẽ giữ cái màu xanh hy vọng, mà từ trước đến giờ cậu luôn yêu thích. Về nhà cất xe xong, cậu lên giường ngủ. Thế là kết thúc một ngày đầy lo toan, tính toán. Mà có phải ngày nào cũng giống ngày nào đâu.

Chương 16

Đã hai ngày rồi Harry de Zwaan không đụng đến thuốc lá (đây là lần thứ sáu trong năm nay anh định bỏ hút) vì thế anh tỏ ra không mấy vui. Đó là chuyện bất thường, vì chỉ trừ khi bị nhức răng trầm trọng hay bị lũ muỗi vo ve trong phòng ngủ còn không gì có thể làm nhụt cái tính yêu đời nồng nhiệt của anh.

Một trong những nét đáng yêu của Harry là anh không thích làm quá lâu một việc gì. Việc nhỏ cũng như việc lớn. Anh mê mẩn ngậm kẹo ho “Ănglê” suốt một tuần rồi bỏ. Anh theo học nghề lái tàu viễn dương ở trường hàng hải Rotterdam, tốt nghiệp xong kiếm được việc làm, anh lại bỏ nghề xoay qua quay phim là thú tiêu khiển từ lâu. Anh làm chân quay phim cho một đài truyền hình được ba năm và khi được giới nghề nghiệp hơi biết tiếng thì anh lại thôi việc, đến học trường đào tạo hoa tiêu. Một năm sau anh làm hoa tiêu đưa tàu ra vào trên nhánh biển Westerschelde, giữa hai thành phố Vlissingen và Antwerpen. Bạn bè tự hỏi không biết anh làm nghề này được bao lâu.

Harry sống độc thân, biết mình không thích làm việc gì lâu dài, anh rất sợ lấy vợ. Bạn gái anh có hàng tá, kẻ đến người đi như én mùa xuân. Anh có một ngôi nhà cũ đã chỉnh trang, nằm trong một khu phố cổ ở Middelburg, cách trạm hoa tiêu ở Vlissingen nửa giờ lái xe. Anh tham gia ban hợp xướng của đoàn hoa tiêu, chuyện rất lạ, bởi vì trước đây anh rất ghét ca hát, thế mà bây giờ anh mê hát những bài ca về biển và “hò kéo thuyền” với giọng “bass” thật dài hơi.

Mười một giờ rưỡi sáng anh sửa soạn lái xe đi Vlissingen - đến lượt anh lái tàu đi Antwerpen - thì điện thoại reo. Chắc lại có hai chiếc “Đi sau” cùng một lúc vì chỉ nửa tiếng trước đây trạm hoa tiêu thông báo anh sẽ lái tàu trong vòng một tiếng nữa. Một chiếc tàu “Đi sau” có nghĩa là từ Westkapelle nó được hoa tiêu địa phương điều khiển lái đến bến cảng Vlissingen. Harry nhắc máy thì ra đây là anh bạn cố tri Jos de Visser.

“Bạn gì không?”

“Muốn gì cứ nói, nhưng tớ phải đi Vlissingen bây giờ.”

“Tớ cần gặp cậu sớm để bàn chuyện này.”

“Xong ngay,” Harry nói, anh thích quyết định nhanh chóng. “Khoảng chiều chiều một tí, tớ sẽ có mặt ở Antwerpen, nếu chiếc tàu này không chạy quá chậm. Tớ sẽ lấy xe đến Bergen op Zoom, từ đó lên tàu về Middelburg. Tớ sẽ gọi điện để cậu ra đón khi tàu tới ga xép Kruiningen - Yerseke. Trong khi đó nhớ bỏ thật nhiều bia vào tủ lạnh. Ô kê!”

“Biết rồi. Tớ chờ phen của cậu đấy.”

Harry lái xe đi Vlissingen. Anh cảm thấy vui trở lại vì tối nay sẽ gặp Jos tha hồ mà tán chuyện với nhau. Đến trạm hoa tiêu, anh liếc xem danh sách phân công. Đây là một tấm bảng ghim tên những người có phận sự hôm nay. Người có tên nằm dưới cùng sẽ được chỉ định lái chiếc tàu sắp đến. Trước khi rời trạm, người hoa tiêu rút tên mình ra và gắn vào một tấm bảng khác, ở vị trí trên hết trong danh sách những người không có phận sự lúc này. Như thế mọi người tuân tự chia sẻ nhiệm vụ một cách công bằng.

Harry thấy mình có sáu “lượt”. Ai không biết tiếng lóng của dân trong nghề có thể nghĩ rằng anh phải lái sáu chiếc tàu từ đây tới Antwerpen, nhưng thực ra nó chỉ có nghĩa là còn sáu chiếc tàu nữa mới tới phiên anh. Còn đủ thời gian để chén một bữa ngon lành cùng hai bạn đồng nghiệp năm “lượt” và bảy “lượt”.

Khoảng một giờ rưỡi trưa thì người ta gọi anh, trễ hơn dự tính. Lý do là chiếc tàu trước khi đến phiên anh “bị cháy” – tiếng lóng trong nghề có nghĩa là “không đi”. Chiếc xuồng máy của trạm hoa tiêu chở anh ra chiếc tàu vận tải cỡ nhỏ, trọng tải ba nghìn tấn, chủ là người Anh. Chiếc xuồng đậu sát hông tàu, Harry nhanh nhẹn bám vào cái thang dây leo lên boong chiếc M.S. Buckingham.

Một anh thủy thủ dẫn Harry đến gặp thuyền trưởng. Chiếc Buckingham có trang bị bánh lái tự động, thời tiết lại êm ả, hứa hẹn một chuyến đi vô sự. Ông thuyền trưởng nói là buồn ngủ quá, rồi để Harry lại một mình trên cầu tàu.

Người hoa tiêu trẻ trái bản đồ Westerschelde trước mặt, chọn hướng 110 độ, tốc độ 13 nút, cứ thế mà cho tàu đi, chừng bốn tiếng là đến nơi.

Tàu trống không, chỉ chìm xuống ba mươi nhăm đề-xi-mét. Vì thế không cần đi qua ngả de Honte theo dòng nước lớn; anh chọn con đường ngắn hơn, theo nhánh Everingen mà đi, nước không sâu lắm lại khá an toàn.

Một giờ sau Harry buồn tiểu. Trên cầu tàu có toa-lét, Harry nghĩ rằng đi giải quyết vấn đề tự nhiên đó một lúc thì có gì mà phải báo cho ai, trừ khi có chuyện phiên toái bất thường. Khi anh đã làm xong thao tác nói trên và muôn trở về với cái bánh lái tự động, cánh cửa WC chẳng chịu mở cho. Mới đầu anh bực bội cầm cái chốt vặn qua vặn lại, kéo ra, ấn vào, đẩy thật mạnh nhưng đều vô hiệu. Anh nhận ra rằng cái cửa khốn kiếp này kẹt cứng rồi, chẳng khác gì một tảng đá, thế là anh đã bị nhốt trong cầu tiêu này. Với bánh lái tự động, con tàu cứ thế mà đi theo hướng đã định trước, tốt thôi. Hiềm một nỗi là nếu cứ tiếp tục mà chẳng may chạm vào đất ngầm thì con tàu sẽ mắc cạn, tự động hay không tự động cũng vậy thôi.

Vì vậy, Harry cố làm mọi cách gây ra đủ thứ tiếng động. Anh la hét, đấm đá vào cánh cửa thành thích. Nhưng chẳng ai nghe thấy. Anh dừng lại suy nghĩ. Với phương hướng và tốc độ này thì chỉ mười lăm phút nữa là chiếc tàu đâm vào Rug van Baarland. Anh phải ra khỏi đây.

Ngay tức khắc. Anh hít một hơi thật sâu, rồi hét lên một tiếng to kinh khủng mà nếu ông chỉ huy ban hợp xướng nghe được thì chắc chắn ông sẽ lắc đầu cảnh cáo người hát giọng bass/baritong có hạng. Nhưng thế lại hiệu quả. Trong số mười một người thủy thủ có người nghe được bởi có bóng ai hiện ra trên cầu tàu.

“Ở đây nè, đồ ngu”, anh quên rằng nếu có ai ngu thì trong trường hợp này không phải là anh thủy thủ vô tư kia.

“Tôi bị kẹt trong này rồi.” Anh gọi to, vừa xoay cái then cửa để chứng tỏ những gì mình vừa nói.

Người thủy thủ hiểu ngay. “Tôi sẽ báo cho ông thuyền trưởng.”

Chỉ nội trong ba phút, ông thuyền trưởng có mặt ở cầu tàu, theo sau là người thủy thủ tay cầm cái xà beng. Ông thuyền trưởng cố mở cửa toa-lét từ phía ngoài, nhưng nó chắc chắn chẳng khác gì cái két sắt.

“Anh muốn tôi làm gì đây?” Ông thuyền trưởng kêu to. “Dead slow?”

“Vâng”, Harry kêu lên. Dead slow có nghĩa là để cho máy ngưng chạy. Nếu mà cứ chạy tiếp thì chiếc tàu sẽ dạt vào chỗ nước cạn phía nam bãi Plaat van Baarland. Hy vọng là còn kịp.

Người thủy thủ lấy cái xà beng đập vào cửa. Ở phía trên cánh cửa có một ô trống nhỏ nhìn ra ngoài. Harry trèo lên bệ toa-lét tông cái cửa sổ nhỏ ra ngoài. Cứ như thế, đứng trên bệ chiếc toa-let Anglê, sau cánh cửa kẹt cứng, trong khi người thủy thủ lấy xà beng đập chát chúa vào cánh cửa, Harry vẫn tiếp tục chỉ dẫn ông thuyền trưởng lái chiếc M.S.

Buckingham đi qua nhánh biển an toàn.

Khi Harry thoát được ra ngoài rồi, ông thuyền trưởng nhận xét rằng thời nay người ta làm toa-lét tốt thế mà tàu lại tồi quá. Thực ra, chiếc tàu còn mới toanh, vừa mới hạ thủy. Nói xong ông thuyền trưởng lại đi ngủ tiếp. Harry lái chiếc tàu thẳng một mạch đến Antwerpen và cập bến một cách an toàn. Anh lấy một chiếc taxi đến Bergenop Zoom, và đúng như kế hoạch đã định, trước bảy giờ anh đã có mặt ở nhà Jos ở Yerseke.

“Ta ăn chút gì nhé?” Jos nói. “Bảy rưỡi có hai người bạn của tớ đến, và tớ sẽ kể cho cậu đầu đuôi câu chuyện.”

“Giờ tớ phải đi giải quyết đã,” Harry nói, “nếu có ai vào thì cẩn thận đấy, tớ không đóng cửa toa-lét đâu.”

Vừa thấy Toos, Harry đã thích ngay. Và chỉ sau năm phút, anh đã gọi cô là “cung” rồi. Trong khi suốt ba tháng đầu quen nhau, Arie vẫn chỉ gọi Toos là “cô de Wit”. Jos cho mọi người biết kế hoạch.

“Kế hoạch hay quá,” Harry nói.

Làm thế này chắc chắn sẽ gây một cú sốc động trời. Nhưng chẳng biết tớ giúp được gì trong vụ này đây.”

“Cậu có thể quay phim,” Jos nói.

“A, cái đó thì tớ làm được.”

“Thế cậu còn máy quay phim không?”

“Không, nhưng tớ mượn được.”

“Vậy là cậu chịu rồi nhé.”

Harry nhìn có vẻ trách móc.

“Nếu tớ có dịp để chơi lại cái lão Lievenbach này, cậu nghĩ tớ sẽ bỏ qua sao?”

“Không.” Jos, Toos và Arie nhìn Harry một cách cảm kích.

Toos hỏi: “Mất bao lâu mới mượn được máy quay?”

“Để xem đã, cung ạ. Phải đến tận Gooi mượn cơ.”

“Thế thì ổn rồi.” Toos nói.

“Vậy cứ thế mà tiến hành,” Jos nói, “lúc nào Harry mượn được máy thì gọi cho tớ. Sau đấy chúng ta sẽ viết thư hẹn Lievenbach về buổi phỏng vấn sẽ quay ở đâu đấy gần bờ Oosterschelde. Đồng thời lúc ấy, Toos, Arie và Harry cùng đến đó. Arie nhập vai Foppenbrouwer để phỏng vấn. Vấn đề là phải chuẩn bị kỹ, tập dượt cho Arie trở thành một tay

phỏng vấn thứ thiệt. Còn Toos đóng vai thư ký trường quay, chạy lăng xăng, tay cầm bảng phân cảnh. Thỉnh thoảng đến chỉnh trang phục cho Lievenbach, buông vài câu tán tỉnh Foppenbrouwer là ngon lành rồi.”

“Thế để làm gì?” Toos hỏi.

“Phải thế mới được.”

“Nếu được phép thì tớ thấy thư ký trường quay thỉnh thoảng cũng nên ve vãn tay quay phim một chút, kể cũng hay.” Harry nói.

“Đấy là phần của cậu,” Jos nói. “Các cậu cứ thế mà làm. Nếu được thì Toos ghi tốc ký cuộc phỏng vấn luôn. Dĩ nhiên là có máy ghi âm, nhưng nếu tốc ký được thì đỡ mất thì giờ. Tiếc là tớ không thể tham gia cùng các cậu, vì lão Lievenbach biết tớ. Tớ chỉ còn biết ngồi sốt ruột chờ các cậu thôi. Vậy là các cậu đồng ý với kế hoạch này chứ?”

“Quá đơn giản,” Harry nói. “Nào, bây giờ thì lấy bia lạnh ra đây.”

*

Chủ Nhật sau đấy, đến lượt Piet và Valeer lên tiếng bào chữa cho việc mở Oosterschelde. Hai anh em đã bàn trước xem phải làm thế nào. Piet đã tra cứu kỹ mọi số liệu thống kê. Valeer chuẩn bị sẵn những cuốn tài liệu mỏng. Mười giờ sáng, tất cả bốn người lên xe đi tới Goes. Ted Versteeg sống với mẹ ở đấy. Ted trước đây học cùng lớp với Valeer. Khi đến nơi, mọi người đã thấy Ted ngồi trên chiếc xe lăn, chờ sẵn ngoài sân gạch. Ted chậm chạp đẩy xe lăn đến gần ô tô.

“Nhân chứng số một,” Valeer thì thào. Xoay qua Ted, Valeer giới thiệu: “Đây là bố mẹ tớ. Chắc cậu còn nhớ anh Piet hồi còn học ở trường chứ?”

Miệng Ted mở to, ngoẹo về bên phải, một dòng nước miếng chảy ra.

Valeer kể: “Năm ngoái Ted cùng bố mẹ đi trên xa lộ có ba làn xe chạy giữa Breda và Roosendaal. Một tay lái xe ẩu đi ngược chiều đã lấn đường và đâm thẳng vào xe của gia đình Ted. Bố Ted cầm lái đã chết ngay tại chỗ. Ted ngồi cạnh bị vỡ hộp sọ và hư hết toàn bộ tủy sống. Vô phương cứu chữa. Bà Versteeg ngồi ở ghế sau nên chỉ bị trầy trượt. Nhưng, con nghĩ trước tình cảnh này thì bà ấy cũng chẳng thiết sống.”

“Thật khủng khiếp,” Anne nói. Chị bước xuống xe, nắm tay Ted vuốt nhẹ.

“Có ai hỏi gì nữa không?” Piet hỏi.

Henk lắc đầu. Trông anh có vẻ bị xúc động. Lúc đã lên xe, anh mới nói: “Chuyện này thì dính dáng gì đến Oosterschelde.”

“Hôm nay là phiên của bọn nhỏ,” Anne khẽ nhắc.

Trong khi đẩy Piet lái xe ra khỏi thành phố Goes, đến một chỗ rẽ có hai cây tiêu huyền vẫn còn dấu vết bị xe húc trên thân cây.

“Đây là nhân chứng số hai?” Henk hỏi. “Theo bố suy đoán thì đây là chỗ có ai bị tông xe chết phải không?”

“Năm người đã bỏ mạng trong ba năm qua,” Valeer nói.

“Trông bố có vẻ bức rối đấy,” Piet nói, “vì thế tụi con sẽ không đưa ra những nhân chứng như thế này nữa. Giờ chúng con sẽ giải thích vì sao lại đưa chúng ra.”

“Xin cứ việc,” Henk nói một cách châm biếm.

“Hai tuần trước bố đã đưa ra bằng chứng là có nhiều người bị chết chìm và họ đã chết như thế nào. Dĩ nhiên chuyện này không có gì lạ với tụi con cả. Bọn con đã nghe quá nhàm rồi. Tại sao bố lại đưa bọn con đến vùng bị thiên tai làm gì? Là để gây ấn tượng với bọn con.”

“Đúng vậy, quả thực con rất xúc động khi đến đó,” Valeer nói.

“Con cũng vậy,” Piet tiếp, “nhưng cái gì ta cũng nên xem xét một cách khách quan. Về an ninh mà nói, năm ngoái có ba nghìn sáu trăm hai mươi bốn người chết vì tai nạn giao thông ở Hà Lan, hơn bảy mươi nghìn người bị thương, trong đó nhiều người bị thương rất nặng. Chúng ta vừa thăm một nạn nhân như thế. Chuyện này vẫn tái diễn hằng năm. Trong khi ấy ở thế kỷ này chỉ có một lần một nghìn tám trăm ba mươi tư người bị chết chìm trong một cơn bão lụt. Điều con muốn nói là an ninh chỉ là một ý niệm tương đối. Con không hiểu nổi tại sao khi người ta có thể an tâm trước lũ lụt bởi đã có những con đập che chở cho họ thì họ lại muốn ngồi trong ô tô để rồi bị tai nạn vào nhà thương? Thật khó hiểu những người đó. Theo con, họ phải chi tiền vào cải tạo hệ thống công chính hay làm ra những chiếc ô tô tốt, hơn là bỏ tiền vào xây mấy cái đập. Những người này vẫn duy tình hơn là duy lý. Chẳng hạn khi đến xem chỗ hàng rào dây kẽm gai nơi người ta tìm thấy xác cậu Piet sau cơn lụt, hay khi đến thăm Ted Versteeg tạt nguyện vì tai nạn giao thông.”

Valeer gật gù, Henk có vẻ muốn nói gì đấy nhưng lại thôi. Họ lái xe đến cửa đập ở Goes. Piet bàn với bố về những điểm yếu của cửa đập này. Họ lái xe đi qua con đê ở Zuid – Beveland để tới Bergenop Zoom, rồi từ đó đi thẳng đến Tholen. Valeer để anh trai cậu lĩnh phần đưa bằng chứng ra. Họ dừng xe ở những đoạn đê yếu, để bố và Piet lại có dịp thảo luận với nhau. Cứ như Valeer hiểu thì bên cảng Stavenisse cũng chẳng được an toàn cho lắm. Valeer thấy bố và anh trai tranh luận có vẻ rất sôi nổi, bởi cả hai đều rất hiểu thắng. Khi người này đưa ra dẫn chứng thì người kia lại phản biện mạnh hơn. Giống như hai tuần trước, Valeer ngồi với mẹ ở ghế sau, cậu nói nhỏ:

“Đấy là trò chơi của bố và anh Piet.”

Anne gật đầu: “Bố con không thích sao?”

“Không. Thế còn mẹ?”

Anne suy nghĩ lan man. Ngày xưa khi chị còn ở với bố mẹ, chị hay xung đột với bố. Chị tự hỏi liệu đã là điều gì ghê gớm hay là điều gì đó vui thích? Với chị cuộc sống bây giờ là Henk và hai đứa nhỏ. Chị không còn thích những trò chơi con chữ, những lập luận, dẫn chứng, bởi lẽ con chữ không phải lúc nào cũng nói lên được tất cả. Chị thích đùa với sóng, với gió, với nước triều khi lên khi xuống. Bỗng dưng chị nhớ lại lần bị cảnh sát thẩm vấn ở Rotterdam. Lần đấy chị đã rút ra một điều rằng, biện luận cũng có giá trị của nó nhưng đôi khi nó cũng gây phiền phức, thậm chí nguy hiểm cho bản thân.

“Mẹ cũng không,” chị đáp, sau một hồi suy nghĩ. “Mẹ nghĩ là hai mẹ con mình hợp nhau.”

“Con cũng thấy vậy,” Valeer nói, “bố và anh Piet hợp nhau. Mẹ con mình yêu thích sông nước sống động, còn bố và anh lại thích bàn về chuyện sông nước thôi.”

Tự nhiên Anne muốn thốt lên câu Amen, nhưng thay đó chị lại nói lên điều từ đáy lòng mình.

“Mẹ chỉ yêu mấy bố con mày thôi.”

Họ ghé vào một trạm phà cũ kỹ, uống cà phê.

Piet nói: “Chúng ta đã thấy những đoạn đê yếu. Giờ để con tiếp tục biện hộ nhé. Cứ như tình hình hiện nay thì xác suất bị lụt chỉ có thể là một phần trăm trong vòng một trăm năm đổ lại. Tính từ năm 1953 đến giờ thì đã có thể loại bỏ được hai mươi phần trăm rồi. Cũng đáng kể đấy chứ, chẳng phải là một sự rủi ro nhỏ đâu. Thử hỏi trong suốt thời gian ấy, có ai để ý gì đến mấy con đê. Con thấy thật là ngu xuẩn. Mà nói toạc ra đó là một sự vô trách nhiệm. Chẳng ai động đây chi hết, để rồi đến năm 1978 chiếc đập làm xong thì còn gì mà lo nữa. Cứ cho là người ta sợ đi thì tại sao phải chờ đến hai mươi năm sau. Những đoạn đê yếu mà bố con mình vừa thấy, nếu người ta muốn thì họ đã kè từ mười tám năm trước đây rồi. Ủy ban “Còn nước còn tát” của tụi con từ lâu đã kêu gọi phải kè ngay những khúc đê yếu đó, chứ đâu phải đợi cho đến khi làm xong mấy cái đập. Vậy mà tụi con vẫn bị lên án là không quan tâm đến vấn đề an sinh.”

“Trong nhóm “Còn nước còn tát”, chúng con vẫn thường bàn về những vấn đề an sinh,” Valeer nói. “Anh Piet à, anh nhớ nói thêm về trường hợp những đoạn đê bị yếu.”

“À, đúng rồi. Hai tuần trước, bố có đề cập đến cái nguy cơ một số khúc đê sẽ bị nước cuốn trôi bất cứ lúc nào. Có lý, việc này hoàn toàn có khả năng xảy ra. Nhưng thường chỉ xảy ra lúc mực nước thấp, chứ không phải do lũ nguồn hay lũ bão. Mà nếu trong trường hợp đó thì người ta cũng có sáu tiếng để lo đối phó. Với một hệ thống dự báo và bảo hộ đê điều tốt hơn thì những rủi ro này có thể chấp nhận được. Chúng ta cần thực tế một chút: với hệ thống dự báo và bảo hộ đê điều tốt thì con số một nghìn tám trăm ba mươi tư người bị tử vong trong cơn lũ năm 1953 có thể tránh được. Valeer, em còn ý kiến gì không?”

“Ồi giờ, anh nói hay hơn em chứ. Có điều là họ nói rằng sau khi người ta đóng cửa biển Grevelingen thì dòng nước ở cửa biển Oosterschelde chảy mạnh hơn trước nhiều. Hậu quả là dẫn đến sự xói mòn nghiêm trọng ở Oosterschelde. Cho nên việc xây đập ở đây sớm chừng nào hay chừng đó. Em không hiểu vấn đề này lắm, nhưng thử nghĩ xem nếu Rotterdam hay Antwerpen nằm ở Oosterschelde thì chắc chẳng ma nào xây đập ở đây cả. Trong trường hợp ấy chắc mấy vị lãnh đạo sáng suốt ở cơ quan Delta thế nào mà chẳng nghĩ ra giải pháp hay. Khó ai có thể thuyết phục được em rằng sở dĩ hai nhánh biển Nieuwe Waterweg và Westerschelde chưa bị đóng lại là do chỗ đó có nước ròng, hay có đê điều tốt hơn. Chẳng qua chỉ vì có hai thành phố lớn đó mà thôi.”

“Anh hoàn toàn đồng ý với cậu,” Piet nói. “Nói một cách khác những gì có lợi cho thương mại và công nghiệp thì lại chẳng giúp được gì trong vấn đề môi sinh cũng như nghề bắt nghêu.”

Quãng ba giờ thì họ trở về Yerseke trên đảo Zuid-Beveland. Họ lái xe ngang nhà Toos. Toos đưa chìa khóa chiếc thuyền máy nhỏ của cô cho Valeer như đã hứa.

Cả bốn người cùng ra bến, lấy thuyền chạy vùn vụt trên dòng Oosterschelde. Thời tiết đẹp, trời trong. Mặt nước lung linh. Valeer lái thuyền cập vào một cù lao nhỏ. Cát ở đây trắng xóa. Mọi người rời tàu, lên đó đi dạo khoảng nửa tiếng, rồi ngồi phơi nắng, ngắm nhìn đàn mòng biển chao lượn ngoạn mục. Đến khi nước triều dâng họ trở lại thuyền.

Valeer lái thuyền chậm chậm qua những bãi thả nghêu và chỉ cho mọi người thấy những con nghêu nằm ở dưới đáy, cách mặt nước chừng ba thước.

“Nước trong như những cái hồ ở núi Thụy Sĩ,” nó nói. “Đóng cửa Oosterschelde lại thì nước sẽ bẩn như là ở hồ Briel hay là hồ Veluwe”

Nó chụm hai bàn tay lại vốc nước lên. Nước trong vắt như từ vòi máy chảy ra.

“Dòng nước này là một nguồn dinh dưỡng thiên nhiên. Hàng năm, nó cung cấp nguồn chất đạm dồi dào. Cứ tưởng tượng xem trong khi hàng năm trên thế giới có hàng triệu người chết vì thiếu dinh dưỡng, lẽ nào chúng ta lại bỏ phí một nguồn lợi như vậy? Những vùng nước triều nông là thuận lợi nhất cho việc nuôi trồng thủy hải sản. Có thể ví những vùng này như là cái nôi nuôi dưỡng nguồn sinh vật biển cho các nơi khác. Và chính những vùng triều nông, những cái phá, những cửa biển, những bãi lầy ven biển và những nhánh sông..., tất cả nằm gọn trong những đề án khai hoang lấn biển, xây hải cảng và các khu công nghệ. Cứ thế những nguồn lợi bị tiêu phí đi và còn gây nguy hại đến hệ sinh thái đại dương.”

Bắt chước cái giọng của bố nó hai tuần trước, Valeer hỏi: “Còn ai thắc mắc gì không?”

Henk lắc đầu. Valeer lái tàu nhằm hướng cảng Yerseke.

“Giờ đã đến lúc đưa ra nhận định cuối cùng,” Piet nói. “Điểm thứ nhất, nếu những cái đê ở Oosterschelde được tôn cao và bảo vệ tốt thì chúng ta có thể “kê cao gối mà nằm”, khỏi lo nghĩ đến hiểm nguy bão lụt nữa. Và xác suất mà bão lũ có thể xảy ra chỉ là một lần trong khoảng thời gian ba đến bốn nghìn năm. Thật là một con số lỗ bịch.

Ba nghìn năm văn minh loài người, các vị thấy sao? Hãy nghĩ xem cái rủi ro nào lớn hơn, nếu cái đập này vẫn cứ sừng sững ở đấy trong một nghìn năm trăm năm cho đến hai nghìn năm chờ để bị nhấn chìm bởi một cơn đại hồng thủy nào đó, hay là trong khoảng thời gian ba nghìn năm nó lại chẳng bị nổ tung bởi chiến tranh, chứ chưa nói gì đến con người, biết ẩn trú chỗ nào. Ba nghìn năm để trông coi một con đập như thế, tôi thiết nghĩ thật là chuyện vô nghĩa. Điểm thứ hai, việc xây đập ở Oosterschelde sẽ hủy diệt một vùng sinh thái độc đáo, một nguồn dinh dưỡng thiên nhiên vô giá. Điểm thứ ba, quan điểm của nhóm tranh đấu “Còn nước còn tát” đã bao quát được cả vấn đề an sinh và môi sinh, khác với cái nhìn phiến diện của cơ quan chính phủ. Vì thế, chúng tôi lên tiếng, đòi sự trắng án cho “thân chủ” đại dương của chúng tôi rằng hãy cứ để cửa đập Oosterschelde như nó vẫn hiện hữu từ trước đến giờ.”

Thuyền cập bến, mọi người lên bờ lấy tấm bạt che thuyền lại, rồi mang chìa khoá trả cho Toos. Trên đường về nhà, Henk hỏi: “Vây quan tòa tuyên án sao đây?”

“À, đúng rồi, em là chủ tọa,” Anne thốt lên, rồi hắng giọng nói. “Tòa đã nghe cả hai bên nguyên, bị, giờ tòa cần hội ý.”

“Vây tòa có thể cho biết một quyết định tạm thời được chẳng?” Henk hỏi.

Anne không trả lời.

“Em nên chấp thuận việc xây đập, hân em còn nhớ vụ năm 53 chứ?”

“Để em nghĩ đã.”

Ngày hôm sau, họ nghe thông báo thiết lập một ủy ban tư vấn của chính phủ. Nhiệm vụ của ủy ban là trong sáu tháng phải thảo luận để tìm ra giải pháp tối ưu nhất đảm bảo được cả vấn đề an sinh và môi trường. Chủ tịch là luật gia J. Klaasesz. Thành phần của ủy ban khá mở rộng, có cả đại diện bên môi sinh cũng như phía ngư nghiệp.

“Tòa sẽ để cho ủy ban này ra quyết định giùm.” Anne nói.

Chương 17

Arie gọi điện cho Lievenbach, tự giới thiệu là Foppenbrouwer và ngỏ ý muốn gặp lão chiều thứ Tư tới ở Colijnsplaat. Lievenbach làm ra vẻ quan trọng, lấy cuốn sổ tay ra xem, báo là phải thu xếp lại vì có hai cuộc hẹn khác, nhưng nghe giọng thì biết là lão chẳng muốn. Phải biết là chỉ có chiều thứ Tư anh mới không dạy học, Arie thầm nghĩ một cách thích thú.

Anh cùng với Toos lái xe đến Noord – Beveland rất sớm. Họ lập căn cứ ở quán “Het Ruime Sop” ở Colijnsplaat. Trông Toos thật hiện đại. Cô mặc cái quần bò màu trắng sát người, cái áo thun sặc sỡ, cổ đeo sáu sợi dây chuyền. Arie tự hỏi có nên gọi cô ấy là “cung” một lần thứ hai xem không, nhưng trước khi anh có quyết định thì Harry đã xồng xộc bước vào, thốt lên:

“Ôi giờ, người đâu mà đẹp thế! Hôm nay trông em ngon lành quá”.

“Chào ông de Zwaan,” Toos đáp lại một cách mát mẻ. Harry mặc bộ đồ Jin truyền thống, cổ đeo sợi dây chuyền mỏng dính lọt vào đám lông rậm rạp sau cái áo hở ngực.

Arie tự cho mình nắm quyền quyết định trong buổi trình diễn hôm nay. Trong khi Harry đang bận bỏ phim vào máy quay, Arie nói:

“Chớ quên tôi là Foppenbrouwer, nhưng cứ gọi tôi là Johan. Chúng ta là một ê kíp nhé”

“Tôi chưa biết họ cô là gì?”

“Okê. Toos, chỉ là Toos thôi.”

“Nghe rõ chưa, chỉ là Toos thôi chứ không phải cung nào đâu nhé.”

“Nghe rồi cung ạ,” Harry nói.

Trong lúc uống cà phê, họ bàn thêm chi tiết về kế hoạch. Chừng bốn năm phút sau, Lievenbach xuất hiện, Harry tiến lại chào.

“Xin hỏi có phải ngài Lievenbach?”

“Chính tôi. Vậy đây là ông Foppnenbrouwer?”

“Vâng, Johan Foppenbrouwer”

“Đây là cô Toos, trợ lý của tôi. Còn đây, là Harry quay phim”.

“Rất hân hạnh.”

“Ngài có muốn uống chút gì không? Hay là ta vào việc ngay?”

“Cứ bắt đầu luôn đi, tôi rất bận.”

“Thật cảm ơn ngài đã bớt chút thời giờ đến đây.” Họ rời quán cà phê hướng về phía con đê. Phía bên kia đê nhấp nhô những giàn giáo để chuẩn bị cho việc xây đập. Còn bên này là cây cầu Zeeland ngút dài, đẹp nhưng đơn điệu.

“Thật là một cái nền lý tưởng.” Arie nói. “Hẳn ngài đã biết mục đích của cuộc phỏng vấn hôm nay chứ? Chúng tôi đang thực hiện một bộ phim tài liệu về việc đóng cửa Oosterschelde. Và

chúng tôi muốn ngài cho ý kiến về sự ích lợi của việc này. Rất mong ngài hết sức thẳng thắn phát biểu.”

“Việc này thì các bạn khỏi lo.”

“Thế ngài có cần sửa sang chút gì không?” Toos nói.

“Lúc nào cũng phải thế à?”

“Vâng, thường thì vậy.”

Thực ra thì không hẳn thế. Trong trường quay, đèn pha sáng chói quá, nên người ta phải dùng phấn sáp để hóa trang cho khuôn mặt đỡ nhợt nhạt. Còn quay cảnh ngoài trời thì không nhất thiết làm vậy.

Toos lấy mấy thứ mỹ phẩm ra điểm trang cho Lievenbach. Toos đã phải hết sức khó khăn kiềm chế bản thân để không vẽ ngay một cái hình chữ thập to tướng trên trán lão. Trong lúc đó Harry đã chuẩn bị xong đầu dây máy ghi âm. Còn micro Arie cũng đã cầm trên tay sẵn sàng.

Theo chỉ dẫn của Harry, Arie và Lievenbach đứng ở chỗ có bối cảnh đẹp và đủ ánh sáng.

“Tôi nghĩ một cuộc đối thoại ngắn sẽ hay hơn là những câu độc thoại dài dòng”, Arie đề nghị.

“Tôi sẽ cố gắng hết sức.”

“Hay lắm. Vậy ta bắt đầu. Tiếng có rồi đây. Hình có chưa?”

“Sẵn sàng”

Và đây là cuộc đối thoại giữa Arie trong vai Foppenbrouwer và Lievenbach:

Foppenbrouwer: “Thưa ngài Lievenbach, có phải ngài là người kiên quyết ủng hộ việc xây đập Oosterschelde?”

Lievenbach: “Vâng. Đúng ”

Foppenbrouwer: “Ngài có nghi ngờ chút nào về tính thiết thực của giải pháp này không?”

Lievenbach: “Không một mảy may. Toàn thể cán bộ nhân viên trong cơ quan công chính đều ủng hộ việc này.”

Foppenbrouwer: “Nhưng ngài là người kiên quyết nhất.”

Lievenbach: “Tôi nghĩ rằng ít có ai tranh đấu hết mình như bản thân tôi.”

Foppenbrouwer: “Vậy kẻ đối chọi với ngài trong cuộc chiến này là ai?”

Lievenbach: “Còn ai vào đây nữa, ngoài cái nhóm “Còn nước còn tát”.”

Foppenbrouwer: “Tôi biết là ngài chẳng mấy thân thiện với nhóm này.”

Lievenbach: “Ai cũng biết là tôi rất ghét nhóm ấy.”

Foppenbrouwer: “Hẳn là ngài phải dùng mọi phương cách để chống lại họ, chẳng hạn như lấy

dữ kiện từ những tài liệu mật, có phải vậy không?”

Lievenbach: “Với cương vị của mình, tôi có thể tiếp cận các cơ quan chức năng chẳng khó khăn gì. Nhất là khi tôi đã quyết theo đến cùng vụ này.”

Foppenbrouwer: “Vậy là ngài biết mục đích tranh đấu của nhóm “Còn nước còn tát”.”

Lievenbach: “Dĩ nhiên là cho môi trường rồi.”

Foppenbrouwer: “Thế ngài có quan tâm đến môi trường không?”

Lievenbach: “Có chứ. Kể cả khi đã đóng cửa Oosterschelde thì môi trường vẫn ổn chứ sao. Và xin ông Foppenbrouwer nhớ cho, trước tiên chúng ta phải nghĩ đến an ninh cho dân chúng vùng này.”

Foppenbrouwer: “Phải vậy nên ông mới kiên quyết chống nhóm “Còn nước còn tát” chẳng?”

Lievenbach: “Đúng thế. Tất cả cho một lợi ích chính đáng.”

Foppenbrouwer: “Ngài có nghĩ rằng nhóm này đã tranh đấu một cách thẳng thắn không?”

Lievenbach: “Ông cho là thẳng thắn ư? Họ phân phát những tài liệu láo toét, lại còn dán những truyền đơn ngớ ngẩn lên cửa sổ khắp cơ quan chúng tôi.”

Foppenbrouwer: “Ông cho việc đấy là hèn hạ?”

Lievenbach: “Hèn kém ư? Không phải người nào cũng cao thượng cả đâu, chúng ta đành phải chấp nhận điều đó.”

Foppenbrouwer: “Thưa ngài Lievenbach, nếu bây giờ Ủy ban Klaasesz đề xuất ý kiến tiếp tục mở cửa Oosterschelde thì liệu ngài còn tranh đấu tiếp hay không?”

Lievenbach: “Không bao giờ.”

Foppenbrouwer: “Vậy ngài sẽ làm gì?”

Lievenbach: “Tôi không cho rằng việc này có khả năng xảy ra. Mà nếu có thì tôi sẽ chuyển về Den Haag. Nhưng bỏ cuộc thì không bao giờ. Không. Trong trường hợp ấy, tôi sẽ âm thầm tìm cách tiếp tục đấu tranh. Tôi sẽ làm vậy, chắc như đinh đóng cột, an ninh của vùng Zeeland, an ninh của vùng Tây nam Hà Lan đòi hỏi rằng...”

Foppenbrouwer: “Tiếc là chúng tôi không có nhiều thì giờ. Vậy ngài có lo ngại cho an ninh dọc bờ Oosterschelde này không?”

Lievenbach: “Chẳng có gì phải lo ngại cả. Giải pháp tôn đê có thể đảm bảo cho an ninh vùng này được.”

Foppenbrouwer: “Xin cảm ơn ngài Lievenbach.”

*

Để lấy cảnh cho đoạn kết của cuộc phỏng vấn, Harry đề nghị hai người này làm bộ như tiếp tục nói. Và từ một khoảng cách xa anh thu hình hai người đàn ông đứng nói chuyện với nhau trên bờ đê cạnh dòng Oosterschelde.

Sau đấy, mọi người trở lại quán cà phê. Lievenbach uống thêm cốc bia, có vẻ lần nữa chưa muốn đi ngay. Arie lại có vẻ sốt ruột vì anh e rằng Lievenbach có thể sẽ tò mò hỏi về cuốn phim tài liệu cũng như cơ quan chủ quản của họ.

“Thôi, tôi phải đi đây” Lievenbach đột nhiên nói. “Tạm biệt ông Foppenbrouwer nhé.”

“Tôi sẽ gọi điện hoặc viết thư thông báo để ngài biết ngày phát sóng chương trình.”

“Được thế thì tốt quá. Cảm ơn ông.”

Chờ cho Lievenbach đi khuất, ba người quay trở lại đê. Arie mặc bộ com-lê vì anh đóng vai Foppenbrouwer, còn hai người kia có vẻ đồng điệu với nhau.

Trông Toos hấp dẫn hơn bao giờ hết. Anh chàng Harry nhập chuyện một cách dễ dàng. Chỉ sau mười bước, anh đã quàng tay ôm vai Toos, mặc kệ cho chiếc máy quay kèn càng trên vai. Thừa dịp, anh khẽ phát nhẹ vào bộ mông Toos tròn căng dưới lớp quần jean để rồi lãnh một cái bạt tai khá mạnh.

Arie thầm nghĩ một cách thất vọng là cô nàng này ngoài tầm tay mình rồi, thế mà mình lại yêu cô ta điên cuồng. Một cô gái có cá tính mạnh như Toos có lẽ hợp với những anh chàng xông xáo, bạo dạn như Harry, chứ không thích hợp với kiểu người tẻ ngắt như mình. Mà có thật anh là người tẻ ngắt không, bởi vì trên lớp anh từng làm cho tụi học trò cười vỡ bụng, anh có cả khối bạn bè, và họ đều thích anh, nhưng đối với đàn bà con gái thì... Mẹ kiếp sao anh không thử vỗ vào cặp mông tròn lẳn đấy một lần xem sao nhỉ. Trở lại chỗ phỏng vấn ban nãy, Arie hỏi: “Em có ghi đầy đủ không?”

“Có chứ.” Toos đáp. Cô lấy mảnh giấy ra và đọc rõ ràng từng câu hỏi, câu trả lời trong cuộc phỏng vấn.

“Bây giờ thì đọc càng trôi chảy càng tốt, nếu không ánh sáng thay đổi nhiều quá.” Harry nói.

“Được rồi Toos ơi, em đọc lại câu trả lời đầu tiên của lão Lievenbach.”

*

Quãng bảy giờ Toos và Arie lái xe trở về Yerseke. Trên đường họ dừng xe để ăn tối. Hai người ngồi đối diện nhau chẳng được tự nhiên cho lắm. Có cái gì đó xáo động trong cô. Anh chàng Harry đã làm gì khiến cô mất đi cái vẻ lạnh lùng thường ngày.

“Anh thấy tay Harry này thế nào?” Toos hỏi.

“À, mềm mấp lắm. Thế em nghĩ sao?”

Cô nhún vai: “Cũng vui. Dễ thương đấy chứ.”

“Vẫn còn dịp mà. Anh ta còn khối việc cần làm chung với chúng ta.”

Toos gật đầu. Hai người im lặng. Giờ mình phải nói câu gì cho có vẻ bùi tai. Arie thầm nghĩ. Na ná như Harry vậy. Nhưng anh không biết. Anh chẳng thể nói giống như Harry “Kìa trông em ngon lành quá”. Những từ đó không tài nào bật ra khỏi miệng anh được. Nhớ lại cái lần duy nhất anh đóng kịch ở trường. Anh vào một vai phụ nhỏ nhất, chỉ có mỗi việc là trước giờ giải lao anh bước lên sân khấu để giới thiệu một màn bi kịch:

“Thưa các ông, các bà, chiếc tàu của Ramirez chở người và chuột tiếp tục đi.”. Chẳng hiểu anh nói kiểu gì, mà chưa dứt lời thì cả rạp bò ra cười lăn.

Lần này anh vẫn nói: “Toos ạ, trông em ngon lành quá.”

Lịch sử lặp lại. Toos nhìn anh bật cười giống như những khán giả hồi xưa.

Trông anh thật khổ sở. Toos cố nén cười mà không được.

“Ta đi thôi”

Họ cùng ra lấy xe ngoài bãi đỗ cạnh nhà hàng. Khi đã vào trong xe, Toos nói: “Anh nhắc lại lời anh vừa nói đi.” Cô ngồi sát vào anh. “Trông em ngon lành...”

Thế là họ hôn nhau. Một cái hôn dài. Tưởng như không dứt...

“Em chờ mong nó suốt hai năm nay”

“Anh cũng vậy. Chúng mình lãng phí nhiều thời gian quá. Anh cứ tưởng là em chẳng đoái hoài gì đến anh.”

“Dĩ nhiên là có chứ. Anh phải hiểu là tại sao em tham gia vào “Còn nước còn tát” chứ?”

“Em cũng thế ư?”

“Nói cho anh nghe này. Tất nhiên không chỉ vì thế, nhưng công việc ở đây đã khơi dậy sự hăng say làm việc trong em.”

“Và để biết ơn ủy ban này đã cho chúng ta cơ hội gặp gỡ nhau, thì cần tiếp tục giữ sự hăng say đó.” Dứt lời, Arie trao cổ một cái hôn dài tưởng như nghẹt thở.

*

Jos de Visser có vẻ bức dọc bởi anh vừa tính nhầm sổ sách, điều chưa từng xảy ra trong ba năm nay. Thế nên, hôm nay anh về nhà sớm hơn thường lệ. Ngồi một chỗ chờ đợi tin tức người khác là điều anh rất ghét. Anh rất nóng lòng muốn biết công việc đến đâu. Toos và Arie hứa là quay phim xong sẽ đến gặp anh ngay, nhưng chín giờ rồi mà vẫn chẳng thấy tăm hơi họ đâu. Không biết có chuyện gì xảy ra? Trời đã tối sầm từ lâu thì còn phim phiếu gì nữa. Để giết thì giờ, anh đến dự buổi họp bàn tổ chức cuộc “thủy chiến” thứ Bảy tới. Ủi chao, cứ cho là thủy chiến đi. Anh nghe người ta nói là thứ Bảy tới những ông nghị sẽ đi du thuyền đến xem xét mấy cái giàn giáo ở cửa biển Oosterschelde. Jos nghĩ sẽ rất hay nếu anh vận động được mấy ông chủ thuyền đánh cá tổ chức một đội thuyền đi hộ tống chiếc du thuyền, mà càng đông người càng tốt. Anh đã gọi điện nhờ Valeer vận động những chủ thuyền ở Zierikzee tham gia. Giờ anh bận ngồi nghĩ mấy câu khẩu hiệu để hôm tới cho các chủ thuyền giăng lên tàu của họ. Khoảng mười một giờ rưỡi, Toos và Arie mới tới.

Arie nói: “Giờ ời, Harry nào là cứng, là yêu phỏng có ích gì, cậu thử đoán xem ai là kẻ thắng trong vụ này?”

“Mình chẳng thích mấy cái trò đoán này.”

“Tớ đây”

“Được lắm, rõ như ban ngày thế thì còn gì bằng.”

“Coi này,” Toos đánh trống lảng, mặt đỏ bừng vì thẹn, cô rất ngại nói với người khác những chuyện đó. “Chiều nay, mọi việc diễn ra một cách êm thấm. Em nghĩ là những màn quay rất đẹp, Harry có thể làm nên những thước phim tuyệt vời. Sau đấy, Arie và em quên bằng mất..., biết nói thế nào nhỉ... Có phải anh định phân công mấy người trong nhóm chúng ta lên các thuyền biểu tình không? Nếu được thì anh bố trí cho em và Arie lên cùng một thuyền nhé”

Mặt Jos giãn ra, cười toe toét. Anh đề nghị uống một chút gì để ăn mừng.

Uống rượu và chúc nhau xong, Toos lấy bản tốc ký cuộc phỏng vấn ra đọc. Jos xoa tay hài lòng. Kế hoạch xem ra khá suôn sẻ. Nhưng trong đầu anh lại lóe lên câu hỏi liệu nó có khả thi hay không.

*

Thứ Bảy này quả là một ngày đáng nhớ. Hầu hết tàu đánh cá ở Yerseke tham gia, thêm vào là đông đảo những tàu đến từ Zierikzee. Tàu nào cũng được trang hoàng rực rỡ với đủ loại cờ to nhỏ và những biểu ngữ, khẩu hiệu bày tỏ ý kiến của dân chài về việc đóng cửa đập Oosterschelde, vấn đề sinh tử với họ. OOSTERSCHELDE MỞ THÌ SỐNG, OOSTERSCHELDE ĐÓNG THÌ CHẾT, là khẩu hiệu của tàu YE 56. ĐÓNG OOSTERSCHELDE THÌ CÒN ĐÁU BIỂN CÁ, là khẩu hiệu đầy chất thơ của chiếc YE 62. Còn chiếc YE 96 lại đưa ra một khẩu hiệu khá hùng hồn NỔ TUNG CÁI ĐẬP CỦA CÁC NGƯỜI ĐI. Như thế là mọi người đều đưa ra ý kiến về việc đóng hay mở Oosterschelde, mà ít nhiều có bàn tay sắp xếp của Jos.

Thế là như một hạm đội rực rỡ màu sắc, trong bầu không khí hòa bình, đoàn tàu đánh cá xuôi theo dòng Oosterschelde. Tàu nào cũng đầy ắp người, nói cười vui vẻ. Jos ngồi trên chiếc tàu với Van Doeveren, do chính ông cầm lái. Arie và Toos thì lên tàu De Brabbel, gọi thế vì ông này có tật nói rất nhanh. Piet cũng tham gia. Anh theo tàu của ông Van Ier. Ông này chiều Valeer để cậu cầm lái. Lijn Jekel cũng có mặt. Mà ai chẳng thế.

Quãng giữa trưa hạm đội này đón lòng chiếc du thuyền, trên đó có các nghị sĩ, mấy tay nhà báo, và ông thống đốc tỉnh Zeeland. Một hồi còi dài vang lên từ những chiếc tàu đánh cá. Một số nhà báo và mấy ông nghị sĩ có khuynh hướng ủng hộ việc mở Oosterschelde, coi đấy như lời chào đón nồng nhiệt, mà với những người khác giống như những tiếng hăm dọa đầy thù nghịch. Các tàu đánh cá bủa quanh chiếc du thuyền như thế nó là một chiếc hàng không mẫu hạm chở đồ quý giá được một đội thuyền chống thủy lôi hộ tống. Ai nấy đều vui vẻ, chỉ trừ mấy ông muốn đóng cửa Oosterschelde thì tức giận ngồi nghiêng răng kèn kẹt...

Tuy nhiên một người có vẻ không vui là ông chủ tàu PR 18, một chiếc tàu cao tốc của đội bảo vệ đường sông. Chiếc tàu gầm rú lượn quanh các thuyền đánh cá, để lại những đợt sóng trắng xóa phía sau.

“Tôi yêu cầu các ông tránh xa ra chỗ khác,” một viên cảnh sát nói qua loa phóng thanh.

“Đừng làm trò nhé” ông Van Doeveren đáp lại, “theo như tôi biết luật pháp cho phép chúng tôi được quyền tự do lưu thông trên dòng Oosterschelde cũng như tự do phát biểu ý kiến. Mục đích của chúng tôi là hộ tống ông thống đốc ra xem khu giàn giáo. Và để phát biểu ý kiến của chúng tôi.” Vừa nói ông vừa chỉ tay vào các biểu ngữ:

NỔ TUNG CÁI ĐẬP CỦA CÁC NGƯỜI ĐI

Rõ ràng là mọi người có vẻ bất bình với nhân viên đội bảo vệ đường sông. Ông thống đốc cũng không giữ được vẻ trầm tĩnh thường lệ. Bỏ ngoài tai, ông Van Doeveren cho tàu đánh cá xa khỏi chiếc du thuyền. Chẳng biết vô tình hay hữu ý mà chiếc tàu của đội bảo vệ đường sông

lại chạy hướng theo tàu của ông Van Doeveren để rút cuộc hai chiếc đụng nhau. Cũng không mạnh lắm nhưng cũng đủ để cho ông Cor Tut, khoảng chừng sáu mươi, đang đứng trên tàu Ye 96, ngã phịch xuống sàn tàu. Cor Tut kêu đau “ái” một cái, song không bị thương tích gì. Mặc dù va vào nhau nhưng cả hai chiếc tàu đều không hề hấn gì. Dù vậy, ông thống đốc vẫn yêu cầu lập biên bản xử lý vụ việc này. Thế là cuộc vui xem như tàn. Nhất là với mấy ông nghị sĩ, mà đa số trong đấy là những người ủng hộ việc xây đập, thì ngày vui của họ hôm nay thế là đã đi tong. Tuy nhiên, có một vài người trong số đó ủng hộ nhóm “Còn nước còn tát” hứa ra tòa làm chứng cho ông Van Doeveren. Và họ đã giữ lời. Hai tuần sau, tòa án sơ thẩm ở Zierikzee đem vụ này ra xử. Luật sư biện hộ cho Van Doeveren là người từng đứng ra bênh vực cho các nhóm tranh đấu bảo vệ môi trường. Có đến một nửa số dân địa phương đến xem tòa xử vụ này. Luật sư bào chữa cho rằng nhóm “Còn nước còn tát” và những tàu đánh cá không có mục đích gì xấu cả. Chẳng có mấy chiếc du thuyền lại được chào đón long trọng, vui vẻ như vậy. Và ông nhắc lại lời của Van Doeveren là ai cũng có quyền tự do lưu thông trên dòng Oosterschelde và tự do phát biểu ý kiến, có phải vậy không? Phút gay cấn nhất là khi nhân chứng Cor Tut trình trước chìa khóa bị móp ra trước tòa. “Nguyên nhân là tôi bị ngã”, ông ta làu bàu “nhưng tôi không đòi hỏi ai phải bồi thường cho chiếc chìa khóa.”

Việc chỉ huy đội bảo vệ đường sông định nói điều gì đó, nhưng Cor Tut đã cướp lời: “Tôi hy vọng là sẽ có một ngày ông cũng bị ngã phịch xuống, nhưng tệ hơn ông sẽ phải nằm trên giường một tuần lễ.”

Cả phòng xử án cười rộ lên làm cho viên chỉ huy đành ngậm miệng.

Hai tuần sau tòa tuyên án. Có lỗi nhưng không bị phạt. Người ta uống bia để ăn mừng lệnh xử này. Mọi người góp tiền để trả cho ông luật sư bào chữa. Lại thêm một giai thoại gắn với lịch sử dòng Oosterschelde.

Sau đấy, vào mùa thu năm 1973, một trận bão lớn xảy ra. Ở một vài nơi, nước dâng cao chỉ kém hai tấc so với mực nước năm 1953. Không có thiệt hại gì.

Thế nhưng, đây là cơ hội cho một số viên chức trong ban quản lý đê điều, mấy ông dân biểu, ông bộ trưởng công chính, các ông nghị sĩ đại diện tỉnh Zeeland và những người sống sót trong trận bão năm 53 chỉ tay thề quyết tâm đóng cửa Oosterschelde. Trong khi đó các thành viên của nhóm “Còn nước còn tát” ngồi lại bàn, tiếp tục viết truyền đơn, và khi lời nhận định của ông chủ tịch sau khi tóm tắt tình hình hiện thời”

“Các bạn ạ, cuộc chiến đấu của chúng ta vẫn còn ở phía trước.”

Chương 18

Từ nhiều tuần nay, Anne thấy Valeer có vẻ gì khang khác. Nó đang lo nghĩ, toan tính chuyện gì. Chị biết tính cậu con út không thích phiền hà đến người khác và chính điều này càng làm chị yêu cậu hơn. Chắc hẳn thằng nhỏ đang kẹt không biết nên ủng hộ bố hay là nhóm “Còn nước còn tát”. Cũng không hẳn, vì nó từ lâu đã nghiêng về phe mở Oosterschelde. Có lẽ nhóm này giờ định làm gì đấy dính dáng đến Henk khiến Valeer rơi vào tình trạng khó xử.

Thật đáng tiếc, cậu con mười bảy tuổi của chị lâm vào thế bí. Chị nghĩ thầm liệu mình có thể can thiệp được không nhỉ. Hẳn không có gì quá khó. Trong nhà, thằng nhỏ to cao nhất, còn chị thì ngược lại.

Mà ngay bản thân Anne cũng đang lâm vào thế kẹt, chẳng riêng gì Valeer. Lâu nay chị vẫn thầm nghĩ việc đóng cửa Oosterschelde chẳng còn cần thiết nữa. Trận bão tháng Mười hai vừa rồi và những cuộc bàn cãi tiếp sau... Bọn trẻ thế mà có lý. Nếu hai mươi năm sau trận bão năm 1953, người ta vẫn cứ để mấy cái đê xập xệ như thế thì thế nào thiên hạ chẳng lo sợ. Nhưng đấy chỉ là một luận cứ nhỏ để biện hộ cho việc xây đập. Cứ cho là giải pháp đóng Oosterschelde giảm bớt ba mươi lần cơ nguy lũ lụt, nhưng nghiêm trọng hơn nó không chỉ hủy hoại cả một vùng môi sinh mà còn tận diệt nghề mưu sinh của dân chài địa phương. Rõ ràng có bàn tay của nhóm tư bản công nghiệp nhúng vào, Anne nghĩ. Những kế hoạch đầu tư, những dự trù kinh phí... những mục đích mà cơ quan thẩm quyền không nói ra. Vả rành rành ra đấy người ta có đóng mấy nhánh biển thông với Rotterdam và Antwerpen đâu. Còn về mặt chuyên môn, chị vẫn chú trọng đến ý kiến của chồng chị. Anh là chuyên viên trong ngành, học hành đến nơi đến chốn, lại có nhiều năm kinh nghiệm. Xây cất những công trình đê điều là lẽ sống của đời anh. Nhưng trên hết thấy là tình yêu chị dành cho anh. Chị cảm giác là anh đã thất vọng khi chị không hoàn toàn ủng hộ quan điểm của anh, mà ỷ lại cho Ủy ban Klaasesz quyết định thay. Nếu chị không ủng hộ anh, biết đâu anh lại nghĩ rằng chị không tin vào kiến thức chuyên môn của anh. Điều mà đàn ông ai cũng kỵ. Nhưng chị phải có lập trường riêng chứ, lúc nào chẳng thế, kể từ lúc còn bé. Mà đây không đơn thuần là vấn đề kỹ thuật.

Một buổi chiều chị đang nấu nướng ở trong bếp thì Valeer bước vào. Chị kiễng người lên kéo cái đầu dày tóc của cậu con xuống.

“Cúi xuống mẹ thơm cái nào.”

“Sao mẹ không nhảy lên đây?” Dứt lời, Valeer nhắc bổng chị lên như một đứa con nít. Người nó nồng nặc mùi biển. Má chị chạm vào những sợi râu mềm trên mặt cậu con.

Chị bảo Valeer: “Nào ngồi xuống đây, mẹ pha cho cốc cà phê.”

Chị vịn nhỏ bếp ga xuống. Hai mẹ con ngồi nói chuyện trong bếp.

“Có gì mà phải bận lòng?” Anne hỏi, nhắc lại lời bài hát của Piet Paaltjes[5] mà ai trong nhà chị cũng biết.

“Có gì làm con phải bận tâm ư?”

“Ừ, mẹ nghĩ thế. Có cái gì đó.”

Valeer suy nghĩ một lúc. Nó đưa mắt nhìn mẹ.

“Chẳng gì lọt qua được mắt mẹ, phải không ạ?”

“Đương nhiên rồi, nhất là những việc dính dáng đến bố con nhà cậu,” Anne nói.

“Mẹ nói cho con nhé, mình có thể đơm đặt những lời của người khác được không ạ?”

“Không nên, con ạ.”

“Nhưng nếu người ta đơm đặt về mình thì mình có thể đặt điều lại được không?”

“Cũng không được,” Anne nói.

“Thế nếu như tự mình đơm đặt chuyện của mình nhằm vạch trần sự thật thì sao?”

Anne nghĩ hồi lâu: “Con có thể đưa ra một ví dụ được không?”

“Không, không thể được. Con đã hứa với tụi bạn trong nhóm “Còn nước còn tát” là không hề rảnh nói với bất kỳ ai, kể cả người nhà.”

“Mẹ hiểu.” Chị gật đầu tán thành.

“Còn bây giờ con hỏi mẹ điều này, tất nhiên không phải là điều con đã hứa, nhưng mẹ không được nói cho ai đấy nhé.” Valeer nói. “Mẹ biết Lievenbach chứ? Mẹ thấy ông này thế nào?”

“Một người khó chịu.”

“Con phát hiện... à không, con nghĩ là Lievenbach đã đặt bom trong kho lưu trữ ở cơ quan Delta.”

“Con bảo sao cơ?”

“Đúng thế, để bôi nhọ những người không ủng hộ việc xây đập. Bọn con muốn lột mặt nạ lão ta. Mẹ nghĩ xem, giả dụ nếu việc đấy không thành, mà lão Lievenbach biết là con có tham gia vụ này thì có rắc rối gì cho bố không?”

Đẩy lại chuyện này nữa, Anne nghĩ. Bọn trẻ luôn lo lắng cho bố mẹ, ngay cả khi chúng đã đủ lông đủ cánh, có cuộc sống riêng. Chị nhớ lại những lần cãi lộn với bố chị ngày trước. Nào là đi hay không đi nhà thờ. Tắm trường hay không được tắm trường. Rồi thì được hay không được lái xe máy.

“Con này,” chị chậm rãi nói, “hãy làm theo những gì mà con cho là hợp nhẽ. Bố là người lớn, dày dặn kinh nghiệm, chắc sẽ tự thu xếp được. Con không phải lo cho bố đâu.”

“Ý con không nói bố là người yếu ớt.”

“Mẹ hiểu mà.” Chị rướn người đứng lên vịn to bếp ga, ngang qua Valeer, rồi chị âu yếm kéo đầu cậu con vào lòng.

*

“Được rồi. Mọi việc xếp sắp đâu vào đấy cả,” Jos nói. “Tớ đã viết thư thông báo cho Lievenbach là tám giờ hai mươi tối mai trên đài Nederland I sẽ phát cuộc phỏng vấn.

Trong trường hợp có chương trình của các đảng phái chính trị thì sẽ chiếu muộn hơn một chút, vào lúc tám rưỡi. Nói vậy thôi, chứ tớ dám chắc lão ta vịn sẵn ti vi để đón xem chương trình của đảng PSL.”

“Thế có tổn đồng nào không ạ?”

“Không. PSL cho chúng ta hai phút phát sóng miễn phí. Thực ra thì họ đâu mất đồng nào. Nếu ta phát sóng trong tuần qua chương trình quảng cáo STER thì mất nhiều tiền. Nhưng khỏi lo, ngành sản xuất nghêu thu được khối lợi nhuận, có thể nào mà họ lại ngần ngại chi tiền cho chúng ta làm vụ này.”

Hầu hết các thành viên của nhóm đều có mặt trong buổi họp để nắm bắt tin tức, kế hoạch mới.

“Tớ không có máy quay để chiếu phim cho các cậu xem. Chịu khó chờ tối mai mở ti vi mà coi.”

“Xem xong phóng sự, hẳn lão sẽ tức giận gọi điện cho ai đấy hoặc người ta sẽ gọi điện cho lão. Giả dụ ông giám đốc Delta chẳng hạn,” Lijn Jekel nói.

“Mọi cái đều được tiên liệu.” Jos tiếp tục. “Gần cuối phóng sự, Toos gọi điện cho lão nói là Arie và tớ sẽ đến gặp lão ngay sau đó. Phải bố trí sao cho lão ta không nhận được bất cứ cú phôn nào, ngoài chúng ta. Phần còn lại, chắc các cậu tự đoán được.”

Tối hôm sau, Lievenbach bật ti vi từ trước tám giờ nhưng chẳng phải để theo dõi tin tức. Lão ta chờ đợi một cách thích thú vì chỉ mấy phút nữa thôi lão sẽ thấy mình hiện ra trên ti vi. Chương trình quảng cáo vừa dứt, lão tức tốc gọi vợ mang cà phê ra ngay, bởi lão chẳng thích bị quấy rầy lúc đang xem. Giờ thì đến cú sốc. Sau khi kêu gọi dân chúng bỏ phiếu cho đảng PSL trong kỳ bầu cử tới, đại diện của đảng này tuyên bố dành vài phút trong chương trình cho các nhóm hoạt động xã hội, mà cụ thể là nhóm “Còn nước còn tát” về vấn đề mở Oosterschelde.

Tiếp đó, Foppenbrouwer hiện ra và mở đầu:

“Thưa quý vị khán giả, hẳn quý vị cũng biết là càng ngày càng có nhiều người tin vào giải pháp mở nhánh biển Oosterschelde. Một trong số những người ủng hộ hàng đầu đó là kỹ sư Lievenbach, nhân viên cao cấp thuộc cơ quan Delta.”

Lievenbach thấy mình trên màn hình, trong khi Foppenbrouwer hỏi:

“Thưa ngài Lievenbach, liệu có phải là khác thường không khi một kỹ sư cao cấp của cơ quan Delta lên tiếng chống lại việc xây đập ở Oosterschelde?”

Lievenbach trả lời:

“Không một mảy may. Toàn thể cán bộ nhân viên trong cơ quan công chính đều ủng hộ việc này.”

“Ê, Maurits, anh nói gì vậy?” Bà Lievenbach hỏi chồng.

“Im,” Lievenbach gằn giọng.

Cuộc đối thoại tiếp tục:

Foppenbrouwer: “Theo ngài tại sao phải mở Oosterschelde?”

Lievenbach: “Dĩ nhiên là cho môi trường rồi.”

Foppenbrouwer: “Vậy ngài có phải là người đấu tranh cho thiên nhiên và môi trường hay không?”

Lievenbach: “Tôi nghĩ rằng ít có ai tranh đấu hết mình như bản thân tôi.”

Foppenbrouwer: “Thế ngài không nghĩ đến vấn đề an sinh của dân chúng nếu cứ mở cửa Oosterschelde hay sao?”

Lievenbach: “Chẳng có gì phải lo ngại cả. Giải pháp tôn đê có thể đảm bảo cho an ninh vùng này được.”

Foppenbrouwer: “Theo ngài nhóm nào tranh đấu tích cực nhất cho việc mở Oosterschelde?”

Lievenbach: “Còn ai vào đây nữa, ngoài cái nhóm “Còn nước còn tát”.

Foppenbrouwer: “Cảm ơn ngài về những ý kiến thẳng thắn. Khi một viên chức quan trọng của Bộ Công chính như ngài đây đã tuyên bố như vậy thì việc mở Oosterschelde là chuyện đương nhiên.”

Lievenbach chồm dậy giận dữ: “Ồ khốn nạn.Ồ...”, đúng lúc ấy chuông điện thoại reo lên kịp thời ngăn chặn những lời lẽ nặng nề hơn. Lievenbach giật mạnh ống nghe.

Có tiếng nói ở đầu dây bên kia: “Toos đây. Ngài còn nhớ cô trợ lý trường quay không? Hẳn ngài đang rất tức giận nhưng tôi khuyên ngài chớ có mất động. Ngài sắp có khách đấy. Phải, tôi đang nghe có tiếng bấm chuông. Chắc họ đã đến. Tôi khuyên ngài đừng vội làm gì trước khi nói chuyện với họ và cũng đừng cúp máy, bởi có rất nhiều người đang muốn nói chuyện với ngài đấy, như báo chí chẳng hạn. Vậy nhé, chào ngài Lievenbach.”

Trong lúc đấy thì bà Lievenbach đã mở cửa mời khách vào. Jos và Arie bước vào.

“A, De Visser!” Lievenbach nói giọng giận dữ. “Tôi đâu có ngờ. Hóa ra anh cũng ở trong cái hội này ư?”

“Và tôi là Arie Puyk, giáo viên ở Yerseke.”

“Biến khỏi nhà tôi ngay. Các người đã lừa gạt tôi một cách bỉ ổi. Luật sư của tôi sẽ nói chuyện với các anh về việc này, mà chắc chắn số tiền bồi thường sẽ không nhỏ đâu.”

“Tôi biết là ngài đang rất tức giận,” Jos từ tốn nói. “Nhưng ngài sẽ phải giận hơn nữa. Việc làm của chúng tôi quả là bỉ ổi, nhưng nó sẽ còn bỉ ổi hơn nữa. Xem nào, khi chúng tôi rời nơi đây, ngài sẽ gọi ông giám đốc cơ quan Delta, ông luật sư, cả báo chí nữa. Chúng tôi đã trù liệu, trong trường hợp ấy chúng tôi sẽ cho chiếu một chương trình phỏng vấn mới. Nội dung vẫn thế, nhưng cắt dán kiểu khác. Chắc ngài cũng muốn đọc trước xem nó như thế nào?”

Jos đưa cho Lievenbach mảnh giấy. Lievenbach cầm lấy đọc, mặt mày tái nhợt, ngồi xuống ghế. Tờ giấy ghi:

Foppenbrouwer: “Thưa quý vị khán giả, tối nay chúng tôi loan báo một tin quan trọng. Chắc quý vị còn nhớ vụ bom nổ ở kho lưu trữ của cơ quan Delta ở Zierikzee. Lúc ấy có tin đồn rằng nhóm “Còn nước còn tát” đã nhúng tay vào đó. Nhưng hôm nay thủ phạm đã bị cảnh sát tóm được. Với sự thỏa thuận của cơ quan cảnh sát, chúng tôi đã thực hiện cuộc phỏng vấn đặc biệt thủ phạm ở cạnh bờ Oosterschelde, nơi mà mọi sự bắt đầu. Ông Lievenbach, ông có thể cho biết làm thế nào ông đã phạm tội?”

Lievenbach: “Ai cũng biết là tôi rất ghét nhóm ấy.”

Foppenbrouwer: “Ông cũng muốn cho mọi người biết nhóm này gồm toàn những thành phần nguy hiểm, vô chính phủ phải không?”

Lievenbach: “Vâng, đúng.”

Foppenbrouwer: “Khi đặt quả bom này ông muốn vu khống nhóm này phải không?”

Lievenbach: “Đúng thế. Tất cả cho một lợi ích chính đáng.”

Foppenbrouwer: “Làm thế nào ông kiếm được quả bom đó?”

Lievenbach: “Với cương vị của mình, tôi có thể tiếp cận các cơ quan chức năng chẳng khó khăn gì. Nhất là khi tôi đã quyết theo đến cùng vụ này.”

Foppenbrouwer: “Ông không cho việc đó là hèn hạ ư?”

Lievenbach: “Hèn hạ? Không phải người nào cũng cao thượng cả đâu, chúng ta đành phải chấp nhận điều đó.”

Foppenbrouwer: “Thế ông có ân hận không?”

Lievenbach: “Không bao giờ.”

Foppenbrouwer: “Ngay cả khi ông phải ở tù vì việc đó?”

Lievenbach: “Tôi sẽ âm thầm mưu tính tìm cách tiếp tục tranh đấu.”

Foppenbrouwer: “Cảm ơn ông Lievenbach.”

Đọc xong, Lievanbach lặng người đi không nói được câu nào.

“Ngài cho phép chúng tôi ngồi xuống một lát chứ?” Jos hỏi, và không đợi trả lời, anh ngồi xuống luôn.

“Thế các anh định chiếu nó tối mai à?” Lievenbach lầu bàu.

“Đúng thế,” Jos hăng say. Trong mục quảng cáo. Dự kiến số khán giả là năm triệu.”

Trong khi ấy bà Lievenbach giật tờ giấy khỏi tay chồng, đọc nhanh.

“Maurits, anh không làm chuyện này chứ?”

“Chúng tôi có chứng cứ trong tay,” Jos phỉnh gạt.

“Chúng có đâu?”

Jos cười. “Ồi giờ! Nói toạc ra thì bằng chứng gửi tới cảnh sát hình sự cả rồi, chẳng phải đâu xa.”

“Giờ các anh định sao?”

“Nói chuyện thôi,” Arie lên tiếng. “Này nhé, những gì chúng tôi làm là không tốt. Ở trường tôi

vẫn thường dạy học trò không được nói dối, phỉnh gạt ai, kể cả những chuyện đơm đặt.”

Jos nói thêm: “Mặc dù người ta đã xuyên tạc về chúng tôi trước công chúng nhiều gấp trăm lần.”

“Đúng vậy,” Arie tiếp lời. “Cho nên chúng tôi thấy rằng có thể giải quyết việc này bằng thương thuyết. Nếu ngài đồng ý xác nhận trước công chúng buổi phỏng sự đó là sự thực hoàn toàn thì chúng tôi sẽ hủy cuốn phim sau.”

“Vậy tôi phải thừa nhận là tôi ủng hộ việc mở Oosterschelde ư?”

“Chính xác”

“Làm sao được, cả cái tỉnh Zeeland này, ai mà chẳng biết tôi là người ủng hộ hàng đầu cho việc đóng cửa Oosterschelde.”

“Thưa ngài Lievenbach,” Jos mỉm cười. “Thiếu gì người đổi ý kiến như cơm bữa đấy thôi. Chắc ông sẽ ngạc nhiên khi thấy chẳng mấy ai xem đấy là chuyện là khi thấy ông hôm nay ủng hộ cái điều mà hôm trước ông bác bỏ.”

“Thay đổi đột ngột một trăm tám mươi độ như vậy thì cái ghế của tôi ở cơ quan Delta khó mà giữ được.”

“Rõ là vậy,” Jos tán thành. “Thế nên ta mới phải ngồi nói chuyện với nhau. Và nếu tối mai chúng tôi cho chiếu tiếp cuộn phim kia thì không cách gì cứu vãn được cái địa vị của ông đâu. Thôi, có lẽ ta nên đi, Arie nhỉ?” Họ đứng dậy.

“Bộ các anh không muốn nghe câu trả lời của tôi sao?” Lievenbach rầu rĩ hỏi.

“Khỏi cần,” Jos nói. “Nếu ngài cần suy nghĩ thêm thì tối mai nhớ mở vô tuyến ra mà xem. Chào bà Lievenbach.”

Ra khỏi nhà Lievenbach, Arie lấy tay đỡ ngực: “Ồi giời, mình run quá tưởng muốn quy xuống, cậu tin không?”

“Tớ cũng chẳng hơn gì cậu đâu,” Jos nói. “Nhưng ta đã toàn thắng. Thằng nhỏ Valeer đoán thế mà đúng.”

“Ừ,” Arie công nhận. “Cứ làm hai ba vụ kiểu này thì chẳng mấy tớ thành ông già lụ khụ.”

“Thế thì còn làm ăn gì được với Toos.” Jos đùa lại. “Nào, giờ thì ta đến báo tin cho cô ấy và cả nhóm biết.”

Họ phóng xe như bay đến Yerseke, các hội viên đang chờ đón họ trong không khí ăn mừng chiến thắng.

*

“Thế này là nghĩa lý gì,” Henk nói sau khi xem chương trình ti vi. “Em có thấy không?”

“Vâng, những chuyện là trên đời này vẫn còn nhiều lắm.” Anne trả lời.

“Thay đổi xoành xoạch. Cái đồ đười ươi gian dối này. Ít ra thì lão cũng phải đánh tiếng cho đồng nghiệp biết chứ.”

Anne nghĩ khác, nhưng chị muốn nói chuyện với Valeer trước, mà thằng nhỏ giờ không có nhà.

Ngày hôm sau, Henk về ăn trưa. Đạo này anh hay về nhà hơn trước. Tuy còn tùy thuộc công việc có bận rộn hay không.

“Anh có gặp Lievenbach không?” Anne tò mò hỏi.

“Có, nhưng lão ta không nói gì.”

“Không nói gì ư?”

“Nói loanh quanh chi đó, chẳng ai hiểu điều gì xảy ra với lão. Lão ta tuyên bố đã thay đổi quan điểm về việc xây đập, bảo rằng lão ta thấy cần thiết để cho công luận biết việc này. Lão cũng xin chuyển đến nhiệm sở khác. Mà anh có thể nói với em là việc này chắc chắn được chấp thuận. Càng sớm càng tốt.”

“Thế mọi người nghĩ sao?”

“Cho đó là chuyện vô lý hết sức. Không phải vì lão trở mặt chống lại việc xây đập, nhưng một số cán bộ trẻ đã bắt đầu hoài nghi giải pháp này. Song với một kẻ to mồm như lão..., em biết đó, từ trước đến nay dưới mắt người ngoài Bộ Công chính vốn được coi như một đại gia đình, trên dưới đồng lòng thống nhất một quan điểm, mà không ai được phép đi lệch khỏi. Đúng là thế, cũng là đại gia đình đấy nhưng mỗi người một ý nên phải ngồi bàn với nhau để đề ra đường lối làm việc.

Được cái không khí cơ quan thì vui vẻ. Có gì đóng cửa bảo nhau.”

“Chính là do cái không được phép đấy,” Anne nửa đùa nửa thật.

“Không chỉ là không được phép mà mọi người trong cơ quan cũng muốn thế.”

“VẬY Lievenbach có khác gì con chó bị xua đuổi. Không những lão chống lại việc xây đập mà còn phá vỡ cái truyền thống cố kết của cơ quan.”

“Nói kiểu trắng đen như em thì có khác gì thiên hạ vẫn nói về cơ quan anh.

Chính Lievenbach đã gây hại cho cơ quan bởi cái lập trường cứng rắn của lão với những ai bất đồng ý kiến về việc xây đập. Thực ra, đa số đồng nghiệp không chấp nhận thái độ của lão. Ai cũng sẵn sàng thảo luận, trao đổi ý kiến, ngoại trừ một vài kẻ cực đoan như Lievenbach, khiến người ngoài nghĩ sai về cơ quan Delta.

Một ví dụ, em còn nhớ trận “thủy chiến” giữa chiếc du thuyền chở mấy ông nghị sĩ và đoàn thuyền đánh cá bữa trước không? Lúc đấy anh ngồi trên du thuyền giảng giải cho mấy ngài nghị sĩ trong khi hai thằng con nhà mình thì ở mấy tàu đánh cá bủa quanh. Hôm sau đến cơ quan, mọi người lấy chuyện đó làm đề tài trêu chọc anh. Nhưng chỉ là đùa chơi thôi, họ khen hai đứa nhỏ có lập trường riêng. Có người lại vui tính hỏi thế tối về bố con, ai phải chịu thua. Mỗi Lievenbach là kẻ duy nhất tỏ ra châm chọc. Hắn mỉa mai hỏi anh: “Vậy ra, “nuôi ông tay áo, nuôi khỉ dòm nhà” phải không Boesschoten?”. Không, Lievenbach ra khỏi cơ quan thì chẳng ai tiếc nuối gì, còn việc đóng mở Oosterschelde hằng bàn sau.”

“Ra là vậy. Thế mà thằng Valeer cứ lo mãi bố có thể gặp phiền phức chỉ vì nó ngồi trên mấy cái tàu đánh cá.”

“Valeer là đứa con ngoan. Anh rất hài lòng để nó được toại nguyện theo nghề chài lưới.”

“Vâng,” Anne trầm ngâm, “nhưng không biết là được bao lâu nữa. Chỉ một hai năm thì nghề nuôi nghêu hay bắt hào này chẳng còn gì.”

Chương 19

Ngày 1 tháng Ba năm 1974, Ủy ban Klaasesz công bố bản phúc trình của họ sau khi đã xem xét tất cả các phương án khả thi. Ủy ban đề nghị cho xây một cái đập nhiều ngăn ở cửa biển Oosterschelde, với các ô trống cho nước triều vào những bãi nuôi nghêu ở Yerseke với mức xê dịch trung bình 1 mét 80 và có khả năng hạ mực nước xuống 70 cm ở phía trong cửa biển, trường hợp có bão lớn. Phương án này nếu được thi hành sẽ không mất nhiều thời gian hơn phương án đóng hẳn cửa biển trước đây (dự kiến hoàn thành năm 1978).

Sau đó để tăng cường an ninh, một cái đập chống bão sẽ được xây giữa Roompot và Schaar van Roggenplaat; cái đập này có một số cửa ngang, có thể tùy nghi đóng mở khi mức nước dâng quá cao hoặc hạ xuống quá thấp.

Cái đập này sẽ thay thế cho cái đập nhiều ngăn nói trên sau khi hoàn tất.

Như thế ủy ban muốn đóng cửa biển Oosterschelde bằng một cái đập tam thời, có nhiều ô trống để nước thông thương. Sau đấy, họ sẽ làm một cái đập khác với nhiều cửa thoát, có thể đóng mở được khi cần thiết. Ưu thế của giải pháp này là vừa đảm bảo được an toàn lũ lụt vừa giữ được môi sinh và ngư nghiệp. Vấn đề là kinh phí tốn kém hơn làm một cái đập thông thường rất nhiều và không biết về mặt kỹ thuật có khả thi hay không.

Chính phủ tiếp nhận những đề xuất đó và chuyển tới các cơ quan chức năng xem xét. Ủy ban kế hoạch quốc gia RPC được giao nhiệm vụ nghiên cứu tính khả thi về mặt kỹ thuật để xây một cái đập nhiều ngăn đảm bảo được yếu tố an ninh cũng như vấn đề môi sinh. Vâng, theo như nhận định của RPC thì dự án này hoàn toàn có tính khả thi. Trong mỗi ngăn đập, có nhiều cửa đóng mở được mỗi khi cần. Mỗi ngăn cấu thành bởi một cái trụ bê tông khổng lồ. Người ta đổ những cái trụ này trên đất liền, sau đấy dùng tàu lớn chở ra ngoài biển lắp đặt.

Ngày 9 tháng Mười một năm 1974, ông Bộ trưởng Công chính gửi lên Hạ viện cho biết chính phủ đã quyết định đóng cửa Oosterschelde để xây một cái đập nhiều ngăn với những cửa thoát có thể đóng mở được. Khi đóng lại, cái đập có thể đảm bảo tuyệt đối về mặt an ninh như trong dự án ban đầu. Khi mở cửa đập nước triều vẫn có thể vào lên xuống như thường.

“Phiên họp bắt đầu,” Jos tuyên bố khai mạc, tay anh cầm chiếc búa chủ tịch đoàn đập xuống mặt bàn trải băng nhung trong quán cà phê Dijkzicht.

“Chào mừng các bạn.”

“Lúc nào chẳng vậy,” Dingeman Tamboer nói.

“Im đi cho. Chương trình nghị sự hôm nay là... Arie, cậu còn nhớ cái tên đập là gì không?”

“Cái đập chống bão xây bằng trụ.”

“A, đúng rồi. Cảm ơn cậu. Có ai phát biểu gì không?”

“Tôi,” Bart Priem lên tiếng. “Tôi thấy đó là chuyện vô lý, quá rắc rối. Kinh phí phụ trội lên đến một tỷ rưỡi gulden. Vị chi là mỗi người Hà Lan phải đóng một trăm gulden. Nói cách khác thì mỗi người dân Zeeland phải đóng góp năm nghìn gulden. Cứ để tôi bỏ túi năm nghìn còn mặc cho dòng Oosterschelde mở đấy thì có sao đâu.”

“Ồi giời, vậy ra cậu muốn tranh đấu tiếp chứ gì?” Lijn Jekel hỏi.

“Đúng thế.” Bart gật đầu. Và người em tên là Ger cũng đồng tình.

Mọi người bàn qua bàn lại hồi lâu. Thực ra ý kiến chung thì ủng hộ giải pháp kẻ những cái đê hiện thời hơn là xây một cái đập mới tốn kém kinh phí như thế mà lại rắc rối về kỹ thuật. Nhưng mặt khác họ lại cho là cái đập nhiều cửa thoát này xem ra có vẻ tốt hơn...

“Tốt hơn cái gì mới được chứ?” Arie nói. “ Có thể nào bảo rằng pho mát có lỗ còn hơn không có pho mát? Nếu vậy tôi đành ăn bánh mì khô vậy.”

Đây là dịp để Jos chứng tỏ mình là tay chủ tịch giỏi. Không phải nhờ có cây búa nhỏ mà bằng chính tài hùng biện của mình, anh đã tái lập trật tự cho cái cuộc tranh cãi lộn xộn này.

“Các bạn ạ, chúng ta nên thực tế một chút. Chỉ năm năm trước đây khi lần đầu tiên chúng ta lên tiếng đòi mở cửa Oosterschelde, ai cũng cho chúng ta là những thằng điên. Thậm chí còn lên án chúng ta là những kẻ vô trách nhiệm, những thằng ngốc, mơ tưởng chuyện trên trời dưới đất. Bây giờ chính phủ đề nghị mỗi người dân Hà Lan đóng góp một trăm đồng để cứu vãn cho hệ sinh thái ở Oosterschelde. Nước triều vẫn còn đó. Nghề nuôi nghêu, nuôi hào vẫn còn đó. Đấy chẳng phải là một điều đáng ghi nhận hay sao? Đấy không phải là một chiến thắng rực rỡ hay sao? Nó không riêng gì chỉ là chiến thắng của chúng ta mà còn của thiểu số những người chống lại đa số - những ngài chính trị gia, báo chí Zeeland, Bộ Công chính, những người quản lý đê điều, những người xây đê. Tại sao giờ chúng ta lại ngồi đây cãi nhau loạn xạ như thế? Nếu quốc hội chấp nhận đề nghị của chính phủ thì chúng ta nên mừng chứ. Song chúng ta còn nhiều việc phải làm nữa, chúng ta sẽ tiếp tục tranh đấu về việc chọn vị trí xây những chiếc đập phân cách ở nội địa. Nhưng nếu cái đập...”

“Đập chống bão xây trên trụ,” Arie nhắc.

“Nhưng khi cái đập chống bão xây trên trụ được phê duyệt thì chúng ta phải ăn mừng chứ.”

Toos vỗ tay. Mọi người làm theo cô.

“Vậy thì các bạn đồng ý với tôi chứ gì?” Jos vui mừng hỏi.

Tất cả cử tọa gật đầu tán thành.

“Như thế thì chúng ta quyết định rằng nhóm “Còn nước còn tát” không chống lại đề nghị của chính phủ. Bởi những điểm chính trong dự án đó cũng là điều mà chúng ta hằng theo đuổi.”

Anh lấy búa đập một tiếng làm hiệu như đã thông qua điều này.

“Úi chà, nói nghe lọt tai quá,” Dingeman Tamboer nhận xét. “Đáng lẽ anh phải làm nhà chính trị mới đúng chứ.”

“Có thể anh không để ý. Sự thực chúng ta đã hoạt động chính trị suốt năm năm nay. Chính trị thứ thiệt liên quan đến vấn đề có tính chất lâu dài như Oosterschelde chẳng hạn, chứ phải mấy chuyện đảng phái vớ vẩn đâu. Tôi tuyên bố cuộc họp đến đây kết thúc.”

*

Lại một lần nữa, Piet dắt về nhà một cô gái tên là Hetty. Chỉ có mỗi một chữ khác với tên cô gái kỳ trước, Letty. Đây là thói quen của Piet, hay mang những cô gái “ruột” về, tức là những người mà cậu có liên hệ nhiều hơn hai tháng, còn những liên hệ thoáng qua thì ở nhà không biết được.

Trông Hetty thật khỏe khoắn. Tháng Mười một rồi mà da vẫn còn rám nắng. Cô có vóc dáng thể thao, rắn chắc, chẳng có gì lạ vì cô đã từng đoạt giải vô địch quần vợt thiếu niên Nam Hà Lan và là thành viên của đội bóng chuyền quốc gia. Khuôn mặt cô thật ngộ nghĩnh, đầy tàn nhang, với đôi mắt xanh rất đẹp.

“Lúc nào anh chán cô bé thì cho em biết nhé,”

Valeer nói giọng đầy tán thưởng.

*

Chiều Chủ Nhật, cả gia đình Boesschoten và Hetty đi ô tô đến Renesse để đi dạo. Không một bóng người trên bãi biển. Chẳng có gì lạ cả, bởi ngay giữa mùa hè với cái nóng hai mươi độ chỉ cần một đám mây che ngang mặt trời thì những người nằm phơi nắng đã nhanh chân chạy ngay. Biển chỉ để làm cảnh cho những người tắm nắng.

“Mình muốn xuống tắm bây giờ.” Piet nói khi họ đã đi được nửa đường đến Haamstede.

“Hay đấy,” Hetty hưởng ứng liền. “Anh thích tắm giữa trời đông chứ gì, em cũng thế, em sẽ đi cùng anh.”

“Thế cô cậu có mang đồ tắm theo không?”

Henk hỏi.

“Không.” Piet đáp. “Có gì đâu mà ngại. Chẳng có ma nào ở đây. Em có ngại không Hetty?”

Valeer mong cho bố mẹ không phản đối, bởi cậu ngầm thích được ngắm nhìn Hetty trong bộ đồ thiên nhiên. Anne và Henk đưa mắt nhìn nhau không nói gì. Màn thoát y ít hấp dẫn như là Valeer nghĩ. Hetty đã đi chân đất và chỉ trong mười giây là lột xong áo khoác, quần, áo len, si líp và cô đã chạy ào xuống nước. Piet chạy theo sau, da dẻ trắng bộp còn hơn cả Hetty.

Henk miệng thì suýt xoa vì lạnh, còn mắt thì ngó theo Hetty chạy xuống biển. Anne rùng mình, quay mặt đi chỗ khác, lẩm bẩm nói: “Tôi không thấy gì hết.”

Ba người rảo bước tiếp để lại đằng sau sự riêng tư cho hai kẻ yêu thể thao.

“Chẳng có khăn tắm lau người cho ấm. Khó mà tưởng tượng nổi. Hai đứa liều thật.” Anne phàn nàn.

Đi được một trăm thước thì Valeer trông thấy có hai nhân viên cảnh sát cưỡi ngựa hướng tới chỗ hai kẻ đang tắm trường. Bãi biển rất rộng, nhưng Piet và Hetty đã kịp nhìn thấy cảnh sát. Họ chạy ào lên, vớ vội quần áo mặc vào. Anne, Henk và Valeer cũng quay lại. Thế là một cuộc chạm trán diễn ra chỉ trong một diện tích mấy mét vuông giữa bảy người và hai con ngựa, trong đó có hai kẻ đang mặc dở áo quần. Một viên cảnh sát tuổi chừng hai mươi lăm, còn người kia chừng cỡ năm mươi. Anne nhìn kỹ người đàn ông. Trời ơi, đúng là anh ta rồi. Giel Nolen, viên cảnh sát ở Brouwershaven đã từng gây bao nhiêu rắc rối cho Anne ngày trước. Dĩ nhiên là anh ta trông già hơn, khuôn mặt đã có vài nếp nhăn. Nhưng tính thì có vẻ chẳng thay đổi gì, bởi ông ta nói:

“Luật cấm không được tắm trường nơi công cộng.”

“Thưa ông cảnh sát, điều đó là thừa.” Piet đáp lại có vẻ gay gắt, vừa nói cậu vừa vung hai tay lên cho ấm người. “Thời buổi bây giờ bãi tắm trường mọc lên như nấm ở cái xứ Hà Lan này.”

“Đây là những bãi tắm riêng. Những chỗ ấy không phải là chốn công cộng.”

“VẬY Ừ? THẾ THÌ XIN ÔNG CỨ XEM NHƯ Ở ĐÂY CÓ AI ĐỂ Ý ĐÂU, VỀ PHÍA MẶC QUẦN ÁO CŨNG NHƯ PHÍA TẮM TRƯỜNG.”

“Dù sao thì cũng không được phép tắm trường ở đây.”

“Rắc rối nhỉ,” Piet nói. “Theo tôi thì ở cái bãi này chẳng ai thấy mình bị xúc phạm cả.”

“Ngoài hai người ra, tôi còn đếm được năm người nữa ở đây,” ông cảnh sát nói.

“À, đây là bố mẹ tôi, và đây là cậu em tôi. Có ai thấy mình bị xúc phạm không nào?”

Anne, Henk và Valeer lắc đầu một cách trịnh trọng.

“Chắc là các ông bị xúc phạm”, Hetty nói. “Nhưng biết đâu mấy vị lại thích như thế. Cứ xem họ phóng ngựa như bay đến đây.”

“Một kiểu thông dân ấy mà,” Piet châm chọc thêm vào.

“Thế này thì phải lập biên bản vậy,” Nolen bực tức nói.

Thình lình Anne cất tiếng: “Này Piet, con hiểu nhầm rồi. Hẳn ngài cảnh sát nghĩ là các con xuống nước rửa cho sạch vết máu để che giấu án mạng ấy mà.”

Mọi người nhìn chị.

“Kìa, đúng là anh này rồi,” Henk lẩm bẩm.

Nolen ngập ngừng: “Anne Strijen.” Có thể vì lễ độ hay vì một lý do nào khác, Nolen xuống ngựa.

“Vâng, tôi đây,” Anne nói. “Già hơn hai mươi một tuổi và cũng hai mươi một tuổi yếu hơn rồi. Đứa con hoang của tôi đấy. Còn thằng cao to này là đứa thứ hai, bố nó là con quỷ râu xanh.”

Nolen then đỏ mặt.

“Này Thijs, ta đi thôi.”

“Nếu tuần tới người ta tìm thấy xác ở đây,” Anne chua chát nói, “thì ai cũng biết chỉ cần phất tay một cái là cái ông thám tử tài ba Giel Nolen đã giải quyết xong vụ án mạng.”

Nolen chỉ muốn chuồn cho thật nhanh, một chân đặt vào bàn đạp loay hoay mãi vì con ngựa chẳng chịu đứng yên.

“Không làm biên bản ư?”. Henk mỉa mai hỏi.

“Hôm nay thì không,” Nolen đã ngồi trên lưng ngựa, mặt đỏ bừng. Ngồi trên cao trông ông ta kém hẳn oai vệ so với năm phút trước đây. “Chào bà”

Nolen quên chào những người kia, phóng ngựa đi ngay, theo sau là người cảnh sát trẻ.

“Con tò mò quá,” Piet nói.

“Được rồi,” Anne đáp, “bố mẹ chưa kể cho các con chuyện này, bởi vì nó còn để lại cái vị nhơ nhớp chưa tan.”

Rồi Anne kể vắn tắt câu chuyện ngày trước.

Nghe xong, Valeer hỏi: “Thế thì trận bão lũ cũng có lợi cho mẹ đấy chứ.”

“Không đâu,” Anne trả lời dứt khoát, “mẹ đã mất cậu em trai trong cơn tai biến ấy. Mẹ biết mình vô tội nên mẹ chẳng sợ gì tai tiếng.” Trong thâm tâm Anne biết rằng dù chị bất chấp dù luận đàm tiếu, thằng con chị đã có lý.

“Con rất muốn mẹ tâm sự với chúng con,” Piet nói. Họ tiếp tục bước đi, xung quanh là cát, trời và biển. “Chuyện quan trọng như thế mẹ không nên để cạnh cánh bên lòng. Đây là một trong những chìa khóa để mở cửa đi vào tâm hồn. Không những chỉ có bậc làm cha mẹ muốn nhìn vào tâm hồn của con cái, mà ngược lại con cái cũng muốn nhìn vào tâm hồn của cha mẹ.”

Anne khoác tay cậu con cả: “Đúng rồi, Piet ạ.”

Chương 20

Vào hai ngày 19 và 20 tháng Mười một năm 1974, ông bộ trưởng Công chính điều trần trước Hạ viện về vấn đề Oosterschelde. Những câu hỏi về kỹ thuật đã được giải đáp từ trước bằng thư. Tại buổi tranh luận trực tiếp, cũng như mọi khi, những quan điểm trái ngược được đưa ra thảo luận, trong trường hợp này là giữa sự an ninh và môi sinh.

Ngay từ đầu không khí đã hứa hẹn một cuộc tranh luận nhiều sôi nổi. Mỗi diễn giả đều nhấn mạnh nền an ninh của tỉnh Zeeland là có tầm quan trọng tuyệt đối và sự bảo vệ môi sinh cũng là vấn đề ưu tiên đối với họ, nhưng dần dần xuất hiện hai xu hướng rõ ràng, một đòi vấn đề an ninh tuyệt đối, còn phía kia đòi cho môi trường. Henk Boesschoten và cậu con trai Piet, trong ngày thứ hai của cuộc họp, dự thính với tư cách là quần chúng để nghe cuộc tranh luận trắng giang đại hải của mấy ông dân biểu. Anh quay sang nói nhỏ với con: “Bố đã nểm rồi, căng thẳng lắm đấy. Nếu không có một hai ông dân biểu thuộc khối Dân chủ Công giáo bỏ phiếu ủng hộ dự luật của Chính phủ thì dự án xây cái đập nhiều trụ này coi như đi tong.”

“Vậy thì trúng ý bố quá rồi còn gì,” Piet nói.

“Con nhầm rồi. Với tư cách là một kỹ sư công chính, đối với bố cái đập đó rất thú vị. Hiện trên thế giới chưa có cái đập nào như thế. Bố rất mong được đóng góp một phần nhỏ vào công trình này.”

Anne và Valeer ở nhà theo dõi cuộc tranh luận trên tivi. Sớm muộn thì nội trong tối nay họ sẽ phải bỏ phiếu đưa ra quyết định cuối cùng. Bản tin cuối ngày lúc mười giờ rưỡi vẫn chưa thấy có kết quả. Lúc mười một giờ kém mười lăm, Henk gọi điện từ Den Haag, thông báo rằng cuộc tranh luận đã đến hồi cay đắng. Ông bộ trưởng bị tấn công toại bởi nhưng ông đã chống đỡ một cách đáng khen ngợi. Tuy vậy, ông cũng phải hứa là nếu kinh phí dự trù và vượt lên con số một phẩy bảy tỷ Gulden, hoặc tốn nhiều thời gian và kỹ thuật rắc rối quá thì ông sẽ thực hiện dự án ban đầu.

“Còn bao lâu nữa thì bỏ phiếu?” Anne hỏi chồng.

“Chắc không lâu đâu, khoảng nửa tiếng nữa thôi.”

“Và...?” Anne thắc mắc.

“Khó mà biết được. Nếu không có đủ bốn phiếu ủng hộ của phe đối lập thì dự án này coi như không thành. Chẳng ai biết liệu có được bốn phiếu này không.”

“Thế hai bố con đêm nay ngủ lại Den Haag à?”

“Cũng khuya rồi, chắc không về kịp Zierikzee đâu. Anh sẽ nghỉ lại chỗ Piet ở Delft. Kiểm cái đệm nào trải xuống đất là xong mà.”

“Lát nữa anh có gọi lại không?”

“Có kết quả anh sẽ gọi lại ngay.”

Gọi điện cho Anne xong, Henk trở lại chỗ ngồi cho công chúng. Mười một giờ rưỡi thì họ bắt đầu bỏ phiếu. Ông chủ tịch Hạ viện yêu cầu dân biểu nào bỏ phiếu ủng hộ dự án xây đập thì đứng dậy. Khoảng nửa hội trường đứng dậy. Đây không phải là để xem có đa số hay không. “Chúng ta sẽ bỏ phiếu từng người một,” ông chủ tịch nói.

Ông thư ký quốc hội đứng lên bục đọc tên từng dân biểu. Đọc đến tên ai thì người đó phải trả lời thuận hay là chống, chứ không ai được trả lời là không có ý kiến. Ai không có ý kiến thì tự tiện ra khỏi hội trường. Phiếu đếm xong thì không chỉ có bốn mà có đến tám phiếu ủng hộ phê đối lập. Cuối cùng thì dự án xây đập đã được chấp thuận với bảy mươi lăm phiếu thuận và sáu mươi bảy phiếu chống. Piet chạy ào đến phòng điện thoại để báo cho mẹ và em cậu biết tin trước khi đài truyền thanh thông báo lúc mười hai giờ kém năm.

“Mẹ con mình làm gì bây giờ nhỉ? Mở rượu ăn mừng hay ra ngoài để chia vui với dòng Oosterschelde?”

Valeer muốn ra ngoài đi nhưng hiềm một nỗi bố cậu lại đem theo chìa khóa.

“Khuya khoắt lạnh lẽo thế này mà đi bộ ra ngoài đi thì hơi quá.” Anne nói.

“Coi như khất nợ với dòng Oosterschelde lần này.”

Anne đồng tình: “Ừ, nhưng bây giờ mẹ con mình phải uống chút gì chứ?”

Nói là làm liền. Hai mẹ con cùng ly này đến ly khác mừng cho cái nhánh biển trù phú Oosterschelde.

*

Ba mươi sáu giờ sau, vào ngày thứ Sáu, Arie làm lễ thành hôn với Toos. Một sự kiện khá nổi bật ở thị trấn Yerseke này, bởi cả trường học nơi Arie dạy tham gia, còn nhóm “Còn nước còn tát” thì coi đây là dịp để ăn mừng chiến thắng. Người ta treo cờ khắp nơi. Học sinh của Arie đội những chiếc mũ giấy sặc sỡ, hát bài ca do ông hiệu trưởng sáng tác trong một lúc ngẫu hứng:

Arie Puyk lặn xuống dòng Oosterschelde
Ngặt nghèo thay số phận chờ anh
Nếu xây đập ở đây thì tất cả đi tong.
Chợt thấy chiếc thuyền Toos tới vớt anh
Nào, hãy theo em, ta sẽ ngao du
Nhưng trước tiên hãy kết hôn.
Hay là, anh chẳng muốn em
Một mình đi xây đập chống bão
Ở Oosterschelde

Arie nồng nhiệt cảm ơn tụi học trò. Anh hứa sau tuần trăng mật sẽ cùng chúng sửa lại câu cú bài thơ.

Sau đấy, Jos đọc một bài diễn văn khá dài, đại diện cho nhóm “Còn nước còn tát” anh tặng đôi tân hôn cái đĩa bày sa lát, trên có khắc những chữ hoa kiểu cách, tên tất cả các thành viên của nhóm. Buổi tiệc rất rộn ràng, bởi ai nấy đều vui vẻ, mà thế thì rất dễ quá chén. Nhưng chẳng dễ gì dừng được một cuộc vui như thế lại.

Cả nhóm nghiên cứu đến chúc mừng, hội bảo vệ môi sinh ở Zeeland, thậm chí cả ngài thị trưởng cũng tới dự. Tiệc cưới bỗng chốc trở thành ngày hội lớn cho dòng Oosterschelde vẫn còn nguyên với dòng nước triều lên xuống. Arie và Toos lén ra ngoài thay đồ. Một đám đông vui vẻ, hộ tống hai người ra bến, xuống chiếc thuyền của Toos. Arie nâng khuôn mặt Toos lên, nhìn sâu vào mắt cô. “Thầy Puyk ơi,” cô nói, “em hạnh phúc vô cùng bởi có anh và dòng Oosterschelde này. “Chiếc thuyền phóng đi, để lại phía sau lớp bọt trắng xóa. Trong khi đó, hàng trăm cánh tay tung theo những hạt gạo cầu phước cho đôi tân hôn. Họ đi đâu, chắc chỉ có mình họ biết. Mọi người quay trở lại phòng tiệc, tiếp tục say sưa đến tận khuya.

“Thế ra, việc này đâu chỉ cho mấy loài thảo mộc, phải không con?” Anne nói với Valeer. Hai mẹ con chị thả bước trên bờ đê, thực hiện lời hứa hôm nào ăn mừng chiến thắng với dòng Oosterschelde

“Ý mẹ sao cơ?” Valeer hỏi.

Không vội trả lời, Anne nhìn theo dòng nước như chị vẫn hằng ngắm từ bao năm nay. Biển mênh mông vô hạn làm ta buồn vui lẫn lộn, cũng như sự vĩnh hằng đem đến cho ta cả niềm vui lẫn nỗi buồn.

“Có thể các con, cũng như thế hệ các con, đã được một bài học nhớ đời. Chúng ta là sản phẩm của thời đại kỹ thuật. Mà chính kỹ thuật khiến chúng ta quên đi những điều tưởng như thật giản đơn, nhỏ bé đó. Bởi kỹ thuật hiểu thấu tất cả, chế ngự và hoán chuyển tất cả.”

“Vâng, xã hội chúng ta được xếp đặt như thế. Chúng ta đã được dạy như vậy. Con người với những hiểu biết về khoa học kỹ thuật đã quay lại áp đặt luật cho thiên nhiên.”

“Các con làm sao hiểu được mấy cây thảo mộc,” Anne nói như thế với chính bản thân chị.

Anne nắm cánh tay con trai, cánh tay rắn chắc, khỏe mạnh của những ngày làm việc trên tàu đánh cá.

“Thật lỗ bịch, khi bỏ ra một số lớn kinh phí như thế để xây một cái đập mới có nhiều cửa. Con thấy vô lý hết sức. Sao người ta không tiếp tục kè đê lên cao như mấy cái đê dọc theo dòng Westerschelde.”

“Ừ nhỉ,” Anne đáp mà vẫn đắm chìm trong suy nghĩ.

“Mẹ thấy chi tiền như thế có hoang phí không?”

“Chúng ta trả một khoản tiền đó để bắc một nhịp cầu nối kết hai nhóm người đối lập, một đảng dựa trên kỹ thuật hiện đại, còn đảng kia thì tin vào sự huyền diệu của những con bọ rùa còn tinh kỳ hơn cả mấy cái đập ở Haringvliet. Vậy chi tiền vào đâu lợi hơn?”

“Ý mẹ muốn nói đến cái hố ngăn cách giữa bố và bọn con phải không?”

“Cũng chưa đến nỗi sâu lắm, đúng không con trai? Mẹ nghĩ đấy là một điều hay vì chúng ta cùng chấp nhận một giải pháp khả thi. Tất nhiên, mỗi người mỗi ý. Nếu ai cũng giống nhau thì cuộc đời này còn gì là thú vị.”

“Mẹ của con thật tuyệt,” Valeer thốt lên.

“Mẹ vẫn phải đi học. Cứ chờ xem, lúc mà mẹ lớn thêm...” Rồi chị cất tiếng hát Hiểu biết sẽ đến sau, hồ đô. Chị sai bước. Valeer gắng theo cùng nhịp với mẹ. Hai mẹ con cùng lặng ngắm dòng Oosterschelde.

Một giờ sau, họ về đến nhà thì nhận được tin ông Strijen vừa qua đời bởi một cơn đau tim.

HẾT

Lời bạt

Không phải tất cả những gì trong cuốn sách đều xảy ra đúng sự thực. Có thể bạn thấy rằng tính cách này, nhân vật này sao mà giống với ai đó ngoài đời thường, nhưng không hẳn vậy. Tất cả các nhân vật đã được hư cấu, trừ trường hợp quá rõ ràng như Ủy ban Klaasesz. Trước khi bắt tay vào viết, bản thân tác giả đã đến tận nơi thăm hỏi, gặp gỡ và nói chuyện với người dân hai tỉnh Nam Hà Lan và Zeeland. Qua hồi ức của các ông Joop Roodenburg, Johan Kole, G.A. van der Wende, cùng nhiều người khác nữa không thể ghi hết ra đây, trận hồng thủy năm 1953 đã được tái hiện trong cuốn sách này. Ngoài ra, tác giả cũng tham khảo thêm một số sách vở, bài báo và tài liệu có liên quan.

Jan Terlouw

[1] Odysseus (Ulysses): Nhân vật trong sử thi của Homer (chú thích của người dịch).

[2] Pôndơ : Theo từ “polder”, dùng để chỉ vùng đất lấn biển phía trong đê, thường thấp hơn mực nước biển, một cảnh quan đặc trưng của Hà Lan. (Chú thích của người dịch)

[3] Jenever: Rượu trắng Hà Lan cất từ ngũ cốc như lúa mạch, ngô..., cỡ chừng 35 độ.

[4] Wad, Wadden: Biển Friesland, nước cạn.

[5] Piet-Paaltjes là bút hiệu của Francois Haverschmidt (1835-1894), nhà thơ, mục sư Hà Lan nổi tiếng vì những vần thơ châm biếm, ám đạm.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>